

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Hoàng Cầm (II)

#### Tiểu sử

Sinh ngày 22.2.1922 tại làng Lạc Thổ Chợ Hồ, huyện Lang Tài, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

#### Tác phẩm

Hận Nam Quan (kịch thơ, 1944), Lên đường (kịch, 1945)  
Cô gái nước Tần (kịch thơ, 1946), Men đá vàng (thơ, 1988).



tranh Trần Ngọc Tính

### Mục Lục

Con người Trần Dần – 2

Một vị thuốc đắng một vị thơ – Nam Dao – 11

Con người Hoàng Cầm – Nguyễn Đăng Mạnh – 19

#### Phụ đính I :

#### Chùm thơ Hoàng Cầm

#### Phụ đính II :

Tâm sự đôi tất niên – Về với ta của Hoàng Cầm  
Hoàng Cầm, người mơ truyền kiếp – Yếm thắm hương xưa  
Nhớ Hoàng Cầm - Hoàng Cầm, một đời “nhớ tiếc”

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Con người Trần Dần

Lần đầu tiên tôi biết Trần Dần là trong một trại hè của các đoàn văn công quân đội năm (19...) Dáng người thấp, hơi thô, tay chân chắc nịch, lúc nói chuyện thường ồn ào, giọng cười thẳng thắn, ròn rã. Đôi mắt xéch với cặp mày rậm làm cho khuôn mặt anh dữ tợn, nhưng đến khi anh há mồm ra cười thì trông lại như một đứa trẻ con.

Tôi biết tiếng anh từ lâu - Ở bộ đội Sơn La, từ đầu năm 1947, nổi tiếng có một anh Trần Dần nào đó thường vẽ và làm thơ có nhiều cái rất lạ, anh em văn nghệ xung quanh thì rất thích nhưng đồn rằng bộ đội thì không hiểu và một số cán bộ chính trị ở đơn vị thì lấy làm bực mình.

Tới trại hè năm 1951, các đoàn văn công nỗ lực tập luyện để phục vụ một chiến dịch lớn. Trần Dần phụ trách huấn luyện cho mấy trăm anh chị em: sáng tác đạo diễn và diễn viên. Trong bóng rợp của một rừng nứa, giọng anh rủ rỉ như lời tâm sự, giảng về văn nghệ nhân dân. Văn nghệ do dân, vì dân, có Đảng lãnh đạo. Giọng anh thắm thía từng ngày lên lớp. Mấy trăm anh chị em lần đầu tiên được học một tài liệu dài đến gần hai tháng, đều vui trong lòng như một người đi trong đêm rét, chợt nhìn thấy lửa ấm của một túp nhà. Học xong tài liệu Văn nghệ nhân dân, anh chị em say sưa công tác hơn vì người giảng viên Trần Dần đã thổi vào tâm sự mọi người một cái tư hào. Đến bây giờ tôi (...) <sup>[1]</sup> Lỗ Tấn mà Trần Dần đọc ra để dẫn chứng cho tài liệu:

*Hoành mi lỉnh dối thiên phu chi  
Phủ thủ cam nhi nhụ tử ngư*

Học xong phần lý luận có thể nói hầu hết anh chị em văn công đều yêu mến Trần Dần như một người bạn từ lâu lắm. Những người có chuyện riêng gỡ mãi không ra, đều tìm đến hỏi Trần Dần. Một anh sắp lấy vợ, một chị bị ép chồng, một diễn viên già có vợ ở vùng tạm chiến, đều đến tìm Trần Dần – không phải là một câu trả lời thoả đáng – nhưng chính là một sự an ủi, một câu nói chí tình, và để nghe ở anh cái giọng cười quen thuộc, giọng cười vô tư, rất yêu đời.

Dần dần anh chị em gọi Trần Dần là “thầy tướng” và lắm khi tin anh như một người đau khổ ngày trước tin số mệnh, đã đặt cho anh một cái tên “Trần Dần cốc tử”.

Hồi ấy Trần Dần yêu một nữ diễn viên văn công. Vốn tính cương trực, lỗ mãng, anh không biết cách nào khéo léo để lấy lòng yêu của người đàn bà. Anh không biết nói đẹp, nói hay, chỉ non thè bẻ, xem lá rụng, hoa tàn để vừa ý một cô gái rất đồng danh. Gặp cô, anh “tấn công” luôn, rất thô kệch. Cô ấy sợ, và chạy trốn. Anh đuổi không kịp.

Rồi anh thất vọng to, và cũng biết khóc. Một lần bắt chợt anh ôm đầu khóc, tôi kéo mấy anh bạn vào xem: “Vào đây xem voi chảy nước mắt các cậu ơi!” Mãi về sau hình ảnh cô gái đó đột hiện lên, tươi roi rói, đẹp và anh đứng trong những trang đầy nhiệt huyết của cuốn truyện *Người người lớp lớp* <sup>[2]</sup>.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Trần Dần thức thâu đêm suốt sáng để viết bản thảo lần thứ ba cuốn truyện về những người đã tạo ra chiến thắng lịch sử lớn lao đó. Đạo ấy tôi thấy anh gầy rộc đi, mắt trũng trong một quầng thâm rộng. Nhưng mắt anh có những tia sáng mới. Anh biết anh đang luyện ngòi bút cho thật sắc sảo, “có sắc sảo mới diễn tả hết con người và cuộc đời”. Anh rất ghét lối viết dễ dãi, tạm bợ, tả bộ đội chỉ thấy súng nổ, lửa bốc, chỉ thấy ụnh oàng mà chẳng thấy người. Anh gọi những loại văn đó là: văn chương khói lửa mịt mù. Nhìn vào những trang sách, đọc giả tìm kiếm mãi mà chưa thấy một người, chưa thấy việc đời, chỉ thấy lổn nhổn những bộ máy lấp đi lấp lại và một lô danh từ, hình ảnh trống rỗng, thùng rỗng kêu to.

“Nhưng cái hướng chính của tôi không phải là tiểu thuyết. Hướng đi của tôi là thơ. Tôi sẽ tìm tòi trong thơ và cố gắng tạo ra một lối diễn tả riêng biệt – không phải lập dị- nhưng độc đáo.”

Trần Dần đã nói với tôi như vậy sau khi anh viết xong *Người người lớp lớp*. Hồi đó, anh có đưa tôi xem tập thơ làm đã lâu: *Tiếng trống tương lai* <sup>[3]</sup>.

Đọc lần đầu tiên, tôi không thích. Tôi cho Trần Dần là lập dị. Đọc lần thứ hai, thứ ba, tôi vẫn không thấy thích, nhưng dần dần tìm ra được nhiều cái mới lạ, khác với nếp cũ thông thường. Tuy nhiên, tôi vẫn không thấy thích cái lối thơ ấy. Dần dà đọc nhiều bài thơ anh làm về sau, tôi càng thấy “cái anh chàng này khác thường”. Khác thường theo ý tôi chưa chắc là đã hay. Dù sao do thơ Trần Dần, tôi suy nghĩ nhiều về trách nhiệm người làm thơ trước cuộc đời: đi sâu vào đời sống có suy nghĩ của con người, tìm cách diễn tả riêng, tạo ra một thế giới riêng cho mình. Tôi thấy thơ Trần Dần có phần đau xót, u ám, nhiều khi rất buồn, vừa cộc cằn lại vừa có cái tự hào sôi nổi, nhiệt tình thẳng thắn, táo bạo.

Nhưng giọng thơ của anh, vẫn không lọt được vào tâm hồn tôi - một người làm thơ theo một dòng khác. Dù sao tôi vẫn trân trọng và quý mến những cái tìm tòi của Trần Dần trong thơ. Tôi cũng nghĩ như anh thường nói: Mỗi người làm một kiểu. Có thơ như tiếng sáo, có thơ như tiếng kèn, có thơ như tiếng trống. Đừng bắt thơ ai phải giống ai. Có thể mới thành một cuộc “hoà âm” lớn của thi ca. Độc giả thơ cũng ví như người xem xiếc. Có người thích kiểu tung cầu, kiểu đứng trên lưng ngựa. Lại có người thích xem dạy hổ, leo dây. Nhiều khi sợ đến rùng mình, nhắm mắt. Mỗi dòng thơ thích hợp cho một loại độc giả. Có thể mới trăm hoa đua nở được. Gò bó theo ý thích chủ quan của một vài người, thơ sẽ thành hoa giấy đóng hộp bày trong tủ kính.

Hồi đó, tôi chưa biết Mai-a-cốp-sky. Khi hoà bình lập lại, về Hà Nội, đọc Mai-a, tôi thấy hơi thơ và cách diễn tả của Trần Dần có nhiều chỗ giống Mai-a. Tôi trách anh:

"Sao cậu lại bắt chước Mai-a? Bắt chước thì không thể nào độc đáo được."

Trần Dần nói:

"Tâm hồn có giống nhau thì mới ảnh hưởng sâu sắc được chứ! Mình bị ảnh hưởng Mai-a thực, nhưng cái chính là mình chịu ảnh hưởng thực tế cách mạng Việt Nam. Do đó mình sẽ dần trở thành mình."

Viết xong *Người người lớp lớp*, Trần Dần được phân công viết thuyết minh cho cuốn phim *Chiến thắng Điện Biên Phủ* và anh được cử sang Trung Quốc làm nhiệm vụ đó. Nhưng đi kèm bên cạnh anh là một cán bộ chính trị có quyền tối hậu quyết định <sup>[4]</sup>. Anh cán bộ này, đáng lẽ phạm vi công tác là góp ý kiến vào nội dung bản thuyết minh và bảo đảm cho nó không phạm những sai lầm về đường lối chính sách của Đảng trong chiến dịch Điện Biên Phủ, thì đã lợi dụng uy quyền của mình đi quá xa vào phạm vi văn học, bắt Trần Dần phải viết như ý mình, từng câu từng chữ, lạm dụng danh từ chính trị khô khan rộng tuếch để nhét cho kỳ được vào bản thuyết minh.

Đầu tiên, Trần Dần rất phục tùng người cán bộ chính trị khi dự thảo thuyết minh, và hoàn toàn theo sát những vấn đề chính trị sẽ đặt ra khi thuyết minh. Đến khi thấy anh cán bộ ấy “lên gân” và thọc bàn tay cứng lạnh vào phạm vi viết văn thì Trần Dần bắt đầu có phản ứng. Nhưng anh vẫn bình tĩnh, đề nghị cấp trên xét lại vấn đề. Đến khi “anh cán bộ vẫn là tối hậu quyết định cả từng câu chữ” thì Trần Dần thôi không làm công việc đó nữa, nhường cả phần “văn chương” cho đồng chí cán bộ.

Sau việc này sự mâu thuẫn giữa văn nghệ sĩ và cán bộ chính trị bắt đầu phát triển khá mạnh trong con người Trần Dần. Anh vẫn cố dẹp đi, nhiều lúc anh thẫn thờ ít cười ít nói nhưng vốn là con người chân thực – cái chân thực nhiều khi đến thô lỗ - lắm khi anh đã cục cằn, thốt ra những lời gay gắt thiếu lịch sự. Anh thường bàn với anh em, khi thấy nhiều thắc mắc quanh việc này: “Ôi già! Cái con số cán bộ chính trị bóp chết nghệ thuật thì không ít đâu. Làm thế nào để Trung ương Đảng biết rõ tình hình và đề ra những chính sách cụ thể cho văn nghệ sĩ, đó là nhiệm vụ của mỗi đứa chúng mình. Tin Đảng, yêu Đảng, đi theo Đảng đến cùng thì phải có phần góp ý kiến cho Đảng. Đảng cần nhiều khối óc, cần nhiều bàn tay, cần nhiều trái tim, chứ Đảng không cần đến những con người máy, giặt thể nào làm thế ấy”.

Đó là động lực thúc đẩy Trần Dần, rồi đến Tử Phác, Đỗ Nhuận, Hoàng Cầm, Trúc Lâm, Hoàng Tích Linh, và rất đông anh em công tác văn nghệ trong bộ đội dự thảo ra bản “Đề nghị Chính sách Văn nghệ” trình bày với cấp trên hồi đầu năm 1955, tại Hà Nội.

Bản dự thảo sắp được thông qua. Một vài cán bộ cao cấp trong quân đội tỏ ý tán thành những điểm chính trong bản đề nghị đó, và nhất là hoan nghênh tinh thần xây dựng của bản đề nghị.

Trong thời gian bản dự thảo còn bàn đi bàn lại, thì bỗng có một người đàn bà đến rất nhanh chóng trong đời sống của Trần Dần. Một chị ngoài 20 tuổi, đi đạo, ở Hà Nội mới giải phóng. Trần Dần gặp người đó và hai người yêu nhau. Lúc mới yêu người ta dễ say. Trần Dần lại là người chưa từng được yêu bao giờ, dù anh đã gần 30 tuổi. Anh mê man với mối tình đó buổi đầu và đã đôi ba lần làm trái với nội quy sinh hoạt của bộ đội. Cái tật xấu nhất của Trần Dần là bừa bãi trong sinh hoạt: quần áo, sách vở, vứt lung tung, bạ đâu ngủ đấy. Trong sự giao thiệp với người đàn bà này, anh cũng rất bừa bãi. Mới quen lần đầu đã ngiêm nhiên vác ba lô đến ở chơi nhà người ta vài ngày, rồi cười đùa âm ỹ. Anh đã sẵn sả đòi tình yêu. Người thiếu nữ có lẽ vì sợ đòi mất xéch đã đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, và đến lúc nhượng bộ cuối cùng: chị đã trao cả cuộc đời mình cho anh. Nhân lúc đang ốm yếu, được phép nghỉ, anh đã đến nhà người yêu ở hàng nửa tháng liền. Và anh đề nghị cấp trên cho anh được cưới.

Một người con gái mới lớn, đã sống trong không khí tôn giáo, sống trong vùng tạm chiếm lâu năm, lại có được uỷ quyền cho thuê mấy cái nhà, bây giờ bỗng dung yêu một anh cán bộ quân đội. Vấn đề gì đặt ra đây?

Trần Dần vẫn yêu đắm đuối và ngang ngạnh. Anh đề nghị đơn vị đi sát giúp đỡ anh. Lý lịch người thiếu nữ, theo anh, không có gì là mờ ám. Một công dân còn trẻ, chưa hiểu việc đời nhiều lắm, trình độ chính trị rất thấp, nhưng biết yêu lá cờ vinh quang của Tổ quốc, ngày giải phóng thủ đô, cũng chạy ra đường vẫy quân đội, miệng hoan hô không biết mỏi.

Trần Dần ngày càng không thể dứt ra được tình yêu dù anh biết mối tình đó sẽ gặp nhiều trắc trở. Quả nhiên, không ai “tán thành” tình yêu của anh, trừ một vài người bạn thân. Có người lên giọng đạo đức: Thăng Dần sa ngã rồi. Mới về Hà Nội đã hư hỏng, hoà bình chủ nghĩa thật.

Có người nghiêm nét mặt, đề cao cảnh giác: Cẩn thận! Kẻo sa lưới địch! Nó đang âm mưu tấn công vào hàng ngũ ta.

Tình yêu của Dần với cô gái Hà Nội đã làm cho anh em chung quanh bàn tán sôi nổi. Nhưng không ai chịu khó đi tìm chân lý. Những câu chuyện nói cho vui mồm, những lời dèm pha, chế giễu, những “nhận định” cao siêu, những “lập trường” “quan điểm” giai cấp tính, tư tưởng tính, “tư sản” và “vô sản” v.v... Người ta rút những câu to lớn nhất trong hàng chục pho sách chính trị để quy kết cho một mối tình.

Trần Dần đã gục mặt vào tay đau đớn. Tôi đã gặp anh ngồi lặng hàng giờ trong một căn phòng quần áo bàn ghế bừa bãi ở nhà người thiếu nữ đó. Giữa anh và chị, có một niềm tủi cực, cay đắng, xót xa. Chị đã thôi không trang điểm, xếp áo màu vào tủ, có cái thì đem cất ngăn, nhuộm nâu. Đã tan đi từ lâu lắm tiếng cười ròn rã. Trong giọng nói đã thấy ngấn nước mắt. Có vài căn nhà được uỷ quyền cho thuê, chị đã nghe lời anh đem giao lại cho Ủy ban nhà cửa. Đầu tiên, khi nghe người yêu bàn việc đó, chị K. ngạc nhiên mắt đen tròn mở to:

“Thế rồi sống bằng gì hả anh? Sao lại giả nhà cho Chính phủ hở anh? Chính phủ có kết tội những người có nhà cho thuê không hở anh?”

Rất nhiều câu hỏi. Anh đã bàn:

“Không! Chính phủ vẫn bảo đảm cho người có nhà cho thuê. Nhưng chúng mình phải làm lấy mà sống. Không nhờ vào đâu cả, ngoài bốn cánh tay mình, đủ sống thì thôi.”

Trần Dần hết sức giải thích cho người yêu và hướng người yêu vào con đường “làm lấy mà sống” “đừng nhờ vả ai”. Hình ảnh người con gái đi tìm việc làm trong mưa, về sau tôi lại gặp rất đau xót, trong bài thơ “Nhất định thắng” in trong tập [Giai phẩm mùa Xuân 1956](#).

Mối tình đó kéo lê những ngày lo sợ, buồn phiền. Trần Dần không ngờ yêu lại khổ đến thế này. Cùng một thời gian đó, bản “Đề nghị Chính sách Văn nghệ” thảo luận chưa xong. Giời sang hè, mùa mưa tầm tã. Trần Dần và người yêu vẫn sống trong một góc nhà tối thiếu ánh sáng. Bữa cơm không vui. Bụi phở Sinh Từ rắc vào nhà như sương, bụi phủ trắng mặt bàn ghế. Ăn vội vàng, Trần Dần lại về đơn vị để rồi lại được nghe những lời phê phán, những tiếng xì xào. Và người thiếu nữ lại chân đất, áo ngắn, đi tìm việc làm, có hôm từ sáng đến tối mới về:

*Em đi trong mưa... cúi đầu... nghiêng vai*

Đến ngày họp bàn về dự thảo chính sách, Trần Dần được anh em cử ra trình bày. Nguyên vọng của bao nhiêu văn nghệ sĩ trong quân đội. Làm thế nào để sáng tác hay, phục vụ được sâu sắc. Anh nói say mê, nhiệt tình. Trong cách nói nhiều khi bốc. Mặt anh khi đỏ gay, khi tái lại:

“Giả văn nghệ cho anh em văn nghệ sĩ! Phân rõ ranh giới giữa cán bộ chính trị và văn nghệ sĩ. Văn nghệ sĩ phải có sự lãnh đạo của Đảng, nhưng không thể biến thành cái máy v.v...”

Đột nhiên trong không khí hào hứng của gần ba mươi anh em văn nghệ sĩ đang sẵn sàng cởi mở hết để xây dựng một trong những chính sách lớn của Đảng, bỗng có một câu quật lại:

“Tinh thần bản đề nghị này chính là một thứ tư tưởng tự do của tư sản. Nó chứng tỏ tư tưởng tư sản đã bắt đầu tấn công vào các đồng chí!”

Giá câu nói ấy ở mồm một người thường thì cũng sẽ thường thôi. Nhưng lại ở một cán bộ có đủ thẩm quyền xét lại hay bác bỏ những đề nghị của văn nghệ sĩ, thì bắt đầu có một sự động cựa lớn. Những người trước kia tán thành bản dự án thì bắt đầu trở nên hoang mang.

Thêm vào đó, câu chuyện tình chưa được công nhận. Bóng người con gái hiền lành, hay khóc, người yêu của Trần Dần bỗng trở thành một thứ gì ám ảnh: Một bóng ma đáng sợ. Người nào muốn tỏ ra “lập trường tư tưởng vững chắc” không bị “tư tưởng tư sản tấn công” đều phải ghét người con gái ấy đi. Tình cảm day dứt đến cực độ, như một cành cây non bị quật lên quật xuống trong trận bão khổng lồ, Trần Dần không còn biết bực bạch cùng ai. Nói gì bây giờ cũng khó lọt qua tai những người “vững lập trường lòng lim dạ sắt”. Trần Dần gần như phát điên. Hết đứng lại

ngồi, lại chạy ra phố, lại về đơn vị, ở đâu anh cũng thấy như có những dây trời vô hình mỗi ngày một thít chặt vào trái tim anh.

Cùng một thời gian ấy, những sự kiện lớn trong phong trào văn nghệ dồn dập tới: [Phê bình tập thơ Việt Bắc](#), Trần Dần nhận định tập thơ Tố Hữu nhỏ bé nhạt nhẽo trước cuộc sống vĩ đại và mắc một sai lầm nghiêm trọng là sùng bái cá nhân, thần thánh hoá lãnh tụ.

Và truyện *Người người lớp lớp* phát hành hàng vạn cuốn, được hoan nghênh. Và cuộc phê bình *Vượt Côn Đảo* <sup>[6]</sup> cũng sôi nổi không kém cuộc phê bình *Việt Bắc*. Trần Dần viết một bài phê bình *Vượt Côn Đảo* giọng châm biếm cực cằn, khiến nhiều người phản đối. Trong một không khí hết sức căng thẳng của văn nghệ bấy giờ, lại bị quy kết là thoát ly chính trị, tư sản tấn công, hoà bình chủ nghĩa v.v... rất nhiều anh em bị cuốn vào một chỗ mịt mù, chân lý gần như bị ngạt bởi các thứ thành kiến, chụp mũ hung hăng.

Con giun bị xéo mãi cũng quằn lên. Trần Dần có lúc oang oang ăn to nói lớn, có lúc tranh luận sôi nổi, có lúc nóng nảy văng tục, có lúc lầm lì ngồi một xó, khi thì ngâm thơ giọng buồn thảm thía, khi thì cao đàm hùng biện, khi thì lại vò đầu bứt tóc, nhiều lúc ứa nước mắt, ôm mặt nằm cò queo một mình, có lúc nấc lên, đầu bù tóc rối.

Tấn thăm kịch đã đi đến một chỗ thắt nút quằn quại. Người yêu của anh bắt đầu có mang. Và đột nhiên anh bị giữ ở đơn vị để kiểm thảo cùng với Tử Phác, quanh quẩn trong một gian phòng. Một tháng, rồi hai tháng, ba tháng. Những ngày đầu tiên, như cơn sốt rét đột ngột, anh kêu lên:

“Tôi có tội gì? Tôi có tội gì mà giữ tôi ở lại?” Người yêu anh bỗng thấy anh không về nhà nữa. Nhưng trận ốm nghén đầu tiên đã quật chị xuống như một con bệnh nặng. Mặt choắt lại, người chỉ còn da với xương. Một mình ở một căn nhà bừa bộn với một con chó gầy còm, không cha mẹ, không anh em <sup>[6]</sup>, không bạn bè, chỉ có bà hàng xóm bán guốc thỉnh thoảng chạy đi chạy lại nấu cho bát cháo. Tôi đến gặp chị méo máo, trông già đi hàng chục tuổi. Chị hỏi:

“Sao anh Dần không về với tôi nữa hở anh?”

Tôi giải thích: “Anh ấy bận công tác ít lâu thôi. Chị đang ốm, có cần gì, chúng tôi sẽ giúp chị.”

Chị oà lên khóc:

“Bộ đội có cho tôi lấy anh ấy không?”

Tôi lại khuyên nhủ:

“Có chứ! Ai cấm đâu!”

Chị bỗng khóc to hơn:

“Phải rồi, không ai cấm tôi và anh ấy lấy nhau. Bộ đội người ta không cấm nhưng anh Dần bỏ tôi rồi! Tôi bụng mang dạ chửa thế này, anh ấy bỏ tôi trốn rồi!”

Rồi chị gào lên:

“Bạc như vôi ấy giờ ơi! Anh ấy không muốn ăn ở với tôi nữa thì cứ bảo tôi biết, việc gì phải lấy có công tác này công tác nọ.”

Tôi thấy chua chát lạ lùng, nhưng chỉ nói tránh đi:

“Anh ấy bận công tác thật đấy mà!”

Chị vẫn một mực:

“Anh ấy nói dối! Cả anh nữa cũng nói dối. Thôi tôi chết đi! Tôi chết đi cho anh ấy đỡ bận! Mà đỡ phiền cả các anh...”

Một số bạn thân của Trần Dần phải cắt nhau đến canh ở đấy, giải thích an ủi, giúp đỡ một người con gái mới yêu lần đầu mà đã bị dao cắt ruột gan.

Trong những ngày u uất đó, anh không được biết tin người yêu, ngồi vò võ trong phòng kiểm thảo. Qua lúc đầu tiên đột ngột, tâm trí anh dần dần bình tĩnh lại. <sup>[7]</sup>

Ba tháng hết nằm lại ngời, anh đã trải qua một đoạn đời đau khổ. Nhưng ở Trần Dần luôn luôn có tình yêu sự sống rất mãnh liệt nó đã ngăn không cho anh đến chỗ huỷ hoại cuộc đời còn rất trẻ của mình. Anh viết bài thơ “[Nhất định thắng](#)” (vào khoảng tháng Tư 1955).

Lần đầu tiên tôi vào thăm anh, với một món quà nhỏ: Một túm nhãn tôi mua ngoài phố. Anh vò lấy ăn ngấu nghiến rồi cười oang oang: “Thi đua với các cậu làm thơ nhé!”

Thấy tôi rơm rớm nước mắt, anh bỗng hạ thấp giọng:

“Đừng buồn cho mình. Mình cũng nhiều khuyết điểm lắm: có tự kiêu, có nóng nảy, có tự do vô kỷ luật thật. Nhưng không bao giờ không trung thành với Đảng, dù bị mắc tiếng oan, dù bị kỷ luật. Và mình tin những cái độc đoán của một vài cá nhân rồi đây sẽ không còn nữa. Đảng là một khối sáng suốt. Tương lai chúng mình, Đảng sẽ đảm bảo, dù bây giờ Đảng có thể chưa hiểu mình.”

Anh lại đọc Mai-a, đọc Sê-cốp, Goóc-ki. Anh lại nằm nghiền ngẫm *Đất vỡ hoang* và *Trên sông Đông êm đêm* của Sô-lô-cốp.

Cánh cửa có chấn song sắt khép lại, tôi lúi ra và cảm thấy gian phòng kia không còn chật hẹp, tù hãm nữa đối với một con người đầy lòng tin như Trần Dần.

Hết 3 tháng kiểm thảo, anh lại được về với người yêu. Chị ấy lúc đầu còn giận dỗi:

“Thôi anh đi đâu thì đi, mặc xác tôi.” Nhưng chẳng bao lâu, mắt lại sáng, tiếng cười lại trở về trong căn nhà bẽ bộn những bàn ghế quần áo và ống chỉ, dao kéo. Chị đã bắt đầu may sẵn áo cho đứa con đang cựa trong bụng. Chị đã xin được việc làm:

*Trời đã thôi mưa... thôi gió  
Đã thấy nắng lên trên màu cờ đỏ*

Rồi Trần Dần đi tham quan Cải cách Ruộng đất <sup>[8]</sup>. Bài thơ “Nhất định thắng” gửi Lê Đạt giữ từ lâu, anh cũng gần như quên đi, óc còn mãi nghĩ về những mặt khác của cuộc sống để chuẩn bị cho những bài thơ khác sẽ ra đời.

Đã gần đến Tết ta. Một số anh em đã thấy say sưa sáng tác. Tôi chạy đi chạy lại gom góp sáng tác của dăm ba người bạn và nghĩ rằng phải xuất bản một tập văn thơ mùa Xuân để đóng góp với mùa xuân mới của văn nghệ đang sắp nở.

Và nhận thấy cái kỷ luật “cấm sáng tác” do một vài người công bố đối với Trần Dần là một điều vô lý, sai chính sách của Đảng, và đang lúc Trần Dần đi công tác xa xôi không biết anh có sáng tác gì mới không, tôi bèn tìm lại bài thơ "Nhất định thắng" và cho đăng vào cái *Giai phẩm mùa Xuân* mà tôi là người soạn bài.

Cứ để bông hoa đó nở thì đã hại gì ai mà có thể có lợi. Nhưng hoa chưa kịp nở, thì đã bị dập vùi. *Giai phẩm mùa Xuân* bị kết tội, bài thơ "Nhất định thắng" bị kết tội. Người ta cho rằng cái bè phái độc quyền trong giới văn nghệ bị công kích (bắt đầu từ cuộc phê bình thơ *Việt Bắc*) đã tìm cách trả thù:

Trần Dần, Tử Phác đều bị tống giam [\[9\]](#) .

Cái nút thứ hai khốc liệt hơn, của tấn thảm kịch Trần Dần.

Những ngày mùa xuân 1956, tôi đau đớn như có búa nện vào óc, có đinh đóng vào tim, và có dây trói chặt vào chân tay.

Mùng hai Tết, tôi ăn bữa cơm cuối cùng với Trần Dần. Giữa hai tợp rượu, đã thấy những cơn bão đe dọa, mà lần này chắc ghê hơn lần trước. Chị K. không biết gì vẫn vui vẻ ngồi bóc bánh, rồi xếp dọn ba lô cho chồng để anh ăn xong thì lại đi công tác.

Không khí văn nghệ như sắp sửa có trận bão. Không biết từ đâu cái tin “Trần Dần phản động” “Trong *Giai phẩm* có mấy tên phản động” bỗng truyền ra rất nhanh. Những tin không hay dồn đến, bổ vây tôi và anh Trần Dần còn đang ăn dở miếng bánh chưng Tết. Chị K. tái mặt, để rơi đôi đũa, nước mắt đã vòng quanh:

"Thế là thế nào hả các anh? Phen này lại bị bắt nữa thì tôi sống thế nào được? Các anh rủ nhau làm những chuyện gì mà khổ sở thế không biết!"

Trần Dần cũng tái mặt, anh cắn chặt môi, xốc ba lô lên vai, an ủi vợ:

"Em đừng lo. Tin đồn bậy bạ đấy thôi. Anh đi công tác đây, gần đến tháng đẻ, em đừng lo nghĩ gì cả."

Nhưng chị K. không thể bình tĩnh được. Chị tiển chồng ra cửa khóc oà lên:

"Anh ơi... Anh có về nữa không, anh ơi!"

Cổ tôi bỗng nghẹn nước mắt. Tôi cố cười:

"Ồ cái chị này lẩn thẩn. Thôi để anh ấy đi nào..."

Trần Dần ngừng mặt bước đi, ruột tôi bỗng thắt lại: Chuyện này mà nó có làm sao thì chỉ tại mình. Đang tự dưng bày ra cái *Giai phẩm*. Tuy chưa phải là những sáng tác xuất sắc, nhưng ít ra nó cũng nêu được vấn đề gì. Có vấn đề xã hội trong thơ Văn Cao, có vấn đề chống công thức trong thơ Lê Đạt. Và tuy tôi không hoàn toàn thích bài thơ “Nhất định thắng” của Trần Dần, tôi cũng đưa in, vì tôi thấy ít ra nó cũng khác với lối làm thơ một chiều. Dù sao thì cũng có ít ra vài ba con cá quẫy mạnh trên mặt ao tù bấy lâu phẳng lặng.

Từ những ngày Tết mưa lũ chã, cái bè phái độc quyền trong văn nghệ bắt đầu họp đứng họp



ngồi để tìm cách đối phó với cái *Giai phẩm*. Một không khí ngột thở đè nặng lên những anh em có bài trong tập sách đó. Rồi đến một đêm, bài thơ “Nhất định thắng” bị đem ra luận tội.

Y như một xóm đang đêm tối bỗng có tiếng kêu “Cướp! Cướp! Cướp đã đến”. Lập tức mọi người mắt nhắm mắt mở, vớ lấy giáo mác, gậy gộc, chạy xô ra ngõ, gặp một cái bóng đen. Cả làng hầm hè đánh. Roi gậy, giáo mác, gạch củ đậu thi nhau nện xuống cái bóng người. Một trận đòn như tử. Cái tâm lý đánh cướp này là tâm lý chung của những người muốn bảo vệ nhà cửa, xóm làng của mình. Cái bóng đen gục xuống. Mọi người lại về nhà đi ngủ. Sáng hôm sau, mặt trời mọc, đi ra ngõ, thì ra cái “bọn cướp” đó chỉ là một anh đang đêm nức nội mò đi hóng mây gió.

Những người đã cầm gậy đánh, đều rất có lý:  
“Hô lên là cướp thì ông đừng giã bỏ mẹ đi à?”

Họ là những người yêu làng yêu nước, họ không có lỗi gì. Nhưng lỗi ở những ai hô cướp?

Kẻ nào hô ra hai tiếng “phản động” đầu tiên để gọi cả làng ra đánh chết Trần Dần?

Tôi cố suy mãi, lòng như dao chém. Thôi thế là đêm luận tội đã đóng án tử hình xuống một bài thơ; xuống một con người, đồng thời là một sự đe dọa nặng nề chung cho anh em văn nghệ sĩ đang muốn tìm những lối sáng tác khác với bè phái bên kia.

Sau cuộc lên án đó, tôi không được biết tin gì về anh. Tôi đoán biết được lần này thì anh sẽ thực sự ngồi tù. Vợ anh gần đến tháng ở cữ, vật vã khó suốt ngày suốt đêm vì quả nhiên, sau cái ngày mừng 2 Tết ấy, anh đi không về nữa.

Tôi cũng ân hận hết ngày ấy qua ngày khác, luôn thấy mình là thằng làm hại bạn: “Dần ơi, bây giờ mày nằm trong nhà tù nào, mày có trách tao không?”

Lần này tôi lo sợ hơn lần trước anh bị giam lỏng hơn 3 tháng. Lần này cái bè phái độc quyền văn nghệ kia nó quyết liệt hơn trước, trong không khí văn nghệ đã nghe thấy máu lửa. Tôi lo ngày lo đêm đến con người anh. Lần trước, anh còn chịu được và còn có thể bình tĩnh. Đến lần này, liệu anh còn có đủ can đảm chịu đựng hay không? Tôi đã nghĩ đến cái phút đau đớn cực độ, anh không thiết sống nữa thì một lưỡi dao, một cái đập đầu vào tường... tôi sẽ mất một người bạn, và chúng ta mất tác giả *Người người lớp lớp*, tương lai mất một nhà thơ.

Khi chị K. ốm nghén, bơ vơ trong một căn nhà, chống gậy sang hàng xóm xin từng ngụm nước, là lúc người yêu của chị đi ba tháng không về.

Khi chị K. đau quần quại, cho ra đời đứa đầu tiên của một mối tình cay đắng, là lúc người yêu của chị lại đi... không biết bao giờ về.

Đưa bé ra đời, còm rom như một con mèo ốm. Nó quặt quẹo, sài đẹn mấy lần tưởng chết. Chị K. nuôi con bằng nước mắt nhiều hơn bằng sữa.

Tin anh vẫn mịt mù. Lần này chị không còn hiểu lầm anh là “phụ bạc” mà chị đã biết thực sự. Chị không oán thán nữa, chỉ ôm con mà khóc. Có lần tôi đến thăm, chị kể lể:

"Giá đừng biết nhau, đừng yêu nhau thì anh ấy đỡ khổ, tôi cũng đỡ khổ và không đến nỗi phải cho ra đời một đứa bé khổ sở thế này. Liệu nó có mất bố không hở anh? Liệu tôi có goá chồng sớm không hở anh?"

Tôi như bị chích vào vào gan. Bé đũa bé thấy nhẹ bỗng, mặt mũi nó nhăn nhúm, méo mó, tôi đã khóc và suy nghĩ rất lâu về giá trị con người. Đặt tên cháu bé là gì để kỷ niệm những ngày bố cháu và nhân phẩm văn nghệ sĩ bị trà đạp xuống bùn đen? <sup>[10]</sup>

*Hôm nay  
Trời đã thôi mưa thôi gió  
Nắng lên đỏ phố đỏ nhà  
Đổ mọi buồn tim lá phổi  
Em ơi! Đếm thử bao nhiêu ngày mưa...*

Sau khi học tập nghị quyết của Đại hội lần thứ 20 Đảng Cộng sản Liên Xô, cái tin vui từ lòng tôi tự dưng toả ra: Trần Dần chắc sẽ được về!

Quả nhiên, một buổi chiều sang hè anh đã về. Tin đó đến với tôi không đột ngột lắm, vì tôi tin chắc ở ánh sáng Đảng Cộng sản Liên Xô, tin ở chân lý mà Đảng ta nắm rất vững.

Anh đã về. Gặp anh, tôi không nói gì được. Về mặt anh vẫn vui, nhưng có hẳn thêm những nét khác khổ. Da mặt xanh, người gầy gộc. Nói chưa được một câu, anh đã cười, vẫn giọng cười hồn nhiên, khoe với tôi bốn bài thơ anh làm trong lúc bị giam, và khoe rằng sở dĩ anh được về là nhờ có sự sáng suốt của Trung ương Đảng.

Tôi đọc kỹ bốn bài thơ đó, và nhìn anh, kinh ngạc. Tôi không thể nghĩ được rằng trong hoàn cảnh bị giam đau đớn thế, anh lại có đủ bình tĩnh làm những bài thơ sáng sủa chan chứa lòng yêu đời, yêu Đảng như thế này. Tôi thấy quý và kính phục người bạn mà tôi cho là rất anh dũng. Tôi khoan khoái đọc to mấy đoạn thơ của anh, anh ngửa mặt lên, tôi chợt nhìn thấy ở cổ anh có một vết sẹo dài nằm ngang cuống họng, thịt mới liền, còn đỏ tươi.

Tôi hiểu cả, không hỏi thêm anh điều gì... Trước mắt tôi, là một người có sức mạnh chống chọi với tủ nhục, với thành kiến, cả đến những lời vu cáo đanh thép nhất cũng rụng dưới chân anh như cỏ héo.

Trước mắt tôi là một người chí tình, tha thiết, đã có những giây phút bốc lên quá nóng nảy cục cằn, đã tự do bừa bãi nhưng không lúc nào ngừng hoạt động vì tiền đồ rực rỡ của văn nghệ.

Trước mắt tôi là một con người dũng cảm của Đảng, có thủy có chung, biết tin yêu Đảng vô bờ bến, biết căm ghét những cái thói nát đang làm hại đến uy tín của Đảng, của quân đội...

Trước mắt tôi là Trần Dần.

Trước mắt tôi lúc viết bài này là một chuyện kéo bè để vu cáo trắng trợn, một vụ án văn chương vô cùng oan ức, một tài năng và một tâm hồn trong sạch bị giày xéo.

Trước mắt tôi là lòng tin vào ánh sáng của Đảng. Ánh sáng đó sẽ soi rọi vào bất cứ chỗ nào đang cần bảo vệ giá trị con người.

<sup>[1]</sup>*Thiếu vài chữ, do bản gốc bị thủng không khôi phục được (các chú thích trong bài của Phạm Thị Hoài)*

<sup>[2]</sup>*Trần Dần viết xong tiểu thuyết Người người lớp lớp cuối tháng 9.1954, trước khi lên đường đi Trung Quốc.*

<sup>[3]</sup>Bài thơ dài “Tiếng trống tương lai” hoàn thành tại Bắc Kinh tháng 10.1954

<sup>[4]</sup>Chuyến đi Trung Quốc kéo dài 2 tháng, từ 10.10 đến khoảng 10.12.1954. Trong đoàn công tác của Trần Dần còn có nhạc sĩ Đỗ Nhuận.

<sup>[5]</sup>Tác phẩm của Phùng Quán

<sup>[6]</sup>Gia đình bà Bùi Thị Ngọc Khuê, vợ Trần Dần, đã di cư vào Nam năm 1954.

<sup>[7]</sup>Trần Dần bị giam kiểm thảo theo kỉ luật quân đội từ 13.6 đến 14.9.1955

<sup>[8]</sup>Đó là chuyến đi tham quan Cải cách Ruộng đất đợt 5 tại Bắc Ninh, từ 02.11.1955 đến tháng 2.1956.

<sup>[9]</sup>Trần Dần bị giam 3 tháng tại nhà tù Hoả Lò, Hà Nội năm 1956. Trong tù, ông đã dùng dao cưa cổ toan tự tử.

<sup>[10]</sup>Con gái đầu của Trần Dần là Trần Thị Băng Kha.

## Một vị thuốc đắng, một vị thơ...

### Nam Dao

Lại gửi Hoàng Cầm, nhân 82 lần bốn mùa xanh, xanh vẫn xanh, dầu không cùng màu tóc.

1 Thế đấy. Anh chép miệng cười. Nụ cười rất tươi, rục lên cùng ánh mắt. Anh bảo : "...nó vện vào người", lại rót rượu.

Đó là một loại rượu ngâm với mơ, màu vàng óng, vị hơi ngọt, uống khá đậm. "Rượu làng Vân, ngâm mơ thế này là đã cả năm rồi", anh lại cười, tay với điều cày. Tiếng nước reo sòng sọc. Mùi thuốc Lào hăng hắc xông lên. Anh ngả đầu ra sau, mắt lim dim. Tôi ngắm anh. Những nét hào hoa nay hẳn xuống, nhưng vẫn là những nét hào hoa.

Anh quả là một người hào hoa.

Chị đi đâu về. Tôi đứng dậy. Chị bảo "...à, chú đấy à!". Rồi chị ra ngồi, tay rót nước. Tôi nhìn chị. Chị quả là một người đàn bà đẹp. So với người Hà Nội những năm đó, chị đằm dáng. Có lẽ chị biết là mình đẹp.

Tôi đưa ly rượu lên môi, bằng khuông nhớ người con gái trùng tên chị đã hẹn tôi rồi không đến một năm xưa. Tôi nhìn anh, vẫn vợ hồi tưởng lần đầu đến quán rượu này. Tai tôi lại văng vẳng tiếng cười ròn rã của họa sĩ Hoàng lập Ngôn "... muốn thì đi với tớ, không đi lại chề Hà Nội không có !" Ngồi trên chiếc ghế đầu chông chênh chỉ chực đổ soài ra, tôi nghe tiếng ngâm thơ. Anh ngâm một cách ngâm lạ lùng. Ngâm như than, như khóc, như rên rỉ, như van vỉ. Như hát châu vãn. Như rủ người nghe nhập đồng.

Quái lạ. Lời thơ lại vượt khỏi tầm trí tuệ. Nó lơ lửng ở chốn nửa nhân gian nửa thần thánh. Nó chém xuống tâm linh, để lại vết cắt, thứ vết cắt hằn sâu xuống ở lớp thứ tám. Vâng, hiểu thì chỉ cần lớp một cho đến lớp ba, bốn. Sau đến lớp năm, lớp bảy là cảm. Khi đó chữ nghĩa hết là chữ nghĩa. Nó thành những tác động tâm - sinh lý. Nhịp tim không còn đều đặn đẩy máu đi như làm thứ nghiệp vụ buồn tẻ trong một cơ thể bình thường. Nhịp thở không còn đều đặn như khi người ta ngủ say đến mất hết khả năng tiếp nhận bất cứ gì. Còn lớp tám? Tôi phải nói thế nào? Tôi biết như kẻ có lòng tin vào Thượng Đế, nhưng làm sao nói đây?

Tôi lầm nhảm "... Ta soi. Chỉ còn ta đạp lùi tinh tú. Ngủ say rồi đôi cá đồng đồng". Ở tầng thứ tám, một bàn chân người nhỏ bé đạp vào không gian mệnh mang bí ẩn đẩy lùi lại những vì sao long lanh trên dải ngân hà trong suốt. Cúi xuống, cũng ở tầng thứ tám đó, con người nhỏ bé soi mình trong lạch nước, và an bình thay, đôi cá đồng đồng còn nhỏ bé hơn nữa đã ngủ say rồi. Từ vô cùng lớn, chỉ vài chữ là đến li ti nhỏ. ở giữa, con người kia cô đơn làm cái ảo tác đạp lùi tinh tú. Hình ảnh đó còn bi tráng hơn huyền thoại Sisyphé lăn đá lên cao. Hòn đá tới đỉnh lại lăn

xuống như một thứ định nghiệp vô căn do, lăn xuống để rồi lại phải đẩy lên, theo cách diễn tả sự phi lý kiếp người của Camus. Lăn đá là hình phạt của Zeus, thứ thần linh hóa ra đại bàng đi đánh cắp một cô con gái nhưng bị Sisyphe - kẻ được bàn dân coi như một vị vua mong xây dựng một vương quốc có văn minh - nhận diện và tố cáo. Văn minh nằm ép dưới quyền lực. Còn luân lý, luân lý lúc nào cũng chùn bước trước sức mạnh.

Hình ảnh lăn đá của Sisyphe khắc nghiệt hơn đôi cá đồng đong ngủ say. Con người cô đơn nổi loạn đạp lùi tinh tú, nhưng hiểu ra sự bất lực của ảo tác đó nên vội quay về tìm an nhiên bằng giấc ngủ của đồng đong. May thay, đồng đong vẫn có đôi. Đó là một cách an ủi. Dĩ nhiên kém triệt để, nhưng bao dung hơn. Phải chăng Đông khác Tây là vậy? Nhưng thế thì sao "nó vận vào người" được nhỉ?

2 Buổi sáng hôm ấy lạnh lạnh gió. Hai mươi năm sau, cứ mỗi lần gió như thế, tôi lại nhớ, lại mang mấy tấm ảnh cũ ra nhìn. Anh có cụ Sìn, có Văn Cao, có Thái bá Vân, những người đã khuất. Có anh. Có Nguyễn Duy. Có tôi. Những người vẫn còn. Có chị Bằng, dĩ nhiên. Còn có T và M, hai cô gái nuôi của cụ Sìn, một họa sĩ đầu đàn của Hà Nội vào những năm ba mươi. M kéo violon cho dàn nhạc giao hưởng. Duy làm bài thơ khá đẹp về bàn tay và chiếc vĩ cầm. Còn T, cô dạy học ở Hải Phòng, nhưng nay đã lưu lạc đâu đâu bên Hòa Lan rồi. Duy đèo tôi bằng chiếc xe đạp Phượng Hoàng cứ dăm trăm thước lại tuột xích. Chúng tôi đi dọc đại lộ Lê Duẩn về hướng Nghi Tàm. Tôi bảo "Chẳng biết các ông ấy gặp nhau thì thế nào nhỉ?". Khi mời anh, Duy chỉ nói "...anh lên xem bức tranh cụ Sìn vẽ anh năm tiếp thu thủ đô!". Khi mời Văn Cao, tôi chỉ nói "...cụ Sìn nhắc anh lên, lại khà khà bảo không có anh thì thôi không đình đám nữa. Cụ yếu lắm rồi...". Chúng tôi đều biết là từ cái thuở Nhân Văn gần ba mươi năm xa lơ xa lắc, anh và Văn Cao không gặp nhau nữa. Lý do? Tôi kêu lên "...miễn bàn!". Cả nước hòa hợp hòa giải. Văn hóa thì thế. Một dùm tác phẩm. Dăm ba ông đứng đầu, ông nọ tránh không nhìn mặt ông kia. Con cháu sau này trông vào thì sẽ nghĩ gì? Thái bá Vân gật gù, nhỏ nhẹ "Cho tôi đi với!" rồi hồn nhiên tiếp "...cũng đến lúc các ông ấy nên gặp nhau rồi!"

Tôi không hề hỏi đến lúc là đến lúc nào. Tôi cũng vô tâm, chẳng thắc mắc thế nào là nên, thế nào là không nên. Bữa ăn nhà cụ Sìn khá vui vẻ. T và M chạy lên chạy xuống. Cụ bà đi vào đi ra. Tôi vui trong bụng, chỉ cảm thấy một thoáng sượng sùng khi hai anh bắt tay nhau, để ý các anh tránh nói với nhau, nhưng cả hai đều góp chuyện. Văn Cao thích làm dáng, đôi khi hơi gượng trong dăm ba hoạt cảnh đầy tính kịch. Còn anh, anh hồn nhiên. Cụ Sìn mang bức tranh cũ ra. Bức tranh không có khung, vài bố nhem nhuộm, nhưng anh, anh cười trong bộ quân phục màu vàng, đơ? mũ có đính sao. Cụ Sìn lại khà khà móm mém bảo "...lính Vệ quốc đẹp thế đấy!". Anh mơ màng "...đẹp và trẻ. Có lẽ đẹp vì trẻ...", mắt nhìn T và M đang cúi xuống thẹn thùng. Quả thế. Tôi cũng nhìn. Cô giáo ở Hải Phòng đậm thắm hơn. Cô nhìn lại rồi chạy vụt đi. Cô nhạc sĩ vĩ cầm dáng dấp có nét bốc lửa, nhưng mắt lại mơ màng chút u uẩn than tro. Cô làm vẻ thản nhiên, nhìn về phía sân, nơi nước ao đã tràn lên mấp mé bờ.

Buổi trưa hôm đó qua đi, rất nhẹ, không khác cơn gió lạnh lạnh chớm đông. Cõi nhân duyên chập chờn oái oăm. Hai anh lại chia chung cái chiếu rượu này. Và chia với chúng tôi. Mỗi kẻ một vẻ đời. Làm lính. Làm thơ. Kéo đàn. Dạy học. Đến từ một bờ Đại Dương xa lắc bên kia. Lên từ Cảng, quê hương của người tài tình thông một câu thơ nhập " Sinh ra tôi đã có Hải Phòng..." cho bản trường ca Những người trên cửa biển dính dấp đến vụ quyền lực hãm và hiếp văn học vào năm 1956. Đè xuống rồi nằm lên dăm ba tờ báo để che bớt đi cái ê chề có tên là cải cách ruộng đất, quyền lực thờ phỉ phò, xong việc kéo quần lên, tay chùi mép dính nước bọt phán lừng một lời "...có phải con gái nhà lành đâu, quý báu đáo gì!". Chử đáo không thừa. Nó vạch ra tính chất của hệ tương quan giữa chính trị và văn hóa. Con gái nhà lành thì dĩ nhiên không phải là con gái tạch tạch sẽ thành thị. Họ dấu còn trinh nhưng điều đó không thể bảo đảm rằng họ thuộc thành phần cốt cán của dân tộc. Nước ta vốn là một nước nông nghiệp và sẽ còn lâu vẫn là một nước có rất nhiều nông nô. Nhưng chuyện đã xưa rồi. Bây giờ khác, người cày có ruộng và công bằng ra thì người viết có giấy có bút để góp phần xây dựng một xã hội tươi đẹp. Có lẽ chính vì vậy là đã đến lúc các ông ấy nên gặp nhau? Tôi ngây thơ nghĩ thế. Còn anh, hồn nhiên như anh, chắc

anh cũng nghĩ thế. Cụ Sìn, cụ chỉ cười khà khà. Cụ không nhầm, mặc dù tuổi đã cao.

Tối ăn cơm, không biết là chân ai khều nhè nhẹ vào chân tôi. Hẳn vô tình. Giá mà cố ý nhỉ. Ai biết được, lại chuyện nhân duyên. Đêm hôm đó, tôi ngủ lại nhà cụ Sìn với Duy. Hai đứa lau sàn xi măng đã lên dầu mờ hôi sáng bóng rồi mắc màn. T và M cũng thế, hai cô nằm chiếu bên cạnh.

Tiếng ếch ượng bờ ao. Vãn gió. Gió xào xạc. Ngọn đèn hoa kỳ vặn xuống li ti sáng một màu xanh biếc. Tiếng cụ Sìn ho. Tiếng đập muỗi. Tiếng thờ dài nhè nhẹ chiếu bên. Duy bắt đầu ngáy. Tôi thiếp dần đi trong mùi đàn bà bay thoang thoảng. Tôi mơ bay lên thật cao, cao đến độ trái đất ở dưới chỉ còn là một hòn bi ve óng ánh màu hy vọng một hạnh phúc trong tầm với của cả dân tộc tôi. Thú thật, tôi đã là một kẻ có niềm tin như vậy. Cho đến tận bây giờ, tôi vẫn cố gắng tin và còn hy vọng nên mới viết được những giòng chữ này, dấu rằng đôi khi bóng tối có lúc đã bao trùm cả đời tôi lẫn đời những người tôi yêu.

Hình như ai thò tay sang nắm lấy tay tôi. Tôi để yên, lòng ngậm ngùi, vờ ngủ. Cho đến nay tôi vẫn chưa biết bàn tay đó là tay M hay tay T. Tôi chỉ biết tờ mờ sáng T đã đi ra bến xe về Hải Phòng. Và rồi sau đó tôi rồi cũng phải bay sang bờ Đại Dương bên kia. Nỗi ngậm ngùi sau này đọng lại được đúng hai câu : Em đi rón rén trời chưa sáng. Bước động ao bèo bỗng hóa sông.

3 Thuở đó anh biết tôi yêu thơ. Thật ra, tôi yêu tất cả những cái đẹp. Và yêu, dĩ nhiên là mù quáng. Là như bị thôi miên. Là buông hết, và thả luôn đời mình vào cái mình yêu, hết như những kẻ tử vì đạo. Cái đẹp, gộp luôn cả chân - thiện, trở thành tất yếu cho sự tồn sinh, thỉnh thoảng lại mập mờ mang hình tượng thánh giá cứu rỗi, mặc dầu tôi là người ngoại đạo.

Tôi đến chơi với anh như đến với cái đẹp. Người ta chắc lười "...giao du phải cẩn thận." Tôi bảo "Nếu phải xin phép thì cho tôi một cái danh sách, những ai là người không nên giao du !". Người ta trừng mắt. Tôi quay lưng đi. Người ta cho là tôi thách thức quyền lực. Tôi thì không. Vì tôi nghĩ, rất ngây thơ, là đã "đến lúc" vì bây giờ chỉ có ta, và ta phải "cùng nhau" góp tay vào xây lại một mảnh đất đã quá đọa đầy. Đòi hỏi của hai từ ghép "cùng nhau" là phải xóa đi lằn ranh dĩ vãng đã chia nhau ra thành đôi, thành ba, thành năm thành bảy mảng. Những mảng băng rời trôi mỗi mảng một hướng. Nước ối, chỉ có tình của nước mới làm tan những mảng băng chia cắt lạnh lẽo kia. Người ta lắc đầu nghi ngại. Tôi đến chơi với anh. Với Trần Dần, Lê Đạt. Với Đặng Đình Hưng. Người ta nhăn mặt "Trái chiếu hoa cho mà không biết lên ngồi à? ". Tôi giật mình. Thì ra phải chọn giữa mảnh chiếu hoa đã trải và cái đẹp ! Nhưng tôi đã thừa, cái đẹp là tất yếu cho sự tồn sinh rồi, và tôi xin trả lại một góc chiếu vẽ hoa đỏ không hợp tạng.

Anh biết tạng tôi, cái tạng con trẻ không làm sao cho khôn ngoan thích ứng hơn được với cuộc đời. Tôi không kể cho anh cái đêm có một bàn tay đàn bà thò qua màn nắm lấy tay tôi ở chiếu bên. Anh tặng tôi một chai rượu mơ anh ngâm, dán thêm hai chữ Men Quê và Bốn câu thơ. Anh kể :

"... Tên nàng cũng là Yến. Chúng mình lên đồi, mặt đất xanh rì, nhấp nhô mềm dịu như mông như vú đàn bà. Nắng đã bắt màu vàng tươi trên mái chùa Phật Tích ngói đỏ xa xa. Ngả mình nằm xuống thăm cỏ, nàng nhìn, cái nhìn như bảo ban. Bỗng nàng chồm dậy, hai tay búi lấy đầu mình kéo xuống, rồi áp môi hôn những nụ hôn cuồng nhiệt. Khi buông nàng ra, mình đọc "Một con bướm lửa đậu môi". Nàng nắm hai tay mình kéo ra, miệng thăm thì "Hai nhánh hoa lửa chia đôi tay cầm". Nhìn lên trời, những ráng mây xa óng ánh như sắp cháy bùng lên, mình tiếp "Ba làn mây lửa về thăm". Nàng như say sóng, ôm choàng lấy mình để giữ thăng bằng trong một cơn bão biển bất ngờ ào vào thân thể, mắt nửa khép nửa mở, tay quơ lên, miệng thờ đốc. Mình lao vào nàng, vào cơ thể nàng, vào tâm hồn nàng bằng tất cả sinh lực đàn ông, cứ thế cho đến khi cùng kiệt. Nàng ngước mắt, vừa cười dịu dàng, vừa đếm "... Bốn lần chim lửa đến nằm rậm hoang".

Hai mươi năm sau, tôi vẫn nghĩ cho đến nay câu chuyện anh kể không chỉ là một câu chuyện thật. Nó có chất cốt tủy như khi anh bảo với tôi rằng nàng Thơ vốn dĩ lẳng lơ, gặp ai cũng quyến rũ, nhưng chung chạ gối chăn với nàng lại là chuyện khác... Tôi tin lời anh. Anh hồn nhiên nhận mình là người may mắn. Như vậy cái gì có thể lại "vặn vào người" anh?

4 Mẹ, Chị, rồi Vợ anh và những người đàn bà yêu anh đều là cốt đồng cho anh nhập vào tâm giới với nàng Thơ. Hiện tượng này nằm dưới tầng ý thức của chính anh. Thậm chí, nó nằm ngoài anh, và chính vì thế mà anh kể là thơ anh "... vài ba câu đầu bao giờ cũng không phải là tôi nghĩ ra, mà đúng thật là những lời văng vẳng bên tai như có một giọng nữ đang hát, hay đang đọc... mà tôi xin gọi là lời của thần linh đọc cho mình chép lại được."

Vâng, nghe đâu anh chép được nguyên bài Lá Diêu Bông. Lần cuối gặp anh năm ngoái, anh hỏi "Thơ mình được mấy bài?". Tôi tần ngần, đếm có Về với Ta, Đợi mùa, Cây tam cúc, Quả vườn ổi. Đó là những bài thơ lạ, ngôn ngữ thơ biết thở, biết hát và biết im lặng. Tôi đáp "năm, sáu bài...". Anh cười "...thế là lấy của thiên hạ quá nhiều rồi!" và hồn nhiên nói tiếp "... à, em mới kể có năm thôi!". Thật ra còn bài U gì anh làm gửi cho Đặng Đình Hưng.

Bài Đợi mùa, ít người nhắc. Tôi xin trích :

Mùa chưa về Tu hú gọi Em đi tìm Mẹ Dây tre xa giấu biệt giải khăn điều Khi gậy nắng ăn  
mày đã quăng sau núi Hàng tre nhà yếm trả Mẹ về lều dột đón mưa đêm Thì chị đi  
mấy lối chân chim Để Mẹ về bao phương bèo nổi Riêng Em nằm trơ đợi giờ tu hú gọi Câu  
bốn và năm trong đoạn này rủ người đọc thử một nhịp thử gấp gấp, tiếp đó, nhịp thử lại chậm lại,  
rồi nức nở nghẹn lại. Tôi xin trích thêm một đoạn :

Em bước vào đình ôm cột bốn người ôm Em rẽ sang chùa lay chân hộ pháp Sau chùa tát  
đêm một, chạp Gầu giai ai vớt Chị ơi lòa lóa thân trắng Chị lờ xe hồng Mẹ đi lấy chồng Cổ cưới  
chênh vênh khoai luộc Mật vàng mọng rách vỏ nâu non Giữa câu bốn và năm trong đoạn này,  
thơ chuyển mạch bằng cách im lặng. ( đọc ở giữa hai câu, nghĩa là không có chữ nào ). Và đây là  
đoạn cuối :

Có hôm Em lần xuống bếp Cậy chày sành vỡ toác chôn niêu Một con mèo mướp ruỗi chân  
chiều Lưỡi gió liếm gio vờn tóc rụng Tưởng như Mẹ về Vai áo toác ba vá chẳng tơ dứa Tưởng  
như Chị về Tóc tóc đêm xưa giờ rể tre Bao giờ Chị về tóc phủ vai Em chiều hương nhu Bao giờ  
Mẹ về Buộc yếm đào phai vỗ hát ru Khán thăm như gặp Chị Mất nửa cửa tay Em vẩy đón  
đầu làng Khán thăm như mẹ lờ dò ngang Miệng hé hạt na nhòa bên vắng Cổ tay tròn dẫn mía  
gie Không Bầu mẹ không tròn Bưởi Chị không hoa Đã hết năm tu hú gọi rừng già Đã sang mùa  
tu hú ngủ rừng xa Hai câu cuối cùng, thơ là thơ biết hát. Trong đoạn vừa trích, thơ biết im  
lặng sáu lần và hát lên hai lần. Còn thử, thơ thử hát ra ba lần, thử kiểu máu nhồi cơ tim một lần.

Điều tôi muốn nói bằng cách nói trên, Thơ hay là Thơ có tác động sinh lý lên người đọc qua  
nhịp thử và nhịp tim. Chính tác động đó ảnh hưởng đến tâm lý, tạo ra cái đa dạng của thất tình :  
buồn, vui, băng khuâng, bực dọc, phẫn nộ... Đã nói đến nhịp, là nói về nhạc. Thơ hay không phải  
chỉ một câu hay. Thơ hay, không phải một chữ hay. Trò kén chữ cho khéo là trò kén chồng, kén  
để làm lễ cưới cho có pháo nổ và họ hàng hai bên cười cợt, xong lễ thì ém nhẹm đi cuộc sống  
lửa đôi dẫu ổn thỏa hay không ổn thỏa. Thơ hay là thơ nhìn dưới góc độ một tổng thể. Tác động  
câu chữ là tác động trên trí tuệ. Thêm một mức, mới tới tâm cảm, hệ quả của tác động trên nhịp  
thử - nhịp tim, yếu tố sinh lý gây lên thất tình. Thơ hay chính nó là Nhạc. Và thường thường,  
chúng ta đơn giản hóa Nhạc vào vần, vào điệu. Nhưng vần thì thật ra thừa, và điệu, rất sáo mòn,  
nhất là vần điệu của lục bát, tứ tuyệt hay thất ngôn. ( nhưng nói thế, không phải bảo rằng Thơ  
hay không có thơ lục bát, tứ tuyệt hay thất ngôn ). Thơ anh ra ngoài thể loại vần điệu đó. Thơ anh  
mang âm vận của Từ đời Tống và những bài Phú thời Nguyên - Minh, tự do hơn, phóng khoáng  
hơn, nhưng lại mang mang tính cách Quan họ đặc biệt đất Bắc Ninh. Thơ anh có Mẹ, có Chị.  
Những "Bầu Mẹ không tròn, bưởi Chị không hoa". Cũng vì vậy nên thơ anh là thơ của Lờ làng.  
"Chị lờ xe hồng. Mẹ đi lấy chồng, cổ cưới chênh vênh khoai luộc...". Sự lờ làng chỉ đối lại bằng  
khoai, "mật vàng mọng rách vỏ nâu non". Vỏ khoai có khác ai hơn là Em, kể làm thơ khóc những  
lờ làng?

5 Năm 1982 là một năm đầy oan trái nghiệp nghiệt. Ngẫm lại, hình như những vết chém phi lý  
và vô nghĩa, những vết chém không làm sao tìm được căn do, đều chọn được loại nạn nhân  
riêng của nó. Cả anh lẫn tôi đều nằm ọp bốn năm liền nhấm nháp cái vị tanh của máu ứa ra từ

những vết chém đó. Anh chịu cả phần xác lẫn phần hồn trong Hỏa Lò. Phần tôi, tôi chịu phần hồn trong một nhà tù không cần cai ngục vì không có cửa sắt chắn song.

Sau Tết năm Nhâm Tuất, tôi rời Sài Gòn sang Paris, ở nhà Tạ Trọng Hiệp vùng Gentilly. Nhà bị kẻ gian cậy cửa. Xe để dưới đường bị đánh cắp. Ngày đêm, tôi cứ phải trông chừng Hiệp đang bị đại nạn tình với T, nói đến cái chết rồi khóc, và dự trữ rất nhiều thuốc ngủ. Đến tháng sáu, tôi lại về Hà Nội sau khi dặn dò Hiệp là chớ chết đại. Chết đại là chết vì tình, chết khôn là chết với tình. Lời dặn đó ngây ngô : làm gì có chết khôn hay chết đại. Chết là hết, thế thôi.

Lần về này, tôi gần như tuyệt vọng : thế quyền đã "co cụm" lại sau Đại Hội IV, vẫn khăng khăng một thứ giáo điều lười gối, ngược hẳn lại với những điều tôi đã trình bày về phương thức dùng qui luật thị trường nhằm ổn định kinh tế Việt Nam trong một đề nghị chuyên ngành với cấp cao nhất có thẩm quyền. Chông lại niềm tuyệt vọng, thấy ánh đèn là tôi lao vào, cứ như loài thiêu thân, cũng mặc. Dễ nhất lại là lao vào tình yêu. Hay bất cứ gì đồng dạng với tình yêu. Anh cho tôi một món quà mừng cái tình yêu đó : tập thơ Về Kinh Bắc anh hi hục chép tay trên một quyển vở học trò. Tôi vào Sài Gòn trước khi bay sang Pháp. Một người bạn vào báo anh vừa bị công an giữ để điều tra. Tập thơ Về Kinh Bắc tôi trao cho những người trong nước giữ lại, không mang theo khi đi, tránh không để ai kết tội anh chuyển thơ "chống đối" ra nước ngoài. Thật ra, Về Kinh Bắc chẳng chống đối gì cả : nhà xuất bản Văn Học đã in nó năm 1994. Còn bắt anh, họ bắt vì lý do gì rồi giam cầm anh liền bốn năm? Bán rượu? Hút thuốc phiện? "Hủ hóa" Việt Kiều? Trong một quán ăn gần Place Italie, tôi giờ tờ Le Monde đọc. Báo loan tin anh bị tù. Hôm ấy, tôi đọc rồi nước mắt ứa ra. Cứ thế, tôi khóc. Tôi bắt Métro đến trạm St Michel, nước mắt ràn rụa. Kể đi qua thảo nhiên hay chỉ khẽ nhăn mặt. Duy có một người da đen đến chìa cho tôi mẫu thuốc lá hút dở, và nói "Bonne chance !"

Bonne chance. Năm ấy, tôi chẳng có một thứ may mắn nào cả. Về đến chốn ngụ cư, tôi tất bật lo việc "bảo lãnh gia đình". Tôi xin giấy nhập cảnh. Lần này là cấm. Lý do? Không ai cho tôi biết. Đơn xin, không bao giờ có phép. Cấm như thế sáu năm liền. Gia đình tôi qua. Thế là đi vay, làm một quán ăn. Tất cả mười hai nhân mạng, lấy gì mà sống. Thực tế sống ở nước ngoài khác hẳn với sự mơ mộng của thành phần tương đối "dư dả" thời xưa ở Sài Gòn. Các cô em nhăn mặt, qua đây mà phải đi hầu người ta trong quán ăn thì thà ở Việt Nam còn hơn. Lắm bữa trưa, tôi không có tiền ăn đến độ phải nhịn đói. Các cô em tôi vẫn thì thào "...qua đây bị tư bản bóc lột lao động ..." và gọi tôi là ông giám đốc. Rồi sau đó, tôi phải ra tòa vì đã ký giấy bảo lãnh mà không cung ứng tiền chi tiêu cho đủ. Người đâm đơn kiện là người để ra tôi. "Anh mang gia đình qua là cứu (sic) cả gia đình. Nhưng tôi, tôi bây giờ phải bảo vệ (sic) nó." . Cô em dâu đến đề nghị cho một món tiền thì xí xóa giấy bảo lãnh. A, thì thế ư ! Nhưng ông tòa xét thấy tôi nợ đầy đầu, đến điện thoại cũng bị cúp vì không có tiền trả, nên tha cho. Ngoài ra, nghiệp vụ xao lãng về chuyện quán ăn, tòa án, đồng nghiệp tôi "điều đình" để tôi tự ý xin thôi việc. Lại nữa, người vợ mới qua Paris, kẹt lại vì lao phổi. Thế là phải gửi gắm. Rồi bạn phản. Tình phụ. Chỉ một năm, bằng ấy cái họa. Mất nhà, mất nước, mất tình, rồi nghề nghiệp bị đe dọa. Quán ăn phải thuê người làm, bị ăn cắp hết vì không lấy ai ra để trông coi. Lại nợ. Nợ chồng nợ chất. Nhưng ghê rợn hơn hết là sự trống rỗng.

Chính sự trống rỗng đó đã đưa tôi đến cạnh cái chết lúc ấy tôi đồng hóa với giải thoát. Tôi thức hàng đêm, nhìn ra ngoài trời tuyết trắng mênh mông, đầu óc tê điếng, vô cảm, và chỉ thấy trùng trùng băng giá, không yêu không ghét không hờn không giận. Chỉ trống rỗng. Cái trống rỗng toác của thế gian không có một chút tình người. Tôi là tên tù nhân của cái ngục trống không khiếp không có cửa sắt chắn song. Lẽ sống lúc đó nhẹ tênh tênh, vậy thì tự do mà làm gì. Tôi nhịn đói hàng tuần, không thấy cần ăn, uống nước lạnh thôi là đủ. Sống chết lúc đó ở ngoài tôi. Soi gương, "kia ai đó - tôi lạnh nhạt- chớ có phải tôi đâu". Cho đến một hôm. Vâng, hôm đó người bạn gái gốc Chilê, kẻ đã dịch một đoạn thơ tôi ra tiếng Tây Ban Nha gửi đăng trong một tờ báo phe tả ở Salvador, đến nhà tôi với một bông hồng. Nhìn tôi, nàng nói "Không nhà thơ nào có thể chết thế được !" và cười rất tươi.

Nghe nàng nói, không hiểu sao tôi lại nghĩ ngay đến anh. Lúc đó, anh vẫn còn nằm trong Hỏa Lò. Anh là nhà thơ. Anh không thể chết được. Còn tôi, câu nói của Cecilia đẩy tôi ra khỏi một cuộc tuần du đầy ác mộng. Tôi phải sống.

6 Có sống mới về thăm anh được. Năm 1988, giải tỏa lệnh cấm. Dĩ nhiên, Đại Hội VI đã Đổi Mới Tư Duy, và thấp thoáng một nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa. Vậy thì những đề nghị ngày xưa của tôi đâu là tội. Tôi, con gà gáy trước khi trời sáng, chỉ là thứ gà non, gà ngoại, gà lai giống, gà vừa đập vỡ vỏ trứng đã vội khập khiễng đi tìm rặng đồng.

Tôi men ghé vào nhà anh, số 43 Lý Quốc Sư. Nhà vẫn vậy, nhưng quán rượu thì đẹp rồi. Cháu nội gọi ông, anh từ gác xép leo xuống. Anh đây. Anh gày gò, tóc bạc gần hết đầu, mắt trũng sâu, răng cửa đã khuyết một cái. Anh ngẩn ngơ nhìn. Tôi ôm lấy anh. Chúng tôi ngồi nhìn nhau. Giữa chúng tôi là bốn năm tù của anh. Tôi nói "... có điều gì khúc mắc anh cứ hỏi". Anh bảo "... giá em về trước hai năm thì anh em mình chẳng được thế này đâu". Tôi im lặng. Trong tù đây, hỏi cung, quay quắt ra biết bao nhiêu thù dật thực hư. Tôi hỏi "Tập thơ anh chép cho em, anh đã lấy lại rồi chứ?". Anh cười, cái cười đau xót. Đó là cái lấy lại được, nhưng vừa ra khỏi tù thì anh mất ngay chị, rồi liền sau đó anh mất con gái anh, cũng tên là Yến. Nước mắt ứa ra, anh kể: "... đêm hôm đó, anh đang chập chờn ngủ, sao lại ở đâu có một con bướm vàng bay vào lảng vảng quanh màn. Mở cửa màn, con bướm chui vào. Anh linh cảm, anh biết, anh khẩn. Bướm bay rồi đậu lên bàn thờ. Anh lại khẩn "Yến ơi, con ơi, con về đây à, khổ thân con". Bướm từ bàn thờ bay xuống quần quít bên anh như không nở rời dẫu âm dương cách trở".

Nắm tay anh, tôi không muốn để anh mất mát thêm bất cứ gì. Sau, tặng tôi tập thơ Men Đá Vàng, anh viết "...để cùng nhớ những năm tháng đầy oan nghiệp nhưng cũng đầy hạnh phúc". Đây, cặp bài trùng oan nghiệp - hạnh phúc. Và hạnh phúc của nhà thơ lúc nào cũng là một điều thật bí ẩn. Bí ẩn như ngôi sao trên kia long lanh sáng, nhưng xa lơ xa lắc, kể bình thường như tôi có giơ tay lên với cũng không nắm bắt được.

Có một người Anh như anh, là một niềm hạnh phúc. Anh nghiêm mặt bảo "...cái vốn từ của cậu chưa đủ. Phải đọc đi đọc lại truyện Kiều. Rồi đọc cô tổ Xuân Hương..." Tôi cãi, chữ cho đơn giản chứ bí hiểm quá, sang quá, hay điển tích quá thì đều là "quá tải". Hôm ấy có cả Trần Dần và Lê Đạt. Anh Đạt khéo kết chữ cũ cho ra mới. Còn anh Dần, anh đi tìm chữ mới, đang thử nghiệm loại thơ cực ngắn, đôi khi chỉ đúng hai chữ. Anh quay hỏi "...nó nói thế, chúng mày nghĩ thế nào?" Anh Đạt lý giải. Còn anh Dần, anh nhìn tôi chằm chằm, buông gọn, cũng cực ngắn, "cứ làm!".

Cãi thế, nhưng tôi về tôi nghĩ. Tôi đọc đi đọc lại Truyện Kiều. Tôi đọc đi đọc lại thơ Xuân Hương. Tôi học chữ Hán để đọc cả Bá? Hành Thi Tập. Rồi tôi dịch lại hai trăm bài thơ Đường mà khi chuyển sang tiếng Việt, những người đi trước tôi lại dùng thẻ lục bát. Rồi tôi dịch lại cả Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn cho sát lối Tập Cổ, tránh kiểu song thất lục bát của bà Điềm. Đây, chỉ một câu anh nó thôi mà khi hiểu ra tôi đã đổ mồ hôi như vậy. Chuyện này, tôi chỉ mới nói thoáng cho anh nghe. Nay nói lại, một cách gửi lời cảm tạ anh. Quả là vốn từ của tôi nay có hơn xưa. Song có ân ái được với nàng Thơ hay không lại là một chuyện khác.

Hợp rồi tan. Tôi lại phải ra đi. Cứ mỗi lần như thế, anh nhắn nhe "...lại anh thêm dăm phút". Lúc tôi về, anh lại đạp xe đạp theo đến khách sạn. Và khi chia tay, anh ôm tôi, anh hôn, anh khóc. Tôi nhìn theo anh trong bóng đêm. Mái tóc anh trắng bồng bênh lỏng lẻo ven hồ Hoàn Kiếm. Bóng anh mãi cũng xa dần rồi mất tăm. Lúc ấy tôi cũng khóc.

Chúng tôi là những kẻ mau nước mắt.

7 Nhưng cũng có một thời những giọt nước mắt chảy vào trong. Và rồi một thời khóc - cười là một. Hè năm 1990, bước vào Nội Bài thì người ta đã hờn sẵn. "Xin mời ông qua bên này!". Vâng. Cuối cùng, "Ông hiểu cho. Ông không có phép nhập cảnh!". Tôi hỏi "... thị thực nhập cảnh đây. Giấy mời đây. Chắc là lầm lẫn gì đó...". "Vậy ông đợi, chúng tôi điện vào Hà Nội". Trưa hừng hực nắng. Chiếc quạt máy vừa quay vù vù, vừa lắc đầu qua lắc đầu lại. Nhìn ra sân phi trường, chiếc máy bay Air-Thai vẫn nằm lì ở đó. Một tiếng đồng hồ qua. Rồi hai tiếng. Hai vị công an cấp tá lại ra. Các vị bắt chiếc cái quạt máy lắc đầu "... Lệnh trên không cho phép. Ông thông cảm...".



Tôi nói "...cứ để tôi ở khách sạn của phi trường. Hôm nay là ngày nghỉ. Đợi đến thứ hai, ngày làm việc, tôi xin điện vào hỏi kỹ...". Lại tiếp "... vậy, ông đợi...". Một lát sau "... Lệnh trên không cho!". Chiếc máy bay Air-Thai không được phép cất cánh vẫn đó. Tôi hỏi "Lệnh trên là trên thế nào?". Đáp "...trên là cao lắm, chúng tôi chỉ thừa hành". Tôi cũng biết vậy, lắc đầu.

Tôi bước lên máy bay, được hai vị cấp tá xách hộ va-li đi hai bên. Cô chiêu đãi viên hàng không Thái hai tay chấp, cúi đầu reo như thông lệ "Welcome to Air -Thai!", rồi đưa lên ghim một bông lan vào áo tôi. Cô kịp nhìn ra bông lan cô gài cho tôi khi tôi sáng nay rời Bangkok bay đi Hà Nội vẫn còn đó. Cô ngại ngần, ánh mắt tối đi một thoáng, nói nhỏ "I am sorry!"

Đến Bangkok, tôi phải đợi máy bay. Tôi quyết định ra bãi biển nằm, tránh cái hừng hực hè và mùi xăng dầu sùng sục xông vào mũi. Lúc đó, tôi thừa thời giờ để tìm nguyên do cái việc thô bạo kia ở Nội Bài. Phải, thời gian đó là chưa chẵn một năm từ khi bức tường Bá Linh sụp đổ. Và chỉ vài tháng sau những tiếng hò trên quảng trường Thiên An Môn. Rồi đám Việt Kiều ngây thơ chúng tôi lại ký Tâm Thư này nọ. Rõ ghét. Và tôi, cái con gà non ngông nghênh chưa sáng đã gáy, cho vào là lại tổ bực mình rách việc!

Vâng, tôi nghĩ là chỉ có thế. Lúc ấy, khóc - cười thành một. Tôi không còn hờn oán gì nữa, chỉ thấy tội nghiệp cho quyền lực.

Những cánh phượng vĩ vẫn đỏ rực dưới nắng vàng óng ánh mặt trời. Đỏ như phượng vĩ Hà Nội. Biển vẫn xanh và sóng vẫn rì rào. Xanh như biển Việt Nam, quê hương tôi. Và rì rào như đòi quyền sống. Tôi thanh thần nhìn trời, nhìn nước. Bấy giờ, rõ ràng quê hương đích thực chính là lương tâm. Và mảnh đất lưu đày nào cũng là những mảnh đất không tôn trọng nhân phẩm và quyền con người. Thôi, từ biệt nhé, ảo vọng về trí tuệ và lòng thành tín trong guồng quay của thế quyền. Từ biệt nhé, giấc mơ nóng vội đổi đời. Tôi viết một bức thư dài gửi cho cái guồng quay, khẳng định tôi tin rằng dân chủ là tất yếu, và làn gió ấy sẽ rồi thổi đến quê hương tôi như điều không khiến cưỡng được.

Ngừng mắt nhìn những cụm mây trắng thông dong, tôi biết tôi là một người có tự do. Vấn đề đặt ra : tôi làm gì với sự tự do đó. Tôi, một người may mắn, không thể vô trách nhiệm.

8 Là một người tự do, tôi lại càng hiểu thế nào là tù ngục. Bốn năm anh nằm trong Hỏa Lò lại ám ảnh tôi. Anh tội gì? Ai có quyền cướp đi bốn năm sống của một đời người? Nhân danh ai, nhân danh gì? Và hẳn anh rồi không có tội nên anh mới được phục hồi "hội tịch" vào năm 89!

Phục hồi, chắc cũng trả cho tí tiền. Liệu tiền đó có đổi được những đêm dài lắng nghe muỗi vo ve, tiếng chuyện trò duy nhất với những tội nhân. Riêng anh, loại tội nhân có cái tội là chót làm nhà thơ. Và tội to hơn, thơ lại là thơ hay. Nhưng hình như có ai nói dân tộc ta toàn là những nhà thơ. Đó là một điều đáng hãnh diện. Đồng thời đó cũng là một điều bất hạnh trong cái cặp biện chứng oan nghiệt - hạnh phúc.

Thôi im đi, tiếng hát ngọng nghịu của thứ gió định mệnh khắc nghiệt sụp về đánh úp hạnh phúc. Thôi im đi, những lạc quan đen, những cú phát cờ hô khẩu hiệu, hoan hô và đả đảo. Hãy trả cho chúng tôi những cái tay bắt chân thành, những cốc rượu của tình bạn, những cuộc đoàn viên có tiếng cười, những phi vụ vui chơi lương thiện... Tôi bị cấm về, chỉ thỉnh thoảng nghe tin anh qua bè bạn, là ông ấy năm nọ ốm đã tưởng đi, ông ấy khỏe lại yêu, yêu PQ, yêu B.Ng, Yêu ĐĐ..., yêu vân vân và vân vân. Tôi mừng, ông ấy vẫn đó. Cho đến 1998 tôi mới lại đặt chân trở lại Hà Nội. Lần này về, về cho bè bạn. Và đi kèm có cháu Việt, con trai lớn của tôi.

Lại men cái gác 43 Lý Quốc Sư. Gác vẫn thế nhưng nhà anh nay khác, lên ba tầng, trước nhà vẫn còn một đồng cát, xi-măng, và dăm ba chiếc xẻng. Bây giờ, không ai réo tên nhau. Phải bấm chuông. Tôi hỏi hộp. Cửa mở. Anh thò đầu nhìn, mắt nhắm mắt mở. Tóc anh xù ra bạc trắng màu mây. Anh còm xuống. Răng thật rụng hết, nay chỉ có răng giả. Anh cười. ở một cái tuổi nào đấy, cười làm sao thì cũng như hơi mếu máo. Anh ngồi xuống ghế salon bọc simili-cuir. Bàn kính. Nhà lát gạch hoa. Thế thì đâu rồi những chiếc ghế đầu nằm soài ra trên nền đất nện? Thế thì đâu rồi cái điều cày, dăm chiếc đóm, chai rượu mơ và ngọn đèn hoa kỳ bà? vụn thật thắp li ti đóm

cháy? Tôi xin anh, thôi lên chỗ anh ở, chứ ngồi salon làm gì. Leo gác hai, anh đẩy cửa. Một cái giường đơn. Trên sàn, trải chiếu, khay nước nằm tênh cạnh ngọn đèn hoa kỳ. Và chiếc điều với dăm vê thuốc lào. Rồi dăm chiếc đóm. Tôi ngồi sụp xuống đất. Tôi bắt đầu nhận ra anh. Anh cười. Bây giờ, cái cười mới hết mếu máo.

Lần sau đến, tôi kể cho anh nghe ý định viết một vở kịch về quan họ. Lần ấy, có TK, rất duyên và cực xông xáo vui chơi. TK hẹn sẽ cùng nhau đi Bắc Ninh làm một châu quan họ, dọa là "các em" bên đó "tình" lắm. Còn phần tổ chức "hành quân", TK la "...cứ để tôi". Về, tôi hẹn đến đưa anh đi ăn cơm trưa với Việt ngày mai. Khi bố con tôi đến thì người nhà anh bảo anh ốm lắm. Chúng tôi lại leo gác hai. Trong phòng, anh co quắp trên chiếc chiếu giải trên sàn, mình đắp chăn. Tôi cúi xuống nhìn. Mắt anh nửa khép nửa mở, trắng đục, vô hồn. Anh không nhận ra tôi.

Anh phải vào viện. Năm ngày sau, bố con tôi đến thăm anh trong nhà thương. Anh bị xưng phổi sau cái chuyến đi "trình diễn" thơ ở Thái Bình thì phải. Mỗi chuyến đi thế, cũng được thù lao một hai triệu, nghĩa là một, hai trăm đô Mỹ. Lộc thơ chỉ có thế, và phải chờ những ngày cuối năm. Chúng tôi đến thì đã có dăm ba phóng viên những tờ nhật báo của Hà Nội. Anh lại khêu tôi, miệng cười rất tươi, chỉ một chị phóng viên ước độ trên dưới ba mươi, và hỏi "...trông được chứ nhĩ!". Rồi anh vịu vai cháu Việt, nói bằng tiếng Pháp, "Bác về là sẽ hỏi cô ta làm vợ". Ngó ra, Việt không hiểu nhìn tôi dò hỏi. Anh tiếp tục, rất chân thành, "Mais oui, je vais lui demander sa main... c est sur". Sau, con tôi cứ cười, bảo "...quả bác ấy là nhà thơ. Un poète-fou!"

Đúng đấy Việt ạ. Có nhà thơ nào không điên? Tôi lại nhớ lời ra tiếng vào của một người bạn, bàn "Ông ấy nỡm lắm. Già thế mà lên tivi cứ nói tình yêu này, tình yêu kia... Nghe ngược đở cả mặt!". Thừa anh bạn đứng đắn, anh Cầm thế, vì anh ấy sống phút nào là chong mắt tìm một cốt đồng để nhập vào, hy vọng thêm một lần ân ái với nàng Thơ. Nỡm ử Nhưng ngấm kỹ mà xem, cứ giả thử như chúng ta có tất cả nhưng không còn yêu thương được nữa, giả thử như trái đất này đánh rơi vào cái rọ đen - black hole - tất cả tình yêu và đam mê. Chúng ta có tất cả đấy, nhưng lại không còn gì ngoài cái hành trình của những người không tìm trong thiên hà mệnh mang kia. Anh bạn ơi, trong hành trình đó anh cứ đi một mình. Chúng tôi xin ở lại.

Tôi đến chào anh một lần cuối trước khi bay vào Đà Nẵng. Lần ấy, chúng tôi tản mẫn đếm số văn hóa xem có ai và đã làm được những gì suốt ba mươi năm qua trong nền Thơ - Văn của chúng ta. Lần ấy là lần anh kêu "... thế là lấy của thiên hạ quá nhiều rồi!". Có lẽ. Huy Cận của Lửa Thiêng, trước khi làm quan thì cũng chỉ được dăm ba bài. Làm thơ, không thể làm quan. Không thể làm giàu. Làm quan làm giàu rồi, thơ chết. Nàng Thơ không ưa công đường. Không thích nhà cao cửa rộng, người hầu kẻ hạ. Và nàng chúa ghét những kẻ nói khéo, nói láo, nói dai, nói ngoa, nói nhiều và nhất là loại nói-không-ai-nghe. Nàng hay ghen. Yêu, thì Nàng phải là Cứu Cánh. Không bao giờ Nàng chịu làm lẽ cho phương tiện danh lợi và quyền lực. Và ân ái với Nàng, bạn chớ lừng chừng kiêu hiện sinh, hiện thực, hiện đại hay thậm chí hậu hiện đại theo chữ nghĩa thời thượng. Trong 36 kiểu, với Nàng là chỉ có Thơ. Thế thôi.

Đếm, đếm đi đếm lại. Cuốn sổ văn hóa mỏng dần. Mỏng làm cho bật máu và chảy nước mắt. Tôi thấy dẫu anh bảo anh có lấy quá nhiều của thiên hạ, anh còn phải lấy nữa. Ngoài dăm ba vì sao lấp lánh, văn hóa của chúng ta mươi năm trở lại đây lại hụp hẫng vào cái rọ đen - cái black hole - ghé rợn kia trong một nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa. Tôi đã đảo cả hai, chỉ hoan hô một mình nàng Thơ.

9 Bây giờ, trên đầu hai thứ tóc nên tôi rất sợ hô khẩu hiệu. Chẳng hạn loại khẩu hiệu như "... tất cả cho mai sau", hoặc "Tự do hay là chết". Bây giờ, trên đầu hai thứ tóc, tôi rất do dự khi đứng vào cái chết. Tôi linh cảm rằng sự sống quý hơn tất cả. Nó đèo bồng trên lưng tự do. Và càng tự do thì gánh nặng càng nhiều. Cái gánh nặng đó nằm trong câu hỏi là ta làm gì và sống ra sao với cái tự do đó. Cho những người theo đòi nghiên bút, làm gì là viết gì. Sống ra sao đồng nghĩa với ý thức trách nhiệm thế nào với người và với mình.

Ngày bức tường Bá Linh sụp đổ, có người bạn gửi cho tôi một cục đá nhỏ. Anh viết kèm "... kể

từ nay, tự do không còn là một cụm từ trong thứ ngôn ngữ chết. Con người biết tự mình cời ra những sợi dây trói buộc, kể cả đám lính kín, công an. Chúng ta có quyền hy vọng...". Anh ta kể ra hoài bão thực hiện một bộ tiểu thuyết về bức tường mà không còn sợ hãi gì nữa. Mười năm qua, anh vẫn chưa viết gì được. Tôi hỏi, anh đáp hai trăm trang đã viết là viết trước ngày bức tường sụp đổ. Từ đó, anh chịu. Tự do đấy, nhưng anh chỉ thêm được vài trang. Còn hai trăm trang kia, anh đã lặng lẽ viết trong nỗi lo âu. Lo và sợ. Đến độ vợ con anh cũng không hay biết. Tôi lại hỏi, tại sao, tại sao thế. Anh buồn bã trả lời "...ngày trước, tôi viết chống một cái gì để cho một cái gì khác chưa có. Nó thật rõ ràng. Bây giờ ừ Cái gì đó chưa có đã thành ra có, nhưng có đấy mà lại mù mờ nên tôi không còn định hướng viết cho cái gì được nữa. Có nhà xuất bản bảo tôi, hãy viết để giải trí cho công chúng người đọc thôi, vừa dễ viết, vừa dễ bán. Viết hay sẽ dịch ra tiếng Anh, có cả thị trường toàn thế giới. Tôi đã thử, nhưng rồi xấu hổ đem đốt cả đi. Tôi không muốn là một nhà văn vô trách nhiệm...".

Nhưng trách nhiệm đó là gì? Có lẽ với anh là ca ngợi Tình Yêu chăng? Chỉ năm ngoái tôi mới được anh cho tập thơ Về Kinh Bắc, tập cuối cùng anh giữ lại. Sách in lem nhem, bìa photocopy đen trắng trên nền xanh lơ, mặc dầu đề là nhà xuất bản Văn học in năm 1994. Tôi cầm cuốn sách, lòng ngậm ngùi. Những vần thơ mượt mà nhất trong thơ Việt Nam thế kỷ hai mươi bị tình phụ trong nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa?

Nhưng đó là những vần thơ tình rất đẹp. Tình yêu Kinh Bắc. Bắt đầu bằng năm đêm, trong ngũ hành. Rồi anh đi liê? bầy nhịp, trong một cuộc tuần du có Mẹ, có Chị và Lỡ Làng. Lỡ làng, bến tình không người đợi. Lỡ làng, mắt mỹ nhân khép đến thiên thu. Lỡ làng, những mảng hoa bèo ao cá quẫy. Lỡ làng, xin Chị một quả ương, Chị lại dối quả ương chim khoét thủng đầu chẳng con chim nào lại chọn quả ương. Lỡ làng, cú nhật chiều mưa dầm quả rụng... Lỡ làng, quan đốc đồng áo đen nẹp đỏ, thả tịnh vàng cưới Chị vống mây trôi. Lỡ làng, em đứng nhìn theo em gọi đôi. Lỡ làng, đưa con anh thai nghén sau những đêm ân ái với nàng Thơ. Lỡ làng, cơn đau của con tằm rút ruột nhả tơ. Lỡ làng, là đời anh. Bởi anh biết yêu. Biết yêu là yêu đến cuồng dại, và mặc cho "Hờ hững buốt căm, bờ sóng lụy Cuồng si thiên rụi bến đa tình Ba ngã sông về người bơi đứng Cợt đám hoa bèo dạt đến quanh..."

Đó là những vần thơ vụng về tôi viết tặng anh chớp mắt đã thoáng mười năm.

Để kết một cuốn sách đọc lâu rồi nên tôi đã quên tên, Albert Breton - một cột sống trong phái siêu thực - viết "Je vous souhaite d'être follement aimée." ( Xin chúc anh được yêu đến cuồng dại ). Cũng được. Cũng thú. Nhưng tôi chúc anh khác. Tôi chúc anh yêu đến cuồng dại. Anh, như chủ thể, và yêu không chỉ là động từ mà còn là một trạng thái của sự sống sáng tạo ra chữ nghĩa. Vậy thì Ta chúc nhau yêu cuồng dại. Phải thế chứ. Vì đó là trách nhiệm của những con chữ có nghĩa. Những con chữ đẹp. Những con chữ có đời sống. Muốn đẻ ra chúng, thì có hề chi những cơn đau trở dạ. Thì có hề chi những lỡ làng.

Tôi nhớ đã hỏi anh Hoàng Cầm, tại sao là Hoàng Cầm, và Hoàng Cầm có nghĩa gì? Anh cười, có chút gì như là chua xót, đáp "Hoàng Cầm là tên một vị thuốc đắng... Tên nó vận vào người". Nó còn vận vào thành một vị thơ. Vị của những vần thơ sang nhất, đẹp nhất, nhưng cũng xót xa nhất của dòng thơ Việt Nam ở thế kỷ 20. Cơn mây mưa giữa nàng Thơ và Anh đã sinh hạ ra Lỡ Làng, dấu vết cặp oan nghiệp - hạnh phúc như vết chân con rắn và trái táo cắn dở của Eva.

Nhưng hề chi, có hề chi.

## Chân dung Hoàng Cầm Nguyễn Đăng Mạnh

Những tư liệu riêng của tôi về Hoàng Cầm, tôi đã đưa cả vào bài chân

dung: “*Hoàng Cầm người và thơ*”.

Giờ tôi chỉ chép lại hai câu chuyện Hoàng Cầm kể tôi nghe mà tôi chưa có dịp viết ra:

### 1. *Chuyện tiết mục quan họ bị đả đảo.*

Năm 1954, chiến thắng Điện Biên Phủ. Hoàng Cầm lúc đó phụ trách đoàn văn nghệ quân đội thuộc Tổng cục chính trị. Ông được giao tổ chức một cuộc liên hoan văn nghệ mừng chiến thắng trong rừng Việt Bắc. Trong chương trình biểu diễn hôm ấy, Hoàng Cầm bố trí xen vào một tiết mục hát giao duyên quan họ.

Đang diễn thì ở một góc hội trường, bỗng có một đám bộ đội đứng dạy hô đả đảo. Chỉ huy đám bộ đội này là một sĩ quan nổi tiếng anh hùng lúc bấy giờ tên là Thái Dũng. Tây rất nể nhân vật này, gọi anh là Capitaine manchot (đại úy cụt tay). Thái Dũng hô lớn: “*Trong quân đội không được hát hồng trai gái nhảm nhí. Đi xuống!*”.

Đám văn công sợ quá, vội hạ màn. May có Nguyễn Chí Thanh can thiệp. Ông nói đại ý: “*Chúng ta chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, nhưng cũng vì những điệu hát này đây!*”. Ông ra lệnh tiếp tục biểu diễn.

Nhưng các diễn viên mất hết tinh thần, không còn bụng dạ đâu mà diễn được nữa.

Chuyện này giải thích, trong chiến tranh, vì sao tình yêu trai gái bị coi là lãng mạn tiêu cực, một đề tài mà văn học hồi ấy phải kiêng kị.

### 2. *Tố Hữu ra lệnh bắt Trần Dần.*

Hồi Hoàng Cầm cho in tập *Giai phẩm mùa xuân*, có đăng bài của Trần Dần, Tử Phác. Tố Hữu triệu tập mấy người đến họp: Hoàng Cầm, Văn Phác (phụ trách tổ chức Bộ Văn hoá), Chế Lan Viên... Tố Hữu cầm cuốn *Giai phẩm mùa xuân*, hỏi mọi người: “*Các anh thấy tập sách này thế nào?*”

Không ai dám trả lời, vì không đoán được ý Tố Hữu. Chế Lan Viên nhanh trí, đoán trúng ý thủ trưởng. Anh nói: “*Cuốn sách đại phản động!*”.

Tố Hữu hỏi Văn Phác: “*Hiện nay chúng nó đang ở đâu?*”. Văn Phác:

“*Thưa, các anh ấy đang đi thực tế ở Yên Viên.*”.

Tố Hữu lệnh – Hoàng Cầm nhớ đứng sáu tiếng: “*Gọi nó về, bắt lấy nó!*”

Thế là Văn Phác làm giấy tờ để bắt Trần Dần, Tử Phác.

Và đây là lời kể của Trần Dần, Hoàng Cầm thuật lại: Chiều hôm ấy có một cái xe ô tô nhà binh đến Yên Viên. Họ gọi Trần Dần, Tử Phác ra và lập tức bịt mắt. Trần Dần kịp thấy trên xe có lính mang súng, lưỡi lê tuốt trần. Hoàng Cầm nói, Trần Dần là tay thần kinh rất vững. Anh ta bình tĩnh lắng nghe để đoán xem xe đi đâu. Qua một cái cầu dài. Thế là vào Hà Nội. Nhưng xe lại chạy tiếp khá lâu. Thế là đi quá Hà Nội. Đến một chỗ nào đấy, xe đỗ lại. Người ta dắt Trần Dần, Tử Phác đi xuống một địa điểm ở sâu dưới đất – vì cứ thấy xuống nhiều bậc, xuống mãi. Đến một độ sâu nào đấy, họ dừng lại và đẩy Trần Dần vào một căn hầm, đóng cửa lại. Trần Dần nghĩ bụng, chắc bị thủ tiêu. Thủ tiêu ở đây thì ai biết được? Coi như mất tích.

Anh nghĩ phải tìm cách lên được mặt đất.

Sáng ra, thấy đây là một cái hầm đào sâu dưới đất. ánh sáng lọt xuống từ nóc hầm qua một ô cửa có chấn song, ở trên thoáng thấy có bóng một anh lính gác.

Trần Dần thấy trong hầm có một cái phản gỗ và một bình nước. Anh kéo cái phản ra chỗ ánh sáng từ trên nóc hầm rọi xuống, cởi áo ngoài, để phơi áo sơ mi trắng bên trong ra, lấy một cái mince lame trong túi, nằm ngửa trên phản, dùng lưỡi dao cạo cửa vào cổ cho máu phun ra ngực áo, rồi giấy đập âm ỉ, cốt cho anh lính gác nghe thấy. Anh lính gác nhìn xuống thấy thế hoảng quá: Nó tự tử, phải đưa cấp cứu ngay ! Một lát sau, cửa hầm mở, người ta đưa Trần Dần đi cấp cứu ở một bệnh viện gần đó. Té ra là bệnh viện Hà Đông. ở đây, Trần Dần may vớ được một người quen bèn viết mẫu giấy nhờ đưa đến Tổng cục chính trị nơi anh công tác. Nguyễn Chí Thanh lập tức đến bệnh viện và lệnh tha ngay cả Trần Dần và Tử Phác.

Hoàng Cầm rất phục Trần Dần. Thằng cha thần kinh rất vững. Hoàng Cầm cũng từng bị bắt giam. (ông nghe Hoàng Hưng, định đưa tập thơ *Về Kinh Bắc* sang Pháp in). Ông nói: *"Tôi nhất lẫm, mọi tội xin nhận hết* (Hết hạn tù, người ta cho ra, còn xin ở lại viết kiểm thảo. Tô Hoài cho tôi biết thế). *Sợ nhất là trong tù cứ thấy có tiếng phát ra đều đều không biết từ đâu: "Khai thật đi! Khai thật đi! Khai thật rồi về với vợ con!"*. Chuyện nghe khá sợ. Một hình thức khủng bố về tâm lý. Chẳng biết Hoàng Cầm có thêm thất gì vào sự thật không. Nhưng quả là đáng sợ. Hoàng Cầm cũng hay tưởng tượng thêm dật thêm ra nữa.

Ai nấy đều thấy, thế giới nghệ thuật của thơ Hoàng Cầm là Kinh Bắc thời xưa. Đó là quê hương của ông và cũng là quê hương nghệ thuật của ông, nơi hồn thơ ông thường lần quất đi về. Rồi Kinh Bắc là Hoàng Cầm hết thơ. Mà phải là Kinh Bắc ngày xưa, Kinh Bắc của núi sông, đồng ruộng miền Bắc từ thời ý Lan nhiếp chính, từ thời nhà Lý mất ngôi, từ thời bà chúa Chè về với Trịnh Sâm, sau đó lưu lạc đi đâu về đâu không rõ, khi Trịnh Sâm qua đời, kiêu binh nổi dậy... Một quá khứ đau buồn. Một nỗi buồn vương giả. Cho nên Kinh Bắc trong thơ Hoàng Cầm là một Kinh Bắc vàng son, diêm dúa, lấp lánh châu ngọc, là xiêm y xanh đỏ, là vũ đạo uốn éo, là tiếng hát cách điệu ý ới ý a... (Không phải ngẫu nhiên mà Kim Lân, Tô Hoài, Lê Đạt cho thơ Hoàng Cầm là vàng mã, trang kim). Nhưng mà buồn, là sự tàn tạ, là cõi xa xăm của lịch sử đau thương của những triều đại suy vong...

Một đặc điểm nữa cũng dễ thấy ở thơ Hoàng Cầm: nặng âm tính, nói rõ hơn là rất ướt át, rất "đĩ". Ông thường cố tình lấp đi lấp lại những hình ảnh gợi dục: *"môi trâu đờ đẫn", "ngực yếm phập phồng", "bầu vú lữa", "vén xiêm", "tóc xiêm"...* Kim Lân khó chịu, cho là thối thẹo, ươn ẹo, già mà tinh tú, dơ dáy...

Nhưng thơ Hoàng Cầm chỉ thật sự là thơ khi ông có cảm xúc chân thật, lời thơ tuôn trào theo bản năng tự nhiên, hồn nhiên. Hễ ông cố gò theo lý trí thì thơ chỉ có xác (xác Kinh Bắc và cả xác tình dục) chứ không có hồn. Nguyễn Đình Thi, Huy Cận cho thơ Hoàng Cầm là trò chơi chữ, là chủ nghĩa hình thức. Đọc thơ Hoàng Cầm giống như tiền tiên. Những đồng tiền lấp lánh ánh vàng ánh bạc. Nhưng lẫn vào tiền thật, có vô số tiền giả. Đúng thế, thơ Hoàng Cầm có vàng bạc thật, (tôi gọi là siêu thơ) và có không ít vàng bạc giả.

\*\*\*

## Phụ đính I : Chùm thơ Hoàng Cầm

### Mưa Thuận Thành

Sau chuyến đi xa lần thứ nhất  
Anh về  
Hỏi sao em còn búp nõn  
Miệng cười mụ dạy bé nằm mê  
Nhìn mắt anh ao mưa nhoè nắng  
Em nói :  
- Vì em mới biết yêu anh  
Sau chuyến đi xa lần thứ ba  
Anh về  
Hỏi sao em phơi phới rùng sơ xanh  
Mắt trong lòng sáng rạng đồng quê  
Nhìn nếp nhăn vàng trán anh  
Ngang tầm bão biển  
Em nói :  
- Vì em chỉ biết có anh  
Sau chuyến đi xa lần thứ chín  
Anh về  
Sao tơ tình em càng óng mịn  
Môi thơm mặn tía vườn quê  
Nghe tóc anh xào xạc lũy tre mờ khói tím  
Em nói :  
- Vì anh đã biết xót thương mình

### Bâng khuâng

Lần thứ nhất gặp anh em nói  
- Chỉ xin làm em gái của anh  
Lần thứ hai gặp em anh nói  
- Muốn xin em làm vợ của anh  
Lần trước, anh cười chẳng nói  
Lần sau, em cười quay đi.  
Hôm nay  
Họ xa nhau từ lâu  
Còn lại tiếng mưa ngâu  
Gõ nhịp giọt gianh thềm đêm vắng  
Và một dòng thơ  
Trang trải nợ ban đầu.  
Đi bên em  
Hỏi em khua guốc ưu phiền  
Chìm trong mặt đá nét hiền dáng quê  
Trăng đêm qua chẳng nhớ về  
Áo mong manh cởi chiều mê mải sầu  
Em đi chân lạnh từ đâu  
Chất chiu quần lụa càng đau ruột tằm

Nhớ em gió nhẹ nhàng thăm  
Em đau sao ruỗi dáng nằm nhẵn nha  
Tiếng cười hay tiếng xót xa  
Tiếng yêu hay tiếng khóc òa vì thương  
Em chia khế ớt tằm đường  
Môi tê hé gọi mùi phương ngọt ngào  
Hàng mi em rớt ánh sao  
Em đi chân đất khuất vào cũi anh.  
Khấn hương hồn con gái  
Bùi Hoàng Yến  
Con đi xa về phía ấy  
Bao năm già trước tuổi  
Một đời thông  
Dòng chữ cuối :  
Yên Kỳ  
Đưa con trai cứ thoải thoải  
Cười nói  
Bên lề đường  
Đánh bi  
Hòn bi ve lia tia máu rọi  
Cứ thẳng đường lăn đi  
Nó đá bóng  
Hình như bong bóng xà phòng  
Cọng rơm khô tung quả cầu nhiều sắc  
Cười ngoan không  
Mà khóc có hư không  
Con đi xa về gần  
Trang đời khô nước mắt  
Quê Tản Đà  
Người bán than khóc hã Chiêu Quân  
Cỏ viết chữ ngút trang âm  
Khó đọc  
Tà áo hương mê  
Xua con đi nhanh  
Đi nhanh đầu ghềnh  
Đi nhanh cánh bướm  
Con về ngày giỗ bà cỗ trắng rằm  
Đưa chồng thì xóa hết nơi vợ nằm  
Đưa con thì quên nơi mẹ giặt chiếu  
Ở Yên Kỳ sao con vẫn thiếu  
Một nơi nằm yên  
Mấy kỳ người quên  
Trước sau  
Năm ấy mẹ qua đời  
Tết đến nhà ứa lạnh  
Khói Vãn Điền chơi vơi  
Thức đầu giường đêm quạnh  
Nhớ mẹ anh nằm khóc  
Em xa băng tiếng cười  
Đuổi xuân đi xóa tóc

Lược bỏ gương mờ cõi  
Năm sau anh cưới vợ  
Năm nữa em lấy chồng  
Tết đến nhà chật chỗ  
Xuân rủ hương nằm chung  
Mỗi năm thêm một thoáng  
Anh sinh gái đầu lòng  
Rồi tháng nào cuối đông  
Em lo chăm năm cũ  
Bé má hồng bụi sữa  
Bé mắt đen tròn thơ  
Lược về xuôi tóc lụa  
Lưng thon hình xuân xưa  
Anh xoa tóc con gái  
Hương ấm lửa kế tay  
Em bồng bế con trai  
Trấu thơm mùa bưởi ngọt  
Chợt ngược lên ban thờ  
ảnh mẹ nghiêm hương khói  
Một lá vàng chẳng nói  
Nghìn chồi xuân không lời  
Dáng thơ  
Thuở ấy Chị chưa về thơ Anh  
Áo tơ dính chặt bó khuôn hình  
Đến khi xé lụa bùng da thịt  
Ngửa mặt phù du khép gió xanh  
Rung suốt dây si nhịp quá mê  
Nghe nghìn thế giới trượt ghềnh V  
Lung liêng hồn liệng quỳ khe núi  
Van xuôi trần tâm khép nép về.  
Anh đứng đây là đâu  
Anh đứng đây là đâu  
Em cười như lá mỏng  
Khép cửa vào chiêm bao  
Anh đứng đây từ đâu  
Em nói như gió ghen  
Chiều nghiêng mây Thị Mầu

Anh đứng đây về đâu  
Em nhìn như mưa trắng  
Năm năm bay ngang đầu  
Anh đứng đây vì đâu  
Chuyện cô đơn  
Vu quy bùng xóm trống trơn  
Mối vách vách nhiều chuyện ấy  
Nàng dâu nhện múa chập chờn  
Lật sấp mận nồng gối ngùi  
Động phòng cưỡng gió ôm hôn  
Rủ mưa lòng chẵn lẻ chiếc  
Đắp kín đời khe nhớ tiếc  
Phập phồng bóng động nguồn cơn



Nàng mây cầm mảnh trăng liềm  
Cắt rốn nỗi buồn mới đẻ  
Sinh đôi... Bé chị bông em  
Xin cúi mình nghe cơn giông dự báo  
Sấm động tơ trời vương mắt long lanh  
Nửa mảnh mây hồ  
Sã cánh tim xanh  
Thành lúa đôi rồi  
Âu yếm rất em anh.

### **Xa...**

1

Nắng động bên giường lay tỉnh giấc  
Lại rơi vào quạnh quẽ đêm qua  
Đâu như mắt chớp mê gì vậy  
Xa rồi... hôm qua... em đã xa  
Mạng nhện lung lưá bên cửa sổ  
Chim gì lạnh lốt dẫy tường rêu  
Bấy nhiêu lá úa rơi ngơ ngác  
Đo một giờ em xa bao nhiêu  
Sợi tóc ngủ lâu màu gối lạnh  
Nửa đêm qua thoi thóp cửa mình  
Cõi đời loáng thoáng em về đấy  
Tóc quăn vờn quanh kiếp ảo sinh  
Thế nghĩa là em thực hóa mơ  
Tưởng như em chẳng có bao giờ  
Em đâu ai xé hồn muôn mảnh  
- Tiếng mối tường bên xé tiếng mưa

2

Em đi rồi bỏ lại ngày đêm  
Anh vổ Niết bàn ran đất lạnh  
Là em nằm đấy chết dài thêm  
Em đi rồi để lại hương hoa  
Nặng ngang đá tảng đè giun dế  
Bồng tóc em vương bốn góc nhà  
Em đi rồi để lại hư vô  
Chiếc lá tre khô bành mặt sóng  
Là tim anh gợn bén quanh mờ.

3

Đêm đêm hương khói ngày không nói  
Trang giấy vùng âm đắp ấm êm  
Ai khẩn gọi gì qua mộ chí  
Trời sao nuốt nghẹn khối u mềm  
Bong bóng xà phòng thuở bé chơi  
sắc màu rực rỡ phút buông lời  
Em đi vổ vụn bao nhiêu nắng  
Về cõi nào đây chấp kiếp người

(Ngày mất Lê Hoàng Yến  
13/7/1985)

## Bên

Người mĩa em đờ... ấy đấy ru ?  
Cười toe nói toét toạc sương mù  
Tân canh đứng...  
Rạng đông vừa lợt  
Cửa khép hờ toang hoác gió thu  
Thì vâng !... em xin đừng lặng thình  
Da hồng tóc óng mỏng đường sinh  
Đào nhung cánh lụa kiềng soi nắng  
Gió cấp ba thổi méo thân hình  
Bùng cơn sốt đến giường nan lịch  
Trăng nửa mùa thay gió đổ tơi  
Phong thấp em tìm đâu thuốc chữa  
Vào tim dao khóa bịa ra cười  
Từ đó môi em đuôi ớt ngậm  
Hai gò tịch mịch má hồng ngậm  
Mua son đất rẻ tùy phiên chợ  
Phấn mốc nhồi quanh ngọc chuốt thằm  
Cột đèn phố Zét hẹn duyên Tê  
Lại cuối vườn Thờ ngóng dáng Bê  
Ngày ve đêm vãn mười cơn gió  
Mười cái ô trần nghiêng ngửa mê  
Lĩnh tía hoa thâm kín sự đời  
Thèm vui xao động phố phường ơi  
Chiều em chưa nhấp bia bèo bọt  
Ai đã nhòn đưa mắt thịt ôi  
Lũ lợt ngày đi xám lạnh dần  
Mùa nào đất lạ cũng thanh tân  
Em run ngực lép tê chân bước  
Đi quá đông già chẳng thấy xuân  
Ấy đấy là em. ấy thế oan  
Trở về quê quạnh lảnh mây tàn  
Đàn treo chéo mộng dây dơ dáng  
Cổ nảy tình tang mấy phím hoang  
Thôi em xin tắt cơn cười ghen  
Nổi nhục ngồi cao hơn nổi đau  
Em cậy người thơ vườn ôi cũ  
Gửi bùa mê lịm lúc say nhau.

## Tim

Ngày tôi mới biết em  
Trông đã già trước tuổi

Những loài hoa nở đêm  
Thường biết chờ biết đợi  
Ngày tôi chợt biết tin  
Em lấy chồng lần cuối  
Lan hương đêm biết gọi  
Những người tình xa nhau  
Cứ tìm rồi sẽ tới  
Mai sau... rồi mai sau...

Biết tim em ở đâu  
Trong chiều dâng vời vợi  
Ai biết chờ biết đợi  
Bằng nắng pha cạn màu  
Em đi thì đến đâu  
Gặp gió nào cũng hỏi  
Chuyện ngày xưa mở đầu  
Em lấy chồng lần cuối  
Em đi thì nằm đâu  
Phòng khuya nào le lói  
Mở khuôn trăng hồng hào  
Khép cánh màn xanh xao  
Biết tim em ở đâu  
Lan hương đêm cứ gọi  
Những người xa thương nhau.  
Khi em đi xa  
Khi em đi chưa mưa  
Mới thấy mình vô lý  
Sao dám gửi đăng thơ  
Lên trang chiều ủy mị  
Khi em đi mưa rơi  
Lại thấy mình có lý  
Vì phút giây bồi hồi  
Biết nhìn sau giọt lụy  
Khi em đi xa quê  
Mới hiểu lòng ngỡ vắng  
Nghe bánh xe nặng nề  
Nghiến phương mây thẳm lặng  
Khi em đi mịt mù  
Lại thấy mình bão táp  
Đặt câu hỏi cuối cùng  
Bao giờ em giải đáp  
Em đi xa quá xa  
Mới thấy trời mây hẹp  
Có phải trong hồn ta  
Em vẫn ngồi khép nép...  
Có đi đâu mà xa

**Ngân nga**

Đêm phương Bắc khi sao hôm nhẹ khóc  
Hương tím em về đậu giữa trang thơ  
Thả cô đơn gió xanh lùa mái tóc  
Dịu em đi từng bước ấm sương mờ  
Ngày em ngủ bên mi anh nắng đọng  
Chiều em đi không quá một vòng tay  
Tối em về gió ru em vỗ sóng  
Trên ngực tròn hương tím thức đêm say

2

Bỗng già biệt. Em không buồn khóc nữa  
Trời phương Nam hồi hải trận mê cười  
Đài hương tím bỗng uốn hình nở rộ  
Những bông gì chao chát rụng lung lơ  
Anh gió xanh tìm em đâu - Sợi tóc  
Đã sang mùa... Biệt biệt những chiều mưa  
Trong não động đô thành ta gợn lọc  
Tiếng trong ngần suối Bắc gọi em xưa

3

Nhiều nửa đêm chợt bỗng bình giọng hát  
Thoảng đài hoa tím đậu mắt treo ghềnh  
Ta bật dậy và lạ lòng kinh ngạc  
Ô hoa vàng ! Quay úp mặt buồn tênh  
Em thay tím vì phương Nam lửa đỏ  
Chiều nơi đây không lặn cõi sương lam  
Hay bởi hồn xanh vụng về tuổi nhỏ  
Để sắc vàng chói ngợp cả nhân gian

4

Em không nói. Chiều nay không bóng tím  
Tiếng xe đời thét gọi mưa sa  
Gió nguyên hình. Đêm mê gì ngắt lịm  
Trăng Tây Hồ sao tuyết mù xa  
Em không đến. Thế là anh đã ngủ  
Ngậm hình em lá ngọt tím môi chì  
Em xa quá. Anh càng xa nữa  
Cười ngậy qua phố ngõ ngang đi.  
Mưa chiều nắng chéch  
Tình nuốt bên son  
Hắn còn vương tội  
Tóc cước măng non  
Bi bô bé con  
Thay màu nóng lạnh  
Thức ngủ hao mòn  
Ngày xanh tuổi trắng  
Tâm sáng mắt lò  
Nhìn kim đáy giếng  
Ngón tay chạm hờ  
Sợi cỏ đau điếng  
Khát em đầy miệng

Bập bồng phun mưa  
Quên đi nỗi mình  
(nói vô lý vậy)  
Còn duyên gặp tình  
Hết duyên chống gậy  
Nẻo về hư linh  
Mưa chiều nắng chéch  
Về phía không em  
Tội tình đi chệch  
Về phía trăng lên  
Chân mây xô lệch  
Những mùa không tên  
Ánh đèn  
Sương đêm  
Nhiều chớp mắt vô tình  
Sợ cỏ phương nào ơ  
Đừng soãi tóc đứng nghiêng bờ cách trở  
Làm gió vương mây gợn kín bưng trời  
Mắt úa nắng đừng lẻ loi rạn vỡ  
Về mắt anh thành chan chứa mưa rơi

Thương em từ hàng mi ngậm ngùi hé mở  
Hồi chuông rung chiều khép lả ân tình  
Thương em từ nếp áo bán khoán đi về gõ cửa  
Một căn phòng đầy tiếng lặng lời thỉnh  
Đường anh đến tìm em tre rấp ngổ  
Rừng cỏ may khâu chặt áo se tơ  
Vì duyên phận im lìm gài chặt cửa  
Đành cỏ may giàn trấu cắn khắp thân hờ  
Nẻo em lại tìm anh rừng lá dứa  
Gai châm thương bằng mấy cỏ may yêu  
Khi rớm máu tường vi  
Làn da tê lệ ứa  
Nhỏ gai ngậm thắm thấu giọt nâng niu  
Anh đâu biết buồn vui nào chỉ dẫn  
Tìm giọt sương lỡ hẹn mấy bình minh  
Vạch tia chớp đêm mù đi lặn đận  
Xót xa em nhiều chớp mắt hóa vô tình.

### **Gọi đôi**

Cùng Em ngửa mặt lên xanh  
Lá thông kim tỏa đôi mình ươm gai  
Tê tê ngực nở bồi hồi  
Gió thơm tóc cuốn nắng cười Em chi  
Dưới kia sông chẳng quay đi  
Mười hai tuổi cũ biết gì Chị ơ  
Một con bướm lửa đậu môi  
Hai nhánh hoa lửa chia đôi tay cầm  
Ba tầng mây lửa trầm ngâm

Bốn con chim lửa đậu nhâm cỏ hoang  
Trời quê Em vẫn thênh thang  
Chiều mê bên lịm bàng hoàng chớp đông  
Em cầm lấy cỡi mưa nhưng  
Miên miên tơ óng xuôi vùng khe sâu  
Em ngồi đâu chị đứng đâu  
Bỗng dưng hai đứa hai đầu hư không  
Em cầm đượ cỡi mưa nhưng  
Mờ chênh gối Chị đôi dòng vu vơ  
Em chìm chưa Chị nổi chưa  
Bỗng dưng hai đứa hai bờ tháng năm  
Đêm qua hỏi có trăng rằm  
Đêm nay ai biết nơi nằm trăng thu  
Em mê ru Chị mộng du  
Đêm qua tàn lại thềm ngò đêm mai  
Áp môi bỗng cỡi mưa dài  
Khát thêm từng trận  
Khát hoài tuổi xưa  
Em về chưa ? Chị đến chưa ?  
Bỗng dưng hai đứa khóc mờ đêm trắng

Chị đây có phải Em chẳng  
Em đâu có thật Em rằng Chị không  
Xiết tay kết một vô cùng  
Lơi tay lại vẫn đôi dòng lững lơ  
Song song có gặp bao giờ  
Hai dòng lệ chảy, hai bờ sông trôi  
Mưa nhưng áp má bồi hồi  
Nghe khô từng sợi mưa dài lặng im  
Em không nổi, Chị không chìm  
Chị tung gió tím Em tìm sang xuân  
Nằm trong mắt bão tuyết trần  
Mưa nhưng tung cánh trắng ngàn...  
Em bay...

### **Ngày giỗ**

Nhớ em từ một đường khâu  
Hai năm vai áo toạc đau xé lòng  
Nhớ em từ miếng cơm không  
Hai năm bát mẻ đĩa còng chia nhau  
Em ở đâu Tôi ở đâu  
Hai năm cỏ bén rễ sâu trên mồ  
Đi thăm bụi đất chiều mưa  
Giun kêu thăm thăm cứ ngò tiếng em  
Về đâu tiếng nói em hiền  
Thảo thơm biên biệt điệu kèn hư vô  
Tôi còn sống gửi ở nhờ  
Cõi thơ có phút nào ngơ tội tình  
Nghịch oan từ thuở sơ sinh

Gọi nguồn dương chảy đến mình biển âm  
Em đi một loáng trăm năm  
Nơi đâu em ngủ tôi nằm lên đênh  
Đầu nghiêng gối nặng tay mình  
Cùng nghiêng mắc áo dáng hình cheo leo  
Về khuya mê bóng bóng theo  
Nhìn chệnh thế kỷ bóng vèo qua mi  
Ngày giỗ hết Lê Hoàng Yến  
Kỷ niệm  
Đi tìm kỷ niệm bên nhau  
Sao không gặp mắt ai đâu mà tìm  
Phút nào tơ tưởng thành em  
Nghìn năm nhớ dáng tô-tem dập diu  
Giạt về bến lặng thương yêu  
Nợ nần chất đồng củi rêu trôi sông  
Cái bèo nước chảy ngược dòng  
Rủ rê cái bọt xoáy vòng khe sâu  
Muốn tìm kỷ niệm bên nhau  
Trơ trơ mặt giấy sạm màu cô đơn  
Mặt đường mưa lạnh rêu trơn  
Mặt trăng héo úa chập chờn mặt sông  
Mặt bùn vũng tối bập bồng  
Mặt nào sấp ngửa ló trong sương mờ  
Mặt ai chìm nổi em thơ  
Soi gương tóc trắng bơ phờ mặt gương  
Lá xanh đổ góc vườn hoang  
Hỏi thăm chi mảnh lá vàng héo đau  
Muốn tìm kỷ niệm bên nhau  
Lên sao Mai gọi con hầu Hằng Nga.

## Chùa Hương

1

Em thấy chùa Hương phía giải oan  
Mắt nghiêm màu Phật chặt đò ngang  
Phải cô công chúa con vua Lý  
Khép áo kinh kỳ mấy cửa hang ?  
Đã hẳn đi tìm mây ngũ sắc  
Chập trùng đá động biếc thời gian  
Gót chân hết lạnh đường tiên cảnh  
Có lạc vào đâu buốt ngực tràn ?  
Chuông sớm có nghiêng về mộng cũ  
Nhường em vương tóc sợi mây xa ?  
Bàn tay chấp cánh chưa nguôi nhớ  
Có buộc làn hương thoảng lướt qua ?  
Em ngủ về đâu chùa Cửa Võng  
Bến Trong bến Đục bến nào xa ?  
Vời ai em nói đêm mê ấy  
Sao tiếng đau em động khói nhà ?

2

Anh trẩy chùa Hương phía xót thương  
Bến Trong bến Đục nửa chia đường  
Thiên Trù chột lẳng chuông bông tím  
Bống gặp em nằm đắp khói sương  
Em hỏi sao anh cứ đến tìm ?  
Thuyền nào đưa lối chật khoang tim ?  
Nhưng anh nín lặng dìu em bước  
Lên hết bầu xuân tiếng mõ chìm  
Anh hái mơ chùa cả chín xanh  
Chua bưng men nhớ đắng đôi cành  
Nhân gian là thế sao thành mộng ?  
Ngơ ngác chùa Trong em vắng anh  
Anh giải oan em chẳng hết oan  
Suối khuya cát xé tiếng kêu than  
Hỏi em xứ Phật nào yên tĩnh ?  
Em gượng cười soi bóng đá vàng.

3

Nửa đêm mừng bảy lặn trăng non  
Anh hẹn em về cõi sáng hơn  
Cầm tay em lạnh đưa đi m•i  
Mê mãi rừng mai thấp thoáng hương  
Ôm em đỉnh núi sao bông thấp  
Hai ngực hòa tan một tiếng chuông

.....  
Tình ra đắng chát tràn môi cháy  
Em đâu rồi ?

- Văn hội chùa Hương

Một phương

Bao năm và mấy phương  
Cứ thương thầm nhớ vụng  
Gió thốc bao dặm đường  
Sao em còn chấp chững  
Theo mây chiều lững thững  
Lũy tre gầy nhuộm sương.  
Mấy phương và bao năm  
Sợi tóc đã sa sầm  
Nét gầy lây nét trắng  
Đã mấy cười mấy đắng  
Sao em còn dăm dăm  
Trên trang tình phẳng lặng  
Nói những gì biệt tâm  
Vẽ bóng gì đi vắng  
Trên bức tường không cầm.  
Tóc ly thân sao Hòm  
Mắt cười tròn sao Mai  
Sao em không thở dài  
Khi khăn vuông bông lạnh  
Những đêm dài trĩu vai.  
Nền khuya loang vũng máu



Vùi chuông giờ mười hai  
Chỉ một phương trăng rằm  
Biết em đang gọi thầm  
Khi sao Mai rực sáng  
Anh biết đường sang thăm  
Chỉ một phương một lòng  
Vỗ yên người sóng gió  
Miệng em cười lấp ló  
Trong ửng hồng bên sông.  
Chị em xanh  
Vẫn cầm lá Chi  
Chiều Diêu bông  
Chị đi một chuyến chơi xanh cỏ  
Quay bánh linh xa miết triệu vòng  
Nhặt sợi-vô-cùng thêu áo gối  
Mau về mừng cưới..  
(nhớ Em không ?)  
Đón Chị hồn chênh  
Lệch bóng đêm  
Chân không diu dặt cánh tay mềm  
Tóc buông đổ thác về vô tận  
Bát ngát mùa  
Đương độ tuổi Em  
Vậ thì Em ngát quàng tân hôn  
Theo Chị lừa mưa đuổi nắng buồn  
Hai đũa lung linh lơ yếm áo  
Thuyền trăng dềnh  
Sã cánh cô đơn  
Chị vỡ pha lê. Bùn vấy tay  
Hồn trong Em chuốc Chị chìm say  
Là Em cưới Chị xanh thêm thiếp  
Sinh một đàn con  
Mây trắng bay.

### **Xanh xưa**

Thương em sóng cuốn mà quên  
Dọc đê toàn ớt chỉ thiên tía hồng  
Đôi ba năm khép một vòng  
Vòng cay xé lưới mắt ròng tuổi mưa  
Chợt nghe sông cạn bao giờ  
Đứng cay đứng sững mấy bờ nhân duyên  
Đáy bùn quấy mạnh góc sen  
Hỡi ơi ! sông Sở sông Tiền đó chẳng  
Sương mù đóng chắc giá băng  
Vùi trong trắng xóa vĩnh hằng thơ ngây  
Để em đau nỗi riêng này  
Chỉ thiên cứ mọc ngón tay nguyệt thề  
\*  
Thôi em ! Cỏ mịn chân đê

Anh đưa em nhẹ gót về xanh xưa  
Chỉ tay xuống đất làm mưa  
Mát chân em khỏa lưng lờ nguồn xuân  
Tan rồi hạt bụi ái ân  
Vương mi em một đôi lần... phải không ?

*Đêm 25-8-1990*

## **Về Kinh Bắc (1959 - 1960)**

### **Nhịp một Khẩn nguyện**

\*

Bưởi Nga My sao mẹ bắt đèn bồng

### **Đêm Thổ**

Cúi lạy Mẹ con trở về Kinh Bắc  
Chiều xưa giẻ quạt voi lồng  
Thân cau cụt vẩy đuôi mèo trắng mốc  
Chuồn chuồn khiêng nắng sang sông  
Đê mười tám khúc Văn Giang  
Chuông Bách Môn đổ xô gò má  
Mây thành thổi lửa  
Nẻo Đông Triều khép mở gió kỳ lân  
Chớp rạch dáng tiên vén xiêm xỏa ngũ  
Thoát chìm  
Gấu đẩy đá Thiên Thai  
Đi đâu  
Tràng mảy xéch vòng cung  
Bắn nát chiều mai ráng đỏ  
Châu chấu ma vờn cổ yếm xây  
Không gặp người quen  
Hờ  
Ngõ cũ  
Đêm xuống  
Làm lầu hoang  
Trò chuyện gì ai đâu  
Mồ tháng giêng mưa sũng  
Đầm ca dao sáo diều chiều lịm tím lưng trâu  
Bưởi Nga My sao mẹ bắt đèn bồng  
Đêm Kim  
Về Kinh Bắc phải đâu con nghẹn khóc  
Con không cười  
Con thoảng nhớ thoảng quên  
Hình nhân má điệp tóc mực tàu  
Mắt nghiêng dựa liếp  
Mai nhảy vào đám lửa giỗ đầu  
Gấm Song Cầu khoác lại áo ngày xưa

Da trứng bóc  
Phủ bụi tàn nhang  
Phía đông kéo cửa xẻ gỗ  
Phía tây chày nện ván thiên  
Ông phó may già mười đêm chẳng ngủ  
Rủ xô gai biến động tìm kim  
Kèn già lam ai tập thổi  
Gió mát chồi xuân đay nghiêng lữ tre đầy  
Năm ba gã trai tập bài lưu thủy  
Một trẻ sơ sinh đuổi giọng mèo hoang  
Qua miếu mưa phùn  
Giặc bên sông đã cấm cò hạ trại  
Mẹ đón con rung gậy múa Đường Trèo  
Đêm Mộc  
Về Kinh Bắc phải đâu con hé miệng  
Khế chua với bột lòng tay  
Tràng pháo rỗng thân cau mới bói  
Tênh tênh chở đá Ba Vi  
Tiếc gì nhau nữa  
Lửa ong bầu châm lửa gót chân

Cói Thanh ép mỏng  
Bao giờ lim gãy đá tan  
Ngủ lại giấc mơ dang dở  
Chùm cau căng nứt mạch tằm

Yếm may ba ngày mẹ vá lại  
Khuya nghe buồng động bóng đêm rằm  
Súng lệnh gươm đao rậm rịch  
Thua  
Lá màn lay  
Muối ngủ mê  
Đêm Thủy  
Về Kinh Bắc phải đâu con nhắm mắt  
Gài mảnh gương giàn thiên lý đợi tua rua  
Chùa Phật Tích ruỗi trong màn lụa bạch  
Tượng Quan Âm má ửng bồ quân  
Chuông chiều cỏi yếm  
Chuông sớm đội khăn  
Câu kinh tê tê mười ngón tay măng  
Mỡ đêm hè cuốc lội  
Ao mưa dềng rịt lá trường sinh  
Gió vào trăm cửa  
Gió ra hồng da trinh nữ  
Gió vào xanh quan lục  
Gió ra vàng thớ mít  
Ông bay vai áo tiểu thon mình  
Thập điện Diêm vương mở hội  
Trong mắt trẻ lên năm

Trưa hè gãy rắc cành hoa đại

Mái hậu cung bỏ các tha rơm  
Liều điều võ hoa xoan lả tả  
Lụa sòng nén nghẹn búp thanh xuân  
Tờ kinh đắp mặt ru bươm bướm  
Chuối chín cây đổ gục đứt dây bìm  
Đêm Hỏa  
Về Kinh Bắc tìm chơi đàn kiến lửa  
Ngón tay di sợi chỉ nâu  
Mây nổi rang úp chụp đỉnh đầu  
Giun đất lòng thòng mỏ con gà trĩ  
Võng mắc cành hồng chạc ổi  
Kiều khăn  
Đứt giọng nho sinh  
... “buông mảnh...”  
... Con oanh học nói...”  
Vợ xách giỏ cua đồng nghén nước  
Hoa thui ngọn bí lông tơ  
Đại hạn tháng ba  
Lá lúa rang châu chấu

Mãi dỗi con  
Mắt cua nghênh già cảnh già người  
Càng hy vọng tủa lên trời đợt bão  
Chiều cớm sông  
Năm ngón tay lằn mộng trẻ nhỏ  
Trăng lên chém đầu ngọn gió  
Cành si bung chậu máu chất chao  
Cuối năm rì rầm tiếng khóc  
Chàng ôi ngựa tía võng đào  
Chợt mê thét giữa sân  
Nét mác chữ thiên toạc lưng trâu mộng  
Máu đỏ  
Mây đùn  
Gió lộng  
Sớm mai đi

## **Nhịp hai** **Kiếp trước**

\*

Giếng ngọc ẽnh ương quát đêm tiền sử

Nắng phù sa  
Người thơ kể  
Ướm vết chân bãi phù sa sông Đuống  
Dựng tre làng Cháy  
Sạt năm tầng mây lửa rục Phong Châu

Chuột thành than  
Đen xạm dọc sông Hồng  
Kẻ cướp run dưới Rạng-đông-thần-thoại

Người thơ kể  
Thiên vương chẳng nói  
Lúc gặt đầu  
Vó ngựa đào ao hồ  
Liên tiếp mãi Đông Anh  
Thiên vương chẳng nói  
Lúc nghiêng tai  
Cò chớ nắng tề phi điệp điệp đặng ngà  
Hoa gạo các triền sông  
Giải lối Sóc Sơn bay  
Người thơ kể  
Thiên vương chẳng nói  
Chân Mẹ còn đê mê cát mịn  
Hội Gióng dong chiêng  
Bé em về nằm khoanh lòng mẹ  
Nghe nghìn muôn năm sau  
Xoa nắn đôi bầu vú lửa  
Sông dài  
Cát bỏng  
Nắng hồng hoang  
Gió lông ngỗng  
Lông ngỗng trải bờ lau  
Sông Cầu xuôi bến Hát  
Rập rình Mộ Dạ chiếu tân hôn  
Chuỗi ngọc trai ai gửi lễ mừng  
Vỏ ốc đổ bờ ao sờ sẫm tối  
Bè lông ngỗng ngược sông Hồng mưa lũ  
Cổ Loa cú rúc chòi canh  
Giếng ngọc ỉnh ương quát đêm tiền sử  
L...i...m...m  
Ú... !  
L...i...m...m  
Ú... !

Mất rồi  
Mười bảy mươi ba  
An Dương Vương ôi  
Bọt bể bờ hòn  
Sương Cầu Lim  
Chấp chới lá chè non  
Cầu Lim Nội Duệ  
The Hà Đông đón kiệu  
Bỏ quê Xim  
Ếch Quế Dương xếp đuôi tròn gõ trống  
Sáo sậu Phù Ninh  
Rợp nắng  
Về Thăng Long  
Đá nhẽn trông con  
Gục đầu sườn núi Dạm  
Lựa vàng xé lọc rắc tro tiền  
Đề ngang khói bếp

Bật mùi khoai nướng  
Đầu rau nằm sấp toạc môi  
Trống Chờ thúc chín tiếng  
Chuông Trõ nện ba hồi  
Mỡ Phù Lưu khua bến đò Lo  
Thấy phẩm Huệ xênh xang năm sắc áo  
Biết lòng chim sáo chim ri  
Gái Cầu Lim Nội Duệ đã đi  
Khói Yên Thế  
Ngựa Ô-truy lao cầu vòng Yên Thế  
Râu cấm rừng quanh ánh mắt sao bay  
Ngựa Ô-truy phi một đêm đến cửa Bồ Đề  
Bờm nhà khói  
Đuôi dựng mây  
Hí lửa dài  
Vó chồm nghiêng soái phủ  
Nhe răng cười  
Trai Cầu Vòng Yên Thế đã đi

### **Nhịp ba Rũ bụi gia phả**

Bình pha lê nghiêng rượu  
liệm đêm tàn

Đèn nhang 1:

Ông già thả gậy  
Bắc cầu phao vượt bến  
Bạc đầu lên núi thổi cơm chiều  
Tay rẽ lá giở trang vàng diễm sử  
Áo Hai Bà dăng mắc  
Rừng liên miên chi chít mộ Hùng Vương  
Gia phả rũ bụi bay mịn chuốt Dó Vân  
Cụ tổ mười lăm đời  
Cùng ngựa mặt với Trần Bình Trọng  
nhận gươm phương bắc chém  
Cụ tổ mười đời  
Lặn đá Chi Lăng  
Chẹn ngõ Đông Quan cứu viện  
Gỡ ba hồi trống  
Tuyên giờ tuyết mệnh Liễu Thăng  
Cụ tổ chín đời  
Mở trang Bình Ngô Đại Cáo  
Nơi thôn xa ba chén chúc mừng  
Chợt thấy mấy hài nhi khăn trắng  
Xăng canh gà thét đuổi đêm đông

Ông tổ năm đời  
Cáo quan dưỡng bệnh

Tóc trắng bồng bênh trước án  
Câu thơ chênh mảng gối đầu tay  
Tia hoàng hôn xuyên kẽ liếp  
Dờ khóc dờ cười  
Đưa cháu đích tôn vừa qua cơn sốt cuối răng  
Ngựa cổ tri buộc ngoài ngõ trúc  
Hũ rượu hoàng hoa  
Hịch bốn trấn  
Xé trang Luận Ngữ  
Lau gương  
Lên đường  
Đòi cha tiến sĩ năm Nhâm Thân  
Kéo quân về cửa khuyết  
Hỏi tội nghịch thần  
Mắt Chúa đảo thiên  
Kéo áo che ngại  
Né mũi kiếm vô hình xốc tới  
Phanh hãm nhét vội một vàng dương  
Cẩn nhọn móng tay  
Thơ cùm lim khắc máu  
Chợt nghe tin giặc dữ  
Lấp sông san núi ùa sang  
Vùng chặt xích bể gông  
Phá cửa  
Cướp ngựa Hình Tham tri  
Phóng lên ai bắc  
Dù nghẹn ngào thuốc độc tam ban  
Đã ngấm tủy xương từ chén rượu đêm qua

Đèn nhang 2:

Dó lụa lật trang  
Sang chữ triện quan tài  
Bóng người cô ruột  
mMây uốn hàng cau cúi ngó vành môi  
Sông trôi xa còn ngoái về  
Xem gót chân uyển chuyển  
Bao nhiêu núi đồi Kinh Bắc  
Dịch sườn thông sang xúm xít  
Quanh hàng mi  
Nắng đọng hồ trong  
Một sớm đi làm vương hậu  
Cười rử cỏ hoa  
Rè tiếng trống chấp đờn khênh  
Xà tích dấu đưa em  
Nâng lụa ngang mày cảm tiếng khóc  
Nhìn mây về ngọn cau  
Mái rạ thiu thiu  
Đi  
Bút lá xanh giữ cõi cảnh gầy  
Niu cuộn lá vàng qua trận b•o

Phân kim hạ kiêu  
Khói ly đoài thoai thoải khúc hành vân  
Mấy chục nguyên tiêu  
Thời trần thừa thốt  
Cơn trái nắng kén gì  
Đúng lúc quả đào rơi  
Vua băng hà  
Đời hậu tắt sao băng  
Sợi tóc trắng quấn vòng Khiêm lăng  
Chẳng dứt  
Rêu lầy vàng trán thuở nào xưa cây lúa  
Nghênh xem điều tàng xanh đảo cánh  
Đêm ngủ gói đầu cẩm thạch  
Hồn ma để bá cũng lang thang  
Đói khát tình thương  
Đá Quảng Nam quen lệ nghìn năm lấp sóng  
Đêm doang tay  
Mời vương hậu  
Ngủ chung giường  
Chợt nghe tin giặc dữ tràn sang  
Bàn tay quấn tóc khô  
Che mặt  
Về quê  
Chết bên cây ngâu nhòm bể nước mưa đầy

Ngựa 1:

Trần Kinh Bắc vua nuôi đàn lính ngựa  
Trăm trận đông đoài chập vút bì tiên  
Cắt thịt chia da  
Nhai cỏ úa lồi mòn đường quê chát đắng  
Cô gái nhà ai đến đây cắt cỏ  
Người hơi chồng quanh quất cửa đông nam  
Dù gục khóc dưới chân thành  
Đã mất giải khăn đào húng lệ  
Người đổi kiếp ra mô đất xám  
Đắp thêm cho vững mái lâu hoa  
Chiều nổi cung đàn phỉ thúy  
Thong dong  
Trận mạc vớng lưng Phiêu-ky-tướng-quân  
Phóng giữa Trường Sơn lớp lớp  
San bằng đồi núi lô nhô  
Vó sắt lún ba năm cỏ bông chẳng mọc  
Tiếng hí dài  
Ba lần triều đại đổi ngôi  
Khoét thủng sáu lần nhung phục  
Đập rập tám lọng vàng đồ đốc  
Cha truyền con nối  
Đã xơ lờ



Bên cầu lếch thếch trẻ mồ côi  
Nhớ sữa mẹ gặt con ngựa út  
Bờm lông còn ướm  
Đã vênh tai nghe động trống doanh lâu  
Nếp nếp áo chầu  
Ngã rạp  
Chiến thư  
Dùng dấng  
Tử sinh  
Ai gặp lúc tuổi măng háu đá  
Óc ngu phu giám mã  
Chạm yên  
Đau rức xương hông  
Quằm gót  
Thốc ngang sườn quật thầy tổng quản  
Hông rồi  
Chiến trường không dụng  
Đeo thẻ bài nhà Chúa  
Ngấn ngơ gặm cỏ  
Quanh quanh cửa bắc cửa đông  
Nhìn tí mù xa khanh tướng  
Cờ bay bụi lốc  
Nghe tin về lái ngựa quận công  
Xiêm quận chúa tung rung kỳ ngộ  
Tiếng hí khải hoàn chìm lịm  
Bình pha lê nghiêng rượu liệm đêm tàn

Xương vụn kéo lên gò đồng  
Cháu bốn đời võ mã áp tai  
Nghe trảng đặc rộn hoang vu  
Còn thoảng khét mồ hôi  
Ngày huyết chiến năm Thân  
Những Việp-Quận-công Bằng-lĩnh-hầu  
Đổ xuống búng beo da thị rưng

## Ngựa 2

Có một thời  
Tin lửa đến giục thôn vàng ngái ngủ  
Giặc tràn sang cỏ rạp ải quan rồi  
Đàn lính ngựa vua nuôi  
Bổng lừ đôi mắt mồi  
Phi dài vệt khói  
Cánh dăng dăng quan lộ  
Áo nẹp vàng lên chín ngọn Hùng Sơn  
Đường nắng bay từng đám hoả hoàng  
San sát rừng gươm  
Gia Bình Bạch Hạc  
Trần lên thốc ngược cờ đốc đồng Kinh Bắc  
Trước mặt cào cào rộn cánh  
Tốc xiêm y trăm sắc cung tần

Trên lưng nắng hạn xém yên cương  
Dưới bụng dầm dề cỏ rướn mình  
Uống nước mưa thổ hoàng bách chiến  
Giặc cuồng vắt chân tháo chạy  
Đầu lâu lăn lóc vó  
Vụn xương hàm cấm mốc biên thù  
Tít tấp  
Từ Tiên Yên Hà Cối  
Đến Hà Giang dựng Cổng Giời xanh  
Cũng từ thuở ấy  
Cô gái quê thả tấm khăn điều  
Bay nối đường tre liền ngọn thác  
Bạc phau đổ xuống tự vòm mây  
Mắt ướt môi se không nức nở  
Răng đen rưng rức  
Nghiến oán thù tím ngắt  
Nắng Phong Châu  
Cũng từ thuở ấy  
Lính - ngựa vua nuôi gọi lính - người  
Hội vật  
Trống lớn Giảng Võ đường  
Đội bóng vòm trời cao vót  
Gió thượng du dội lại  
Mưa trung du thốc sang  
Bão hạ du dồn vang  
Ba hồi chiêng lão đảo các toà lầu  
Cong mái đỏ quanh thành  
Kỳ xí đêm qua ủ gió  
Sớm nay thả hết về nam  
Săn đàn mây bò mộng ngổn ngang  
Loa khua nắng thét mời đô lực sĩ  
Hiệp trấn rón hia lên đài khảo sát  
Tuốt gươm trần trăm vệ sĩ  
Hai hàng tắm tấp võ hoàng môn  
Lệ ba năm nức lòng dòng võ tướng  
Vua kén người giỏi tiên phong  
Vật núi núi lăn  
Ngáng sông sông gãy  
Gái thường dân Kinh Bắc  
Tìm ai đây giỏi phận làm chồng  
Hai tay căng sợi chỉ  
Quyè ba đêm không mảy động đường tơ  
Các ngã đường bụi đùn lốc nổi  
Thác người đổ qua cửa ngọ  
Cờ xua hết mây đi  
Toà biếc lẳng xem  
Trống vẫn thúc  
Sạt sườn Tam Đảo đổ nghiêng  
Loa vẫn rải  
Núi đồi trùng trùng đi bốn hướng  
Chiêng lê thê sông Nhị

Dăng dài bãi mía bờ khoai đi  
Một khắc cờ im gió đợi  
Trai đô ùn đống ngã tư thành  
Ai từng buôn ngược bán xuôi  
Chiều hoang rừng xế gặp hùm  
Liều thân cứu mạng  
Tránh hổ vồ học được miếng lèo đuôi  
Ai xuống bể mò ngọc trai  
Tặng người yêu dấu  
Né đuôi cá mập  
Bổng nên tài dụng phép thúc sườn  
Ai lên núi chặt ngà voi tiến cống  
Giỏi khoa vắn chệch hàm răng  
Lại kìa ai thưở bé thích trèo cây  
Giỏi môn vắn cổ  
Ai vượt thác tìm vợ xưa tu chùa Yên Tử  
Tài ngậm hơi phồng bóng ếch ương  
Ai vào núi ba ngày ăn một hạt vừng khô  
Chân nhái bén ngáng khoeo mắt cựa

Lại kìa ai quen trộm gà bà thím  
Miếng nắn đùi trùng tuột các đường gân  
Lại có ai từng quen tranh nhan đoạt sắc  
Tài dùng phép “Chiết yêu điểm huyết”  
Cò bợ thảng tư mổ rút ruột voi già  
Loa càng đóng đá  
Võ nghệ mười phương  
Hồi hộp bắc đồng cân  
Đầy Tổng Dong Võ Giàng vào trước nhất  
Nhiều xanh vắt hông  
Cử vạc ba trăm cân  
Nước đầy  
Không sóng sánh  
Rồi Bá Ngạc Tiên Du  
Tư Đàng Yên Dũng  
Bóp tay vỡ toác đốt tre ngà  
Nghiêng mình thi lễ  
Mắt trầm tư ngó vọi khảo đài  
Mấy giải hồng y phơ phát phần vua bay  
Kìa Bảy Kinh khét tiếng Yên Phong  
Gạt đóng tre ngà  
Cầm tấm mía nhai ròn  
Thổi bã ngất trời bụi trắng

Đến Ba Ngư Siêu Loại  
Trề môi khinh vạc lớn  
Đứng tấn đại bàng  
Lay voi đá cửa dinh  
Nhắc bổng  
Diễu hai vòng bãi rộng  
Phong ba động biển reo hò

Gái nhà quan bố nông  
Cho giữ dịp  
Bống để rơi dùi trống  
Nín hơi nghe rần rật  
Bão liên hồi  
Trong búp lá măng tơ  
Hồi công buồng trần lệnh  
Từng đôi vào  
Sư tử vờn quanh  
Lên điệu "Bạch hầu đoạt trái"  
Sang điệu "Hồng hạc tề phi"  
Gái Tam Sơn đờ dẫn môi trầu  
Ngực yếm phập phồng bưôi ngọt  
Nhiều nho sĩ bút gài tai nghển ngó  
Lòng run nghiêng thời vận Trình Chu  
Thùng thùng trống chuyển nhịp tơ bời  
Nhiều đỏ bên trái lên  
Nhiều xanh bên phải xuống  
Nhoè bụi cuốn  
Cột đồng dựng  
Núi đá mọc  
Ngón chân cày đất ba gang  
Vật cỏ đuôi gà bật rễ  
Đất vỡ đài nhô lên lồm xuống  
Chòng chành vạn chiếc mắt thuyền  
Cờ xoay hướng chỉ lên tây bắc  
Vây tề tề gạt gió  
Xô về xem cuộc giao phong  
Đã vào trận léo tay tư  
Chùm trống rưng rã rời từng quả mồm  
Ồi thôi  
Bá Ngạc cắn môi vít gót  
Bầy Kinh nhắm mắt xuống bò  
Ba Ngư bạnh quai hàm chơi miếng hiểm  
Tổng Dong nghiêng răng ken kết  
Giật ngang mạng mỡ  
Tử sinh là lúc này đây  
Phẩm tước tay vua khua lũng lảng  
Cồng chiêng thoi thóp  
Dựng giăng chừa dứt miếng kỳ phùng  
Đốt hồng lạp hai hàng cột cháy  
Ánh lửa loáng lạng gò cật thất  
Mồ hôi người máu nển  
Rụng song song  
Rạng đông  
Người toàn thắng bước ra  
Ức vạn người xem khiếp sợ  
Cuộc tàn tảo mác cát lòng sông  
Đô nhất là ai  
Quê vùng đầu đó  
Vươn tay chạm gờ

Tóc hất sao mai  
Quỳ xuống  
Vọng về cửa khuyết  
Lạy hai lạy  
Lưng vàng rạp cỏ  
Nàng chắm thi khép mắt ngoảnh đi  
Kén được một người  
Nụ cười chéch đôi mắt lạ  
Vồn vã đến  
Thong dong thua  
Rồi lửng lơ đi  
Vua kén đủ mười hai đô ụy  
Triệu về kinh ban yến năm đêm  
Giọt rượu hồng hoen bó tử  
Nâng ngự tửu xuống án rải thây trăm họ  
Một lời khảng khái tung hô

Mai sớm kéo quân đi  
Nghìn dặm lẩn thành xa  
Khúc quân thiều còn múa lượn  
Vành tai sương cọng  
Chiều tím bật sa trường màu giun chết  
Thân mười thước đồ ngang rụng ngựa  
Phơi mỗi quạ xúm đen ngòm  
Bắp thịt đường gân ngày thí võ hôm xưa  
Thoắt đã bầy nhậy phân ngựa  
Đêm vàng Kinh Bắc  
Thuyền ngự đê sen chồm sóng rượu  
Phi tần dâng hoa ngoài Thủy tinh cung  
Lính thú  
Lá cơm nếp dâng hương ngày giỗ mẹ  
Mười lần khăn gửi nước về xuôi  
Lính thú đèo Mây  
Vươn tay chém nửa  
Xọc ngang sườn  
Gục bên khe Vân tuyền nước đọng  
Rừng khô thoảng động gót chân người  
Quẩy gạo thăm chồng đồn thú đèo Mây

Cô hàng xóm cũ ở riêng  
Lạt cánh sen buộc nem lá chuối  
cũng gửi quà xưa hội tháng giêng  
Góc tuần trăng chưa vợ mặt sông  
Đòn gánh đã theo củi giạt  
Thúng Nha Kiều nghe ghé mắt xuôi  
Cụm tóc lá sung lạt mở  
Bến về nghe sơi đập làng xanh  
Thôn cũ  
Đầu sân guốc chiếc nằm nghiêng  
Cung quặng đo thân cau  
Vại nước lưng chừng

Đuôi nắng quệt ngang cành ớt  
Lưng trâu mười tuổi ngủ đồng xa

### **Nhịp bốn**

#### **Rời cùng đi tất cả**

Những cuộc dọn nhà  
Tuần du trang sử rách

Trai đời Trần  
Các con trai đi cả  
Nợ nước xóa ơn vua  
Một đũa cắn đứt dây buồm  
Thuyền giặc đang xô bờ Hàm Tử  
Một đũa theo lối chân hươu chạy  
xục bóng thù g•y nát rừng Tuyên  
Một đũa cười cá voi quá đảo Cô Tô  
Lùng mạch sóng đoạt lương  
Nghìn học thóc  
Một đũa ngâm thơ đàn gảy Vũ Hầu  
Hổ báo cúp đuôi lè lưỡi máu  
Lê thê từng vết đến Yên Kinh  
Riêng một đũa gánh đôi bò xiêm áo  
Tìm ẩn nẻo Chí Linh  
Gặp mũi tên lạc gió  
Chết trong xó núi  
Vợ không kịp chôn chồng  
Lại lỏng thõng đôi bò chạy giạt  
Còn đũa cuối cùng mười bốn tuổi  
Gói rau xam rau má  
Ruộng nhà chấm muối  
Côn Vỡ Tòng thẳng tới miệng beo gầm  
Gái Hậu Lê  
Dây lạc tiên vắt qua tường đổ  
Đuôi cần nắng xé ngựa lưu ly  
Sợi tóc ba nghìn dặm  
Ôi giải xiêm đào ngày tuyển lựa hoàng phi  
Một nắm cơm khô rạn túi gương tàu  
dùng dấng bề đôi chiều nắng quái  
Sét đánh phía kinh kỳ  
Biến mất Vọng Tiên lâu  
Qua núi Tam Tầng nghe tiếng hát  
Cô gái điên  
Ôm xác chồng  
Lội đồng chiêm  
Đàn quạt khoang mang vết bóng trăng thừa  
Ném xuống cầu em cỡi áo chiều xưa

Hoàng phi bện dây đay chằng lụa thủng  
Từng đêm vuốt bụng  
Nổi vết bào thai  
Khóc âm y trước lúc ra đời

Đứa trẻ  
Mẹ đắp vai con mảnh chần rách  
Bụi dứa dại đầu bờ rẽ lối  
Thôi con về ở với cha  
Con về  
Giấu giếm những bàn tay  
Nâng vú  
So đũa  
Lau mắt  
Phơi dây áo thềm sân  
Bổ chặt cây sung cây khế  
Cắm mía mía không lên  
Nắng bùng lùm ớt chỉ thiên  
Ai trồng mà mọc  
Đến một ngày nhà đông khách  
Khen con ngoan  
(... con ngoan !)  
Kiến mở cờ trên mẹt đường phen  
Gác đồ mặt ngoài vườn  
Gặt non nếp dự  
Con trẻ tung tăng nhà đám  
Nấp chân cây rơm  
Dùi xe điều  
Trợn mắt  
Thổi căng tròn bong bóng lợn  
Cười nô ngoài ngõ  
Nhận chị nhận em  
Nhận thêm chú bác ông bà  
Những người đâu ta  
(...đâu xa...)  
Thoáng đã chiều hôm thảng thốt  
Lạnh so  
Em gánh gạo về dinh phú hộ  
Nứt vai thành sọ lá lan đao  
Em chở nửa sang bờ duyên phận  
Tay đóng bè chân xuôi thác ghềnh  
Tuổi đã rách vá gì cho kịp  
Da mỡ đông tuốt sọ ngang thân  
Tung toé dội gàu trắng nước giếng  
Mát lửa kẻ tóc  
Còn bủn rủn sọ ngang sọ dọc  
Vắt áo nghe thềm tiếng vải kêu  
Dòng dây vục m·i đêm hồ tinh  
Áp vú mình trần con đẻ trĩu  
Cành tre trái áo nép thân hình  
Phấn mùa trắng thoa mờ sọ tuổi  
Ai rình Em  
Ai ngó Em  
Chợt rùng mình níu đêm trần trụ  
Gai đâm xiên mười ngón ân tình

## **Đếm sao**

Mài cạnh mảnh gương mới vỡ  
Đến bao giờ tròn  
Đừng cửa tay mình câu hát ơi  
Một tiếng buồn khoan giữa nhịp  
Vì chơi với điệu lúc tàn trăng  
Ai ngờ để lòng Em muối đổ  
Đông đoài đuổi mãi sao Hôm  
Một thoáng gặt đầu  
Giữa trời gãy cánh  
Nửa mắt nhìn chên  
Giếng cạn mùa mưa  
Một ông sao sáng  
Hai ông sáng sao

.....  
Đêm chưa xong  
Em chờ  
Gặt đầu  
Câu hát theo người leo ngọn thác  
Đêm nắng  
Sơn ca chắt nắng  
Chuối trên châu trút xuống mâm vàng

Tiếng gì dưới ấy  
có phải tiếng vang  
Tìm tiếng vang mình  
Chui vào cửa hẹp  
Cửa khép  
Trách gì ai sáo trúc gây mê  
Trách gì ai cặm cùi vót tre  
Đan lòng vàng tía  
Ngỡ trời mây trăm sắc ước ao  
Chị bỏ Em đi  
Cánh nhẹ trên sông  
Chiếc lá mơ rừng  
Hát lòng ngọn gió  
Khóc đỏ chiều quê  
Nhớ về mắt Em  
Ơi thương là thương  
Động gót mưa xuân  
Cười mặt trời hè  
Ơi thương là thương  
Gà con nhớ mẹ  
Cỏ vàng rung chân  
Ơi thương là thương

## **Đếm giờ**

May cho Em tấm áo sờn non  
Làng không mở hội



Cất cho Em hương quế nước trầm  
Thắm đường má răn  
Chim vàng phải tên dưới bụng  
Giận mình bay quá cao  
Bướm ngũ sắc rã rời tay trẻ xé  
Trách mình quá lộng nắng tàn xuân  
Trốn tiếng Chị cười  
Nấp mắt Em trông  
Trèo ngọn núi Neo đá chồm tai mèo  
Mát chân rời rợi  
Đừng ví thân Em hạt gạo tám xoan  
Đừng vẽ hình Em hoa đào hoa lý  
Đừng hát tình Em sóng vỗ mưa về  
Đừng tạc mặt Em lệch mái thùy cung  
Đợi sau khi Em qua đời  
Sẽ đồng thành phượng núi  
Cây đa đường xứ  
Lớn lên ai hay  
Vẫn cơn gió cũ  
Bao nhiêu chiều vụn đá  
Mắt nắng thay mùa mở lộc non

### **Theo đuổi**

Em ơi thử đếm mấy giếng hai  
Đêm hội Lim về  
Đê quai rảo bước  
Đuổi tà lụa nhạt  
Ánh giăng đầm thắm đường sương  
Ấy bởi thương Em  
Vườn khô bỏ ngõ  
Gió vào ra bười trụi hồng thui  
Ấy bởi thương Em  
Mái nhà um cỏ  
Chim vào ra vách đứng cột ngòi  
Em về đồng chiêm đất rạn chân chim  
Em đi mưa ngâu nước ngập đôi chèo  
Hồ nghe đêm hội ới a  
Lại xót mắt Em mi trường khép bóng  
Lòng tay êm mát rừng tơ xa  
Lại xót tay Em đêm trường ru võng  
Rừng chân mây chưa động sấm quê nhà  
Chân Em dài đi không biết mỏi  
Má hồng Em lại nổi  
Đồng mùa nước lụt mộng mênh  
Lưng thon thon cảm sào Em đợi  
Đào giếng sâu rồi  
Đừng lấp vôi ngày xanh  
Lý lý ới khát khô cháy giọng  
Tình tình ới chớ động mảnh thưa  
Chìa vôi quệt gió hững hờ

Bờ ao sáo tẩm bao giờ...  
...hở Em

## **Nhịp sáu Điểm trang**

Những Hội hè Kinh Bắc

Những hội hè Kinh Bắc  
Có thi nhau giết giải pháo toàn hồng

Thi sợi bún  
Thi sợi bún  
Khi quất  
Quần năm vòng cột đình  
Không đứt  
Giã bột mười đêm  
Pháo nổ không nâng hai hàng mi mọng  
Mai về vỡ vại long châu  
Đứt quăng hoa niên  
Mai về lại dựng giường dựng chiếu  
Lúc dựng giăng  
Tóc quần cột nhà  
Con trần đen thoi thóp  
Ời đêm Đông Hồ  
Nát nhàu thân tổ nữ  
Sợi bún ngà vá lại dung nhan  
Thi ăn mía thổi cơm  
Thi ăn mía thổi cơm  
Bụng đâu chứa hết những bãi sông xanh ngắt  
Lửa đâu xém cánh tay bột nặn  
Cháy phù sa ngọt sắc Yên Viên  
Cơm vừa chín tới  
Má xuân hồng  
Lồng khói tím  
Lịm sang thu  
Bãi mía sông Cầu reo đáy bát  
Ngựa mặt húng mưa đòi cỏ ngắt  
Ngươi dần cơn sốt bỏng môi hoa  
Thi đánh đu  
Luồn tay ôm say  
Giấc bay lay đỉnh núi  
Tuột hàng khuy lợi yếm tóc buông mảnh  
Đùi chày búp dài thon nhún vội  
Bàng hoàng tia chớp liệng nghiêng xanh  
Thi hát đúm  
Chiếc pháo xì loay hoay  
Thềm gạch vỡ Bát Tràng  
Chuối pháo đùng thềm bay  
Bùng giầy đỏ liêu thân  
Lụa xé đôi tay

Bến nhức gan tằm  
Người bỏ chồng vào thi hát đúm  
Chệnh choạng lối mưa  
Nón quai thao úp bụng  
Người chồng bỏ cũng thi hát đúm  
Gót chân bùn ngổ tồi  
Tuổi lợi  
Tây đường mới sống trâu  
Trăng khuya các bờ sông  
Chạm sao mai soi hai mái đầu  
Thi dệt vải  
Lòng Em phau phau  
Tìm đâu máu sọt  
Một tấm trường giang  
Đèn rọi võ vàng  
Thoi chim khách đếm năm đi vút  
Vải gột hồ hai má gột môi hoang  
Thi thêu gấm  
Từ thuở bé biết đâu  
Chim uyên chim thúy  
Kim se dây mà rẽ thúy chia uyên  
Một mái rá vàng ám Châu Long Dương Lễ  
Ngơ ngẩn đường khâu áo lạnh Lưu Bình  
Ai luôn kim giải áo dở dang mơ  
Chàng Lưu ứa nước mắt  
Bước ra thềm hong mưa  
Hội chen Nga Hoàng  
Chen Nga Hoàng  
Len chèn nguyệt tận  
Phụt nửa đêm đèn nến lặn  
Ba hồi trống giải dầm dề  
Lim dim bao dong ba nghìn mắt Phật  
Tóc tung tình bờ xôi ruộng mật  
Quanh co toả bốn hướng đình  
Từng ngôi sao mắt người lung linh  
Ai gọi... im lìm  
Í ới... sao chìm  
Đôi đôi ú tim... tim  
Òa ập... cánh chim... e ập  
Hồn mang mê vô cùng  
Địa đàng say tới tấp  
Không giờ không  
Thăm thẳm nguyện cầu hơi em nồng  
Nhắn nha thôi  
Ồi dùi nhẹ buông tênh... tang vờ cam  
Ai nện xin thương ngằm  
Gõ hồ đôi ba tiếng cuối buồn vang âm  
Vị tay ả tay ai  
Chưa nguôi tê mê thẳm  
Chợt bừng nghìn cây nến đỏ  
Như sừng sò nghìn tội

Biết lỗi về đâu  
Cho qua cơn thịnh nộ sầu  
Cụ Tiên chỉ già tuổi tình cạn kiệt  
Tóc héo bưng đầu  
Lùi lũi tiếc thời xa  
Khua gậy cùn rập mấy thời sau  
Tơ xanh ngày ngày đem sông Cầu  
Em anh giờ lẫn trốn bụi bờ đâu  
Thì trói cả đôi  
Xin trói cả đời  
Cột lim ư gãy rồi  
Giường nhung ư sóng đôi  
Sân đình  
Lại Thị Mầu í a tung tình  
Rung rinh  
Chờ

Hội Gióng  
Mùng Tám tháng Tư  
Không về hội Gióng  
cũng hư mất đời  
(Ca dao)  
Trăm đôi gái trai anh tú  
Ngựa lồng bãi rộng  
Gươm thần phun lửa đốt môi  
Chú bé lên ba là tướng võ nhà Giời  
Ai ngờ đã bốn nghìn năm manh mối  
Xuân đến lựa the  
Cầm gậy tre đi se duyên cô Tấm ông Hoàng  
Vót Trương Chi về gắm đỏ lầu Tây  
Hội Long Khám  
Hội Long Khám đêm sao chi chít  
Bồ đề mở lá thả ni cô  
Thiện nam vin khói đi quanh chùa  
Mơ Từ Thức  
Gặp ngay quan huyện khác

Mẫu đơn một nhánh rơi  
Ngọc lan mười búp chấp  
Nền tắt sao không tắt  
Giải Ngân hà giải chiếu nâng hoa  
Hội vẫn rồi quan huyện về nhà  
Quan-huyện-khác lại làm Từ Thức  
Ni cô ơi  
Hội Vân Hà  
Lợn ba trăm cân  
Kênh xuân lún ngõ  
Khói bếp lún phun mưa  
Mép chàng trai lún phún đương thì  
Tết Vân Hà làng mở hội thi  
Núc ních từng đôi chạt đường nghẽn lối

Cổ ba tầng  
Giò lụa nổi  
Giò mỡ chìm  
Nem bói rối  
Lá sung bay rụng đầy nong  
Vại bồng ngất ngư cười cái mả  
Bát bồng lim dim  
Tìm mắt gái muện chồng  
Sân một sào xôn xao  
Sồi lụa thường  
Mười lợn thi đi chặt cổng đình cong  
Đêm phượng chèo trống giục  
Vùi lấp nòi niêu  
Hồi tiếu cùng eng éc  
Khúc giáo đầu bi tráng lợn nhà kêu  
Ba ngày tiếng dao phay liếc nhanh thành vại  
Ba đêm chim lợn toác sượng gieo  
Chai đại lãn kênh giữa chiếu  
Chai bổ chéo khoeo  
Vật vờ góc ban thờ  
Chai con gậm giường rứt cổ  
Tuý lúy mềm soãi tóc khóc ngu ngơ  
Hội tàn men  
quần quanh nghiêng ngửa  
Giật yếm đào túm vội đôi bầu  
Bồng đóp chát mắt đom đóm nổ  
Mật mù hơi rượu miếu cô Mau.

Hội đền tám Vua triều Lý  
Hội đền tám-Vua-triều-Lý  
Còn đau thớ gỗ phượng rỗng  
Chen chúc khoảng trời thương nhớ  
Tạnh thời gian  
Tám tượng ngồi mê tà khói mỏng  
Đề thạch sùng vào bụng rỗng  
Chép miệng vàng son ngút khói tan  
Đôi lính Chiêm Thành canh cửa Việt  
Quê hương quê hương xa không về  
Tù binh gửi máu vào tay chạm  
Đứng cửa còn trông thấy đất Chàm  
Bát đế ngoái nhìn trang sử ó  
Nghìn năm sao chẳng tuyệt nòi tham  
Giá như té lễ uy linh thế  
Được tái sinh nhiều đáng minh quân  
Hắn Công Uẩn đã tâu Thượng đế  
Treo trống hồn vua lắng tiếng dân  
Hỡi ơi Chiêu Thánh sao không nói  
Người ta lo dựng nghiệp lâu dài  
Ai lo việc cưới chồng công chúa mỗ côi  
Ví như không có Trần Thủ Độ  
Mắt đại Vua Bà biết chọn ai

Quân cờ chí chát đêm Kinh Bắc  
Mấy ngón tay tính nước vào ra  
Vân về nhẩn nhụi cạnh ngà  
Tròn lăn cung cấm trẻ con chơi

## **Nhịp bầy Rời lại đi**

Bước sấp qua cầu nghẹn tiếng

Luân hồi  
Con đây ư  
Con đã về Kinh Bắc  
Những cỏ Bồng Thi  
Vớ để đầu si  
Những lá Diêu Bông  
Vớ đôi xe hồng  
Luân lưu thụ thai qua chín đời  
Đằng đẳng  
Đến khi con lọt lòng  
Cây đu đủ sau nhà vừa bắm ngọn  
Đội mũ niêu đen  
Đi trong đêm mưa dầm  
Mẹ đau trở dạ  
Sinh con ra  
Tiếng tù và xé canh ba  
Báo hiệu cơn giông nín lặng  
Trống liên hồi ra đi  
Ngăn trận bão bao la  
Trong giọt lệ cuối hàng mi  
Con đây ư  
Mười ngày không khóc  
Mười thày lang dờ dẫm  
Ven giường ẩm ướt  
Mười đêm  
Tiếng trống chèo vượt ngực Châu Long  
Bước "sấp qua cầu" nghẹn tiếng  
Đội mùa  
Mùa chưa về  
Tu hú gọi Em đi tìm Mẹ  
Dãy tre xa giấu biệt giải khăn điều  
Khi gậy nắng kẻ ăn mày đã quăng sau núi  
Hàng tre nhà yếm  
Trả mẹ về  
Lều dột mưa đêm  
Thì Chị đi mấy lối chân chim  
Để Mẹ về bao phương bè nổi  
Riêng Em nằm chờ đợi mai tu hú gọi  
Như không có Mẹ từ năm biết gọi gà  
Chiêm chiêm xó nhà mưa mọt  
Xanh gì chớm tóc lên ba

Khi cộc cầu ao dứ mắt chuồn chuồn  
Buồn ngủ rã rời cánh mỏng  
Em đi mãi những đường làng ngo ngoắt  
Nhặt lá đa đan mũ Chiêu Quân  
Hát vắn vợ lời sắm chợ  
Gậy mù người hơi đường lạ  
Bóng cây rợp mát lưng gù  
Chiều lá dứa tím mù chong chóng  
Gió mát này Mẹ quạt  
Từ chênh chéch nẻo tàn trăng  
Có cô lảng giềng trái đào vắt vẻo  
Hỏi đặng ấy đi đâu  
Em lên núi xa hái cỏ thiên đồng  
Cài tóc Chị sênh tiền gõ nhịp  
Đánh bông trên mái đình cong  
Em bước vào đình  
Ôm cột mấy người ôm  
Em rẽ sang chùa  
Lay chân hộ pháp  
Sau chùa tát đê một chạp  
Gầu giai ai vớt Chị ơi  
Loà loà thân trắng  
Chị lữ xe hồng  
Mẹ đi lấy chồng  
Cổ cưới chênh vênh khoai luộc  
Mật vàng mọng rách vỏ nâu non  
Cắm bốn que tằm  
Khênh nhị hỉ đẩy lưng lợn béo  
Phản Mẹ khúc đuô

### 1- Lá

Có nét buồn khôi nguyên  
Chìm sâu vào đặng đặng  
Có tiếng ca ưu phiền  
Chìm sâu vào lắng lặng  
Và dai dẳng em ơi  
Là cơn say khát lá  
Cứ thon mềm xanh lả  
Trong men quê bồi hồi

### 2- Ngõ

Sao không thể khép cửa buồng thương nhớ  
Còn phong phan manh áo  
Dắt về những ngõ làng xưa  
Sao không quên chiều đổ mưa  
Con rô rạch ngược  
Nướng cong mùa thơ  
Cơm nghèo thuở trước  
A bê ghé ơi

Mưa Thuận Thành  
Nhớ mưa Thuận Thành  
Long lanh mắt ướt  
Là mưa ái phi  
Tơ tầm óng chuốt  
Ngón tay trắng nuột  
Nâng bông Thiên Thai  
Mưa chạm ngõ ngoài  
Chùm cau tóc xoã  
Miệng cười kẽ lá  
Mưa nhòa gương soi  
Phủ Chúa mưa lời  
Cung Vua mưa chơi  
Lên ngôi hoàng hậu  
Cứ mưa Thuận Thành  
Hạt mưa chưa đậu  
Vai trần ý Lan  
Mưa còn khép nép  
Nhẹ rung tơ đàn  
Lách qua cửa hẹp  
Mưa càng chứa chan  
Ngoài bến Luy Lâu  
Tóc mưa nghiêng đầu  
Vành khăn lỏng lẻo  
Hạt mưa chèo bèo  
Nhặt nắng xiên khoai  
Hạt mưa hoa nhài  
Tàn đêm kỹ nữ  
Hạt mưa sành sứ  
Vỡ gạch Bát Tràng  
Hai mảnh đĩa mang  
Chiều khô lá ngải  
Mưa gái thương chồng  
Ướt đầm nắng quái  
Sang đò cạn sông  
Mưa chuông chùa lặn  
Về bến trai tơ  
Chùa Dâu ni cô  
Sao còn thẫn thờ  
Sao còn ngơ ngẩn  
Không về kinh đô  
Ơi đêm đợi chờ  
Mưa ngồi cổng vắng  
Mưa nằm lắng lặng  
Hỏi gì xin thưa  
Nhớ lụa mưa lùa  
Sồi non yếm tơ  
.....  
Thuận Thành đang mưa...  
.....



## **Nhịp cuối** **Về với ta**

Ngủ say rồi đôi cá đồng đong

### **Về với ta**

Ta con bê vàng lạc dáng chiều xanh  
Đi mãi tìm sim chẳng chín  
Ta lên đồi thông nằm miếu Hai Cô  
Gặm cỏ mưa phùn  
Dóng dả gọi về đồng sương  
Đôi ba người lặn đạ  
Đêm nay mẹ chẳng về chuồng  
Ta con chào mào khát nước  
Về vườn xưa hạt nhãn đã đơm mầm  
Cây ổi giờ xương  
Chống đỡ mùa đông xập về  
Đánh úp  
Ô này tám đở ra hoa  
Ta con chim cu  
Về gù dặng tre  
Đưa nắng ấu thơ  
Về sân đất trắng  
Đưa mây lành những phương trời lạ  
Về tụ nóc cây rơm  
Ta ru em  
Lớn lên em đừng tìm mẹ  
Phía cơn mưa

Ta con phù du ao trời chật chội  
Đứng cánh bèo đo gió lặng tìm sao  
Uống nước mắt con vành khuyên nhớ tổ  
Vừa rụng chiều nay  
Dành mặt nước hương sen  
Ta soi  
Chỉ còn ta đập lụi tinh tú  
Ngủ say rồi  
Đôi cá đồng đong

### **Xong cuộc tuần du**

Tuần du chưa vội khỏi ân tình

### **Vĩ thanh**

Thai nghén quê xưa  
Về kinh bắc lọt lòng  
Qua tám nhịp tuần du dạ khúc

## Rượu mơ

Phơi gánh mơ thơ tháng ba  
tãi mái bằng sang hè bông rât  
đi bớt hơi một nắng nhẹ quất  
những kiếp mơ xanh đậm óng vàng  
rời đồ đầy dăm hũ rượu Vân Ngang  
mệnh sành xám đất nung từ hồn mang Bàn Cổ  
Hạ thổ  
đến cuối đông  
anh nhấp từng ngụm nắng Chùa Hương  
ngát mùi hạnh nhân tiền sử  
và anh khóc những con thoi mơ cùng đường  
lăn lóc vòng quay nghiệt ngã  
chỉ gây được những phi lý cơn say rời rã

Khi xuân tận  
Rượu chất ngược hũ sành  
Mơ vàng xanh căng tròn nổi nhật đắng chất ngát  
chuyển kiếp sang nắm mồ xe rác chặt  
Mơ rượu một năm ngơ ngác chuyển cuối cùng ra đi  
nghìn vạn xác con thoi li bì  
những thân mơ  
mơ ngày tươi xanh thì chát chua  
chìm trong men đắng hũ sành  
nhìn lại óng hơn thời niên thiếu.

1999

\*\*\*

## Phụ đính II :

### Tâm sự đôi tất niên Hoàng Cầm – Dương Tường

*(bài đã đăng trên báo Đoàn Kết số tháng 2.1985,  
bản mới đăng ở đây đã được tác giả sửa chữa và bổ sung)*

#### Một kỉ niệm với Hoàng Cầm

Cuối 1988- đầu 1989, Hoàng Cầm và tôi có một chuyến Nam du đầy ý nghĩa đối với cả hai chúng tôi, nhất là với Hoàng Cầm. Trong hơn nửa thế kỉ bạn bầu với nhau, chúng tôi đã cùng chia sẻ biết bao buồn vui, hoạn nạn, nhưng đây có lẽ là kỉ niệm sâu đậm nhất giữa hai chúng tôi. Chuyến đi, kéo dài hơn hai tháng, có một ý nghĩa đặc biệt với hai chúng tôi, nhất là với Hoàng Cầm. Bởi vì nó diễn ra vào những ngày đầu đổi mới, ngay sau khi TBT Đảng CSVN Nguyễn Văn Linh tuyên bố “cởi trói” cho văn nghệ. Hơn ba mươi năm bị cấm xuất bản, cách biệt hoàn toàn với công chúng, giờ trở lại trong sự yêu mến chân thành của những người hâm mộ (vốn cũng bị ức chế bao lâu không được bộc lộ công khai, hồn nhiên tình cảm ấy). Hoàng Cầm cảm thấy một cú sốc lớn êm ái, hay như anh tâm sự với tôi, “một cuộc hồi sinh.” Trong hơn hai tháng đó, chúng tôi đã

gặp gỡ nhiều nhân vật kì thú, gặp lại bạn bè cũ, làm quen với nhiều bạn mới tuyệt vời, đã tổ chức được 3 đêm thơ Hoàng Cầm tại Thành phố Hồ Chí Minh và Tiền Giang (Mỹ Tho cũ) – 2 ở Tp Hồ Chí Minh và 1 ở Tiền Giang – trước hàng nghìn khán giả cuồng nhiệt, điều mà trước nay anh chưa từng thấy. Đặc biệt, đêm thơ ở Tiền Giang đến một cách hoàn toàn ngẫu hứng, không định trước. Nhà báo Hà Giang (tên thật Nguyễn Đình Soạn), thư kí tòa soạn báo Ấp Bắc, chỉ định đón chúng tôi xuống thăm, nhưng rồi trên bàn trà, từ ý kiến khởi xướng của anh Quý, một thầy giáo yêu văn chương nghệ thuật, mọi sự được quyết định trong không đầy nửa tiếng đồng hồ. Thành thử đêm Hoàng Cầm ở Tiền Giang lại đi trước đêm Hoàng Cầm ở Nhà Văn hóa Thanh niên Thành phố Hồ Chí Minh đã được lên kế hoạch từ trước! Dễ hiểu là Hoàng Cầm đã thốt lên: “*Lúc này, tôi là người sung sướng nhất thế giới!*” Và thổ lộ cùng tôi: “*Giá lúc giờ gọi về cõi, mình được ra đi trong trạng thái này!*” (Tôi không chắc sáng ngày mùng 6 tháng 5, anh có ra đi trong trạng thái ấy?). Không hiểu do một xui khiến định mệnh nào mà ngay từ khi viết những trang thơ đầu, chàng thiêu niên Bùi Tăng Việt đã chọn cho mình cái tên của một vị thuốc đắng làm bút danh. Cho nên những ngày ngọt ngào tôi vừa nhắc ở trên là điều cực hiếm trong cuộc đời đầy cay đắng của anh.

Kết thúc chuyến đi này, cuối một buổi tiệc tiễn do báo *Tuổi Trẻ* mời, hai chúng tôi đã viết chung một bài lấy tên là TÂM SỰ ĐÔI TẮT NIÊN. Nó gần như một thứ tổng kết chuyến đi. Tôi vừa tìm lại được...

### **Dương Tường**

Dương Tường: Thấy không, Hoàng Cầm, đường phố Sài Gòn đã xuất hiện nhiều dưa hấu, dấu hiệu sắp Tết, có nghĩa là Hà Nội chắc cũng đang chuẩn bị cho chợ hoa truyền thống ở Hàng Lược. Đã đến lúc chúng mình kết thúc chuyến đi này. Ông có nhớ cái rét giáp Tết Hà Nội?

Hoàng Cầm: Ờ, cái rét Hà Nội... tất nhiên là nhớ rồi. Nhưng có lẽ khi nào về Bắc, lại nhớ cái nồng ấm phương Nam – không phải chỉ cái nồng ấm của thời tiết, mà còn là cái nồng ấm của tình cảm nữa. Phải, chuyến đi này đối với mình là một vụ gặt bội thu về tình cảm – tình cảm bạn bè, cả bạn cũ lẫn bạn mới, và tình cảm công chúng. Và trong cái nồng ấm ấy, hơn hai tháng trời vèo qua như một giấc mơ đẹp. Mình đã chẳng có lần nói với Dương Tường – hình như bữa ấy có cả một số bạn bè khác – rằng: “*Lúc này, mình là người sung sướng nhất thế gian*” đó sao?

DT: Tôi chia sẻ với ông niềm sung sướng ấy. Dĩ nhiên, hạnh phúc này không bắt nguồn từ một chút vinh quang phù du. Ông đã dẫn Maïakovski khi trả lời tạp chí *Sông Hương*: “*Tranh nhau danh giá làm gì!*” Giờ lại phải nhắc lại... Chúng mình, hai thằng thơ, đi nhẹ về nặng – hành trang tâm linh. Ông tự cảm thấy những vĩa quặng thơ của ông dưới tầng sâu ra sao?

HC: Trữ lượng chưa vơi, có lẽ còn đủ để khai thác cho đến hết đời. Chuyến đi này cũng kể như một đợt nạp nhiên liệu mới. Nhiên liệu ấy là những cuộc gặp gỡ khó quên với bạn bè, với những nhân vật kỳ thú như anh Năm Phước, con người thao lược, chú Hạc, chủ tịch Tân Long, Cồn Rồng..., với công chúng Mỹ Tho – Tiền Giang và Thành phố Hồ Chí Minh. Cảm xúc ăm ắp, chộn rộn, chưa kịp lắng xuống. Nếu sau đây không làm được cái gì thì chỉ nên tự trách mình mà thôi.

DT: Chúng mình ban đầu dự định đi từng chặng lần lần ghé Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang rồi Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ bản đã làm đảo lộn kế hoạch. . Vậy là ngoài Thành phố Hồ Chí Minh, mình chỉ có dịp thăm Mỹ Tho (Tiền Giang) và Vũng Tàu.

HC: Dù sao đi nữa, mình cũng rất thỏa mãn. Còn hơn cả thỏa mãn nữa. Mình có cảm giác đây là một cái gì giống như sự hồi sinh. Đêm thơ đầu tiên ở Mỹ Tho đối với mình là một bất ngờ thú vị. Mọi sự được quyết định trong dăm mười phút, từ ý kiến khởi xướng của anh Quý, Trần Bửu, Hà Giang. Sau đó, trở về Thành phố Hồ Chí Minh, cái đêm ở Nhà Văn hoá Thanh niên, ngay trước khi khai mạc khoảng nửa tiếng...

DT: ... ông bị một cơn sốc do quá xúc động và tôi đã lo ông bị ngất xỉu, làm lỡ đêm thơ. Ông có nhớ những người yêu mến ông đã đỡ ông vào nơi kín gió và chạy đi tìm thuốc và dầu xoa. May sao ông hồi lại khá mau...

HC: Ờ, hơn ba mươi năm không ra mắt một đám cử tọa đông, mình bị *déshabitué* (mất thói quen). Vả chẳng chính ông cũng nói mình là *hypersensible* (siêu nhạy cảm) mà. Có lúc mình nghĩ giá khi nào rời khỏi thế giới này, mình cũng ở trong trạng thái như vậy!

DT: Khoan nói chuyện ấy vội. Cuộc đời đến như thế nào, ta hãy đón nhận nó như vậy. Một anh bạn nhạc sĩ trẻ Hồng Đức phổ nhạc bài thơ mới *Anh đừng đây là...* của ông gần như đồng thời với người bạn cũ Hoàng Hiệp của chúng ta, một chị Tâm Vấn từng đóng vai Sơn Nữ trong vở kịch thơ *Hận Nam Quan* cách đây 38 năm, giờ mới gặp tác giả, một cô gái từ xa về mang theo thư và ảnh của Kiều Loan đến cho ông trúng vào kỷ niệm sinh nhật của cháu..., hãy coi đó là những quà duyên của từng ngày. Hãy nhận và tạ lại bằng những gì ta có thể làm bằng phương tiện riêng của ta.

HC: Và cảm ơn cuộc đời, cảm ơn xu thế đổi mới đang có đà trên đất nước ta. Mình quên chưa kể với Dương Tường là hôm vừa rồi, mình trở lại Mỹ Tho chơi với anh Năm Phước vừa đi họp Quốc Hội ngoài Hà Nội về. Con người ấy, với cơ sở chăn nuôi hiện đại và xí nghiệp đông lạnh, mỗi năm đem lại cho Nhà nước không dưới bốn triệu đồng.

Thật tình, mình bây giờ như cái cây qua mùa đông, lại bắt đầu dăng nhựa.

DT: Vậy đó, tác giả *Bên kia sông Đuống* giờ lại *Cười mê ánh sáng muôn lòng xuân xanh*.

Có lẽ ông nên gửi lời tạm biệt công chúng Thành phố Hồ Chí Minh bằng những câu thơ mới nhất của ông trên mặt báo *Tuổi Trẻ*, tờ báo mà chúng ta yêu.

HC: Đồng ý. Đọc để Tường và các bạn cho mình thêm dương tính nhé.

*Nhánh mai vàng đón cửa  
Cổ Tết Tuổi Trẻ mời  
Diệu kỳ đi kể tóc  
Nao nao tình bén hơi  
Mắt trẻ nhìn em mãi  
Tóc thẹn trắng mây êm  
Hòn xanh thành phố cưới  
Vào tranh nếp đáng hiền  
Em cứ mười hai tuổi  
Cây – Lá – Quả lành duyên...  
(Thành phố Hồ Chí Minh  
những ngày giáp Tết Kỷ Ty)*

## Về với ta của Hoàng Cầm Hoàng Hưng

Có một bài thơ trong *Về Kinh Bắc*, không nổi tiếng với công chúng rộng, nhưng được đánh giá cao trong giới bạn thơ của tác giả và cũng là một trong những bài tâm đắc nhất của ông. Tôi nghĩ bài này chứa đựng những gì là Hoàng Cầm nhất trong giai đoạn tác giả trở về *Kinh Bắc* của hoài niệm bằng con đường mộng-thơ, cuối thập kỷ 1950.

*Ta con bê vàng lạc dáng chiều xanh  
đi mãi tìm sim chẳng chín.  
Ta lên đồi thông nằm miếu Hai Cô*

gặm cỏ mưa phùn  
Dóng dả gọi về đồng sương  
Đôi ba người lặn đận  
Đêm nay mẹ chẳng về chuồng  
Ta con chào mào khát nước  
về vườn xưa hạt nhãn đã đâm mầm  
Cây ổi giơ xương  
chống đỡ mùa đông sập về đánh úp  
Ô này tám đở ra hoa  
Ta con chim cu về gù rặng tre  
đưa nắng ấu thơ về sân đất trắng  
đưa mây lành những phương trời lạ  
về tụ nóc cây rơm  
Ta ru em  
lớn lên em đừng tìm mẹ phía cơn mưa  
Ta con phù du ao trời chật chội  
đứng cánh bèo đo gió lặng tìm sao  
Uống nước mắt con vành khuyên nhớ tổ  
vừa rụng chiều nay  
dềnh mặt nước hương sen  
Ta soi  
chỉ còn ta đập lùì tinh tú  
Ngủ say rồi đôi cá đồng đong

Bài thơ kết thúc *Về Kinh Bắc*. Bài thơ làm nên tất cả Nhịp cuối trong cuộc “tuần du” tám nhịp.

Đi qua 7 nhịp, từ những đêm *Kim mộc thủy hỏa thổ*, qua những trang *kiếp trước, giữ bụi gia phả, qua những hội hè Kinh Bắc*... cuối cùng nhà thơ lại *Về với ta*.

*Về với ta* là về với những tiền kiếp chẳng? Kiếp con bê vàng, con chào mào, con chim cu, con phù du. Đều là những con vật bé bỏng, yếu đuối của làng quê Bắc Bộ.

Mở đầu, ta gặp lại chủ âm bơ vơ, vô vọng của kẻ đi tìm nhưng không bao giờ gặp cái mình tìm, chủ âm day dưa qua nhiều bài “chị - em” (*lá diêu bông tưởng rằng tìm thấy thì chị bảo không phải, xin chị một quả (ổi) chín thì quả chín quá tầm tay, xin chị một quả xanh thì quả xanh chim khoét thủng...*). Bây giờ là *con bê vàng đi mãi tìm sim chẳng chín...* Con bê đi lạc, con bê đi tìm vô vọng, rồi đành nằm xuống *gặm cỏ mưa phùn* (ai từng sống ở miền Bắc mới thấm thía cái lạnh triền miên tê tái thấu xương của *mưa phùn* tiết đông xuân), cuối cùng cất tiếng gọi mẹ một cách tuyệt vọng, gọi mà biết sẽ chẳng có lời đáp vì mẹ cũng đã lạc bước đâu đó mất rồi: “*Đêm nay mẹ chẳng về chuồng*”. Nỗi ám ảnh thiếu mẹ, lạc mẹ, mất mẹ là chủ cảm của khổ thơ đầu, lắng đi qua hai khổ thơ tiếp, lại trở lên trong mấy câu thơ như ở đầu rơi vào giữa chừng bài thơ:

*Ta ru em  
Lớn lên em đừng tìm mẹ  
Phía cơn mưa*

Cho đến bây giờ, sự bí ẩn của khổ thơ này vẫn còn nguyên. Không ai giải thích được tại sao *em* lại đi *tìm mẹ phía cơn mưa*. Không giải thích được, chỉ biết câu thơ làm ta nao hết cả lòng, ta lập tức hình dung một buổi chiều trên cánh đồng mênh mông, cả một phía trời cơn mưa đen ngòm, có một “con bê” hay một “thằng bé, con bé” lủi thủi đi tìm mẹ, mà không biết tìm đâu!

Tất cả chúng ta, ai mà chẳng có một “con bê”, một “đứa bé” như thế ở sâu thẳm trong lòng. Thơ Hoàng Cầm giai đoạn này thường vẽ ra, gọi ra những bơ vơ tội nghiệp như thế.

Rồi những liên tưởng không thể không phát động. Có phải một thời người ta cứ đi tìm cái thứ *lá diêu bông* (phiêu diêu, bông lông) nào đó mà không ai biết rõ không bao giờ thấy; người ta làm lạc, cứ nhắm *phía cơn mưa* mà đi *tim mẹ*? Và nhà thơ, với kinh nghiệm cay đắng của đời mình, phải thốt lời nhắn nhủ: “*Lớn lên em đừng tìm mẹ phía cơn mưa*”. Nhấn *em* nhưng hình như đúng hơn là tự nhủ mình, tự nhủ mình phải *lớn lên* nhanh khỏi cái thời *bê vàng* ngỡ ngàng... Lời nhắn là một lời tổng kết nhân sinh.

Ở bài này ta cũng gặp lại những thi ảnh đẹp và lạ như từng thấy ở khúc nhập (nhịp Một) của một quê hương khắc nghiệt mà vẫn hiền hòa, mơ mộng, đầy màu sắc cổ tích:

*Cây ổi giờ xương*  
*Chống đỡ mùa đông xập vẹo*  
*Đánh úp*  
*Ô này tám đở ra hoa*

*Ta con chim cu*  
*Về gù dựng tre*  
*Đưa nắng ấu thơ*  
*Về sân đất trắng*  
*Đưa mây lành những phương trời lạ*  
*Về tụ nóc cây rơm*

Rồi, như để bộc lộ sự đa dạng của con người tác giả, *ta* lại hóa mình trong *con phù du* (xin thưa ngay rằng ở đây có sự lầm lẫn về tên gọi, có thể có gốc từ vùng quê tác giả: *con phù du* mà tác giả nói đến chính là *con nhện nước*. Điều này người viết đã hỏi kỹ tác giả và được ông minh định).

*Ta con phù du ao trời chật chội*  
*Đứng cánh bèo đo gió lặng tìm sao*  
*Uống nước mắt con vành khuyên nhớ tổ*  
*Vừa rụng chiều nay*  
*Dềnh mặt nước hương sen*  
*Ta soi*  
*Chỉ còn ta đập lụi tinh tú.*

Chú nhện nước bé bỏng mong manh bỗng hiên ngang một thế đứng giữa trời, một khát vọng tầm vũ trụ, đồng thời cúi xuống những giọt nước mắt. Câu thơ bi – hùng một cách tội nghiệp. Để... cuối cùng... thôi lại buông xuôi, chìm theo vào giấc ngủ lơ đãng của *đôi cá đòng đòng!*

*Ngủ say rồi đôi cá đòng đòng.*

Nhạc điệu bài thơ Hoàng Cầm một cách điển hình. Dặt dìu, đón đưa, dan díu, buông bắt. Có thể nhận ra tất cả hồn quan họ ngân nga trong ấy. Hoàn hảo về tiết tấu và sự hòa hợp các âm chữ trong thể thơ tự do không vần. Tôi hình dung một hình thức âm nhạc lấy những bài thơ Hoàng Cầm như bài này làm bè chủ phối với khí nhạc chứ không phổ nhạc, đó mới gọi là “Hoàng Cầm ca”.

Sức quyến, dụ của nhạc thơ hòa với sự mờ mờ tỏ tỏ, đôi khi bí ẩn của ý thơ, nhất là của một số thi ảnh gần như biểu tượng, đã tạo nên sự ám ảnh, kêu gọi của những bài thơ thành công nhất trong *Về Kinh Bắc* (như bài này; chùm 5 đềm ngũ hành; chùm *Cây, Lá, Quả, Cỏ...*). Ở những bài này, ta có một Hoàng Cầm của thi pháp “tượng trưng” thời mới, tôi tạm đặt tên nó là “tân tượng trưng”.

## Hoàng Cầm, người mơ truyền kiếp Vi Thùy Linh

Người tài hoa, đa tài ấy đã lia chúng ta rồi, tôi còn thấy dáng ông ngậy ngất chênh vênh ngang qua Nhà thờ Lớn. Ông vẫn nhiều vẫn vương trần thế và đôi mắt tuổi 89 đang mở khao khát những mùa yêu. Hoàng Cầm chưa bao giờ ngừng yêu. Với ông, yêu là sống. Từ yêu, ông sống để thơ, để kiếm tìm. Tất cả tự nhiên, thôi thúc thành tình yêu thi ca. Tình yêu chính là thi ca.

Yêu và mơ đồng hành. Ông mơ cuộc tình đắm say, nồng nàn trong vô thức, khi đang thức chứ không cần qua giấc ngủ. Có gì lạ đâu, khi chú bé 8 tuổi sống gần thị xã Bắc Giang đã yêu : “ Em gửi chị Vinh của em ”, gửi tình yêu chứ không thể gửi lá diêu bông mà có được chị hàng xóm xinh đẹp, hát quan họ hay. Mặc cảm là em không được phép, những thức tình giới tính thúc đẩy giấc mơ tới diễn tiến đám cưới, đã có ở Bùi Tăng Việt 1930. Yêu là phải được hoà quyện thể xác, đâu phải chỉ chiêm ngắm mà mơ tưởng.



Xã hội cổ truyền đẽ nặng, chỉ có giấc mơ đám cưới mới thoả mãn, chiếm hữu được nhau. Sẽ không bao giờ có, như lá diêu bông đâu tồn tại trên đời. Bấy thế kỉ trước Hoàng Cầm, Dante (1265-1321) cũng yêu từ năm lên tám, khi gặp Béatrice trong vũ hội hoá trang và sau này thành thi sĩ mở đầu thời đại Phục hưng. Còn Hoàng Cầm là ông hoàng thơ tình Việt Nam thế kỉ 20. Và với tôi, ông là người mơ nguyên uỷ. Lúc nào cũng mơ và yêu.

Những giấc mơ bé nhỏ, gần gũi, lộng lẫy, vĩ đại nhất cũng là giấc mơ tình yêu, cả trong cô độc, tuyệt vọng. Sinh ra từ người mẹ nhan sắc, giọng hát hay, cô gái làng Bựu, cùng làng với bà Trần Thị Tần, mẹ Nguyễn Du, làn điệu quan họ, bao giai nhân, đàn lúng liếng, tình tứ, đào hoa trong mạch hồn Hoàng Cầm, để mãi ngân lên tình yêu chan chứa. Kinh Bắc nên thơ hẳn tâm tưởng. Người mơ tình tự giấc mơ đồng hiện quê hương.

Chỉ tình yêu lớn, yêu bằng mỗi hồng cầu để nâng niu từng chi tiết, từng hình ảnh, từng cử chỉ nhỏ của cảnh quê, người quê, mới có thể viết về Kinh Bắc hào hoa, quyến rũ đến thế. Kinh Bắc là một miền tình. Hoàng Cầm khi 16 tuổi, bắt đầu là một chàng trai, về chốn Hà thành. Và vẫn mãi là chàng trai Kinh Bắc cả khi nằm lại với Hà thành. Chỉ với thơ Hoàng Cầm, vùng quan họ ấy thành Kinh-Bắc-đang-yêu, hiện lên đáng yêu và được nhớ hơn.

Ông đã dựng không khí hội hè bằng tràn ngập hình ảnh âm thanh giao duyên. “ Về quê hương,

về tình yêu, về những nỗi buồn, niềm cô đơn, nỗi xa cách, nỗi biệt ly cứ tầng tầng lớp lớp úp xuống hồn tôi như một đại dương trập trùng sóng gió, miên man một màu huyền-diệu-dĩ-vãng rồi xẻ ngang, vạch chéo, vút cao, xoáy sâu không biết bao nhiêu những nét rung động, có khi vỡ vàng, gày mảnh, có khi tươi tắn, ngỗ ngàng, lúc như ai oán, lúc như mơ mộng, nhưng vui ít, buồn nhiều, cái đau của những thuyền tình không đến bến, những con mắt mỹ nhân đã khép, những tiếng hát người yêu đã tắt, những làn da mịn màng...

Tất cả... Tất cả... tôi bơi, chìm trong tất cả da thịt quê hương, hồn phách quê hương". PGS TS Nguyễn Đăng Điệp (Phó Viện trưởng Viện văn học) nhận định: " Trong thơ viết thế kỉ 20, chưa một ai sánh được Hoàng Cầm khi viết về Kinh Bắc. Ông dệt thơ từ những giấc mơ siêu thực ". Tất cả những truyền thống văn hóa dân gian hội hè đình đám được chạy trong lễ hội yêu của nhiều giấc mơ như bộ phim nhiều cuốn không có kết. Thơ Hoàng Cầm dày đặc những ẩn ức, ham muốn, khiến các thi ảnh đầy tính ẩn dụ mang đậm màu sắc tính dục mãnh liệt. " Thi ăn mía thối cơm ", nóng bỏng thế này: " Bãi mía sông Cầu reo đày bát / Ngựa mặt hứng mưa đòi cỏ ngát / Ngươi dần cơn sốt bỏng môi hoa ".



Cả một văn minh sông Hồng cuộn chảy qua Kinh Bắc, qua dòng sông tình ái. Thơ Hoàng Cầm ngôn ngôn hình ảnh, màu sắc mà Kinh Bắc là điểm quay về, cũng là đích đến, thành biểu tượng, bối cảnh của những cuộc yêu miên viễn thăng hoa. Hoàng Cầm không có đổi mới đặc biệt về ngôn ngữ, song đã làm cho ngôn ngữ sống động qua sự liên tiếp của thi ảnh siêu thực viết bằng cảm giác. Lúc Thơ Mới đang rộ, Hoàng Cầm đã chọn viết kịch thơ. Ngay từ đầu, Hoàng Cầm đã có bản lĩnh để dám đi riêng, dám tách khỏi tâm lý bầy đàn bằng Hận Nam Quan, Kiều Loan, Trương Chi.

Đến với văn chương từ con đường sân khấu. Về Kinh Bắc (1960) được Hoàng Cầm coi là " Tập thơ cốt tuỷ ". Hội hè giải toả cấm kị, ức chế, những gì hằng khắc khoải được thoả mãn, dù chỉ là, trong thơ, Hoàng Cầm cho mình và những người đàn bà của mình được phép làm tất cả. Bùng vỡ, cần tràn, nổ tung vì tình ái.

" Em không buộc thắt lưng thon nữa / Thả búp tròn... căng... nuốt... ấy... ơi / Nguồn sống tuôn thơm nhựa ứa đầy / Đã phanh yếm mỏng thì quảng hết / Những nét xiêm hờ giả bộ ngây " (Hội yếm bay).

Nhà thơ Hoàng Cầm và con gái Kiều Loan năm 1997 bên bờ sông Đuống (ảnh Nguyễn Đình Toán) xem attach 1 2. Hiện ra dáng Hoàng Cầm chênh vênh phố vỉa hè chật chội. Kế đền thờ Lý Triều Quốc Sư là bánh gối, hiệu bán đàn, phở, trái cây dầm, những boutique thời trang. Ông đi ăn phở, cửa hàng phở bò mậu dịch khách tự bung.



Hiện ra, Hoàng Cầm trên gác ngói nhà trong ngõ 43 Lý Quốc Sư, phóng mắt nhìn về sông Đuống. Hoàng Cầm trong căn phòng tầng 5 nhà 91 Nguyễn Chí Thanh trong tiệc mừng tuổi 80 mà Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây làm cho. Tối ấy, mùa xuân 2002, mắt ông long lanh ngắm nghệ sĩ chèo Lưu Nga (mẹ ca sĩ Bằng Kiều), ngâm bài Cây tam cúc. Hoàng Cầm bảo : “ Có thời tôi đã mê bà ”.

Tôi tin Hoàng Cầm đã mê, đã thích, đã yêu nhiều và nhiều người mê. Ông đẹp trai hơi Tây, mắt lẳng, môi hồng, da trắng, dáng tao nhân, người thể, tất phong tình. Tôi thấy cuộc đời ông có những điểm tương đồng với Paul Éluard (1895-1952). Họ đều qua hai cuộc chiến, có ba người vợ. Khác với P. Éluard đưa Gala, Nush, Dominique vào thơ, Hoàng Cầm đầy “ em ” mà không gọi tên nàng. Hoàng Cầm dày đặc cô đơn giữa bộn bề giấc mơ nhục cảm. 3. Nhịp xe ngựa trải khắp “Hoàng Cầm một điệu” (KB và ĐD Nguyễn Thụy Kha, thân thiết với Hoàng Cầm từ 1988), có lẽ là phim tài liệu chân dung duy nhất làm về Hoàng Cầm, năm 1993, đã phát Đài TH Hà Nội. Suốt phim, lọc cọc xe ngựa và lời ca quan họ bay lên.

Nhà thơ Lê Đạt người gọi Hoàng Cầm là “ Oanh vàng Kinh Bắc ” rất khen phim này. 25 cuối đời, Hoàng Cầm chỉ có một mình. Người vợ thứ ba – bà Lê Hoàng Yến- người ông biết ơn, đoán mệnh năm 1985, như con chim sẻ cánh : “ Em đâu ? Ai xé hồn muôn mảnh ”. Ngày ấy, những năm 70 thế kỷ trước, ông chạy từng bữa một, từng dùm gạo một cho gia đình hơn chục miệng ăn. Ông vẫn yêu, vẫn thơ, những giấc mơ ứa thành thơ, vỗ về, an ủi, hy vọng. Năm tôi 2 tuổi, thì ông đi tù. Ông vẫn sống bèn bỉ, vẫn cả tin và ngây thơ.

Vẫn yêu và viết. Năm 2004, Đạo diễn (Nghệ sĩ ưu tú) Vi Hoà làm phim tài liệu Vết đạn 55 tuổi, về vết đạn Pháp bắn vào phòng gương Nhà hát Lớn 12/1946. Đoàn phim phỏng vấn những nhân chứng thời kì ấy : nhạc sĩ Lương Ngọc Trác, bà quả phụ Dương Trung Hậu (thân sinh nhà sử học Dương Trung Quốc), ca sĩ NSUT Quang Hưng (như chú bé Gavrót ngày ấy) và thi sĩ Hoàng Cầm. Để quay được cảnh Hoàng Cầm phát biểu, đoàn phim phải chờ nhà thơ Nguyễn Thụy Kha (tác giả KB) hầu thuốc về để ông Hoàng làm một điệu rồi mới “hạ sơn”. Hoàng Cầm nghiện thuốc phiện từ trẻ, điều này không cần giấu nữa, công an Hà Nội cũng thông cảm mà cho phép, vì nếu thiếu ông sẽ ra đi sớm. Năm sau, ông bị vấp xe đạp khi từ trên gác xuống, ngã trong nhà mình, gãy chân phải, phải dùng xe lăn 5 năm cuối đời...

Vẫn phiêu du, cả khi nằm một mình trên căn gác, có tivi, điện thoại, balcon vài chậu hoa, cho đến khi yếu không xem được ti vi, không tự làm được gì, nghe bạn bè, người quen gọi tên ở dưới ngõ, mà không làm cách nào được. Con cháu đi vắng, khoá cửa, ai muốn đến thăm ông Hoàng cũng đành chịu thua. Ông đã sống trên cao, cao hơn những nỗi buồn số phận. Ba người đã làm tôi kinh ngạc khi họ tuổi 85, vẫn đọc thơ tình của tôi say sưa và nói về tình yêu rất trẻ : Kim Lân, Hoàng Cầm, Phạm Duy. Các ông, từng cặp là bạn thân của nhau.

Một đêm quan họ, nghe Thúy Cải Thúy Hường gọi Hoàng Cầm là anh ngọt lịm, thi sĩ soài mình trên chiếu. “ Lão Hạc ” bảo : “ Tuổi ấy mà mắt cứ ve ve xanh thế thì có chết không cơ chứ ! ” Mắt Hoàng Cầm lúc nào cũng xanh. Đúng ba năm trước, HS Nguyễn Thị Hiền đưa đoàn phim HTV9 ra Hà Nội làm phim về nhà văn Kim Lân. Phỏng vấn Hoàng Cầm, ông kể : “ Kiều Loan được chọn để biểu diễn dịp Đại hội văn hoá cứu quốc lần một, tháng 11/1946, tổng duyệt tại Nhà hát Lớn. Kim Lân có đóng một vai. Kim Lân đi giặt lười từ cánh gà ra sân khấu, sau đó mới quay mặt lại khán giả. Công chúng vỗ tay tới 15 phút mới diễn được ”.

Hai người vẫn thăm, đến chơi nhà nhau tới lúc không thể. Con gái cả nhà văn Kim Lân, thỉnh thoảng ra Hà Nội, lại tới biếu bác tiền quà. Bác vào SG cũng ghé 452 Nguyễn Thị Minh Khai ăn tối. Bộ phim chưa dựng xong thì “ Lão Hạc ” qua đời. Kiếp người trầm luân mà chóng quá ! 4. Mỗi lần về quê, chàng trai 54 phố Hàng Dầu, nhạc sĩ Phạm Duy lại ghé cố tri. Họ thân nhau lúc 20, xa

nhau gần nửa thế kỷ, tới lúc tóc trắng vẫn xưng hô mày tao, là bạn quý. Phạm Duy gửi cho tôi lá thư viết 12 giờ trưa ngày thứ năm 6/5/2010, sau khi biết tin Hoàng Cầm trút hơi thở cuối cùng lúc 9h12 phút sáng : “ Chúng ta đều cho rằng cả hai thằng bạn, vào lúc gần đất xa trời, rút cuộc đều thấy đời mình chỉ là một cuộc chơi !

Cuộc chơi đã đưa hai đứa lên rất cao, rồi cùng chìm hai thằng xuống rất sâu, nhưng hai kẻ đấng tử này đều được cứu rỗi bởi một sợi dây bí ẩn. Đó là sợi dây cảm nhận, rung động và sáng tạo nghệ thuật, làm cho chúng ta sau nhiều cơn vật vã, vẫn có thể gạn đục khơi trong, rồi làm ra những vần thơ điệu nhạc lung linh sức sống kỳ diệu của con người. Vâng !

Nghệ thuật đã rửa hồn chúng tôi, như Hoàng Cầm nói : ton art purifie ton âme và sẽ còn giúp chúng ta đi nốt con đường chúng ta đã chọn : con đường tình, tình nước, tình người ”. Nhiều người yêu được yêu, trong đời Hoàng Cầm, có thể không đến tận cùng bản chất tình yêu là độc chiếm, thuộc về nhau ; nhưng tinh thần vẫn duy dưỡng xúc cảm yêu đương, không ai muốn dứt. Chỉ có một người rời bỏ Hoàng Cầm, đó là Tuyết Khanh - người vợ kế. Cô gái Hải Phòng lên Hà Nội làm ăn, lọt mắt xanh thi sĩ, được giao vai chính Kiều Loan trong vở kịch thơ cùng tên. Con gái của họ là Kiều Loan (sinh 1948).

Năm 1954, bà ôm con theo chồng mới vào Nam, rồi tới 1975 sang Mỹ. Kiều Loan mấy bận về thăm cha. Cô mặc áo tứ thân, khăn mỏ quạ, khi mới ba mới bảy, cùng cha đi về Kinh Bắc. Tôi rất thích cảnh cô đứng cạnh cha đằm thắm, bên triền cỏ ven sông Đuống (12/1997). Hai khuôn mặt giống nhau, Kiều Loan đẹp và tình, tuổi 50 vẫn xoan. Đây là cảnh trong phim, cô làm đề kỷ niệm. Nhà nhiếp ảnh Nguyễn Đình Toán gắn bó từ 1983 vì yêu thơ Hoàng Cầm, ông có tham gia quay một số cảnh phim tài liệu “ Hoàng Cầm - một điệu Kinh Bắc ”. Ông cùng gia đình thi sĩ và Kiều Loan nhiều lần về Bắc Ninh. “ Tết nào, cứ mừng Một, tôi lại đến chúc tết, tặng cụ bức ảnh. Mấy năm rồi cụ yếu, không du xuân nữa.

Lần cuối là 2006, đi TP Bắc Giang, cưới con trai út anh Hoàng Kỳ (con cả thi sĩ). Ông chỉ cho tôi cánh đồng cách TP Bắc Giang 6km, chính là “ đồng chiều cuống rạ ” trong bài Lá diêu bông. Tôi tháp tùng Hoàng Cầm về Thuận Thành, ở đó chỉ còn nhà họ hàng. Từ Bắc Ninh đi 12km tới sông Đuống, trước khi qua phà Hồ, lần nào tôi cũng đưa cụ ra bờ sông bên này nhìn về bên kia sông Đuống, chụp vô vàn ảnh. Ngày cuối cùng của Hoàng Cầm, tôi ở bên. Tối 2/5, tôi đi cùng xe cấp cứu. Bác sĩ cho đem máy chụp phổi đến tận giường bệnh. Tôi chụp hết từng giờ phút ”. Những bức ảnh giữ lại khoảnh khắc.

Người đi đem theo những giấc mơ và cũng để lại giấc - mơ - thơ. Hoàng Cầm một mình mơ, một mình yêu, một mình cô đơn trên gác 5. Tối 7/5, tôi đã âm thầm đi chậm mấy lần trong ngõ 43 Lý Quốc Sư, 45 bước một lượt. Chỉ 45 bước hết một ngõ đời, mà Hoàng Cầm không đi nổi. Tôi đi qua đoạn ngõ hẹp 90 cm, rồi 1,3m, tới khoảng ngõ rộng nhất 2,1m trước cửa nhà hai con trai thi sĩ : Hoàng Anh – Hoàng Phi. Cửa gỗ nâu, nhà vắng, ngược lên gác, khoảng không chật nhà đua chen chèn ép tứ bề. Ngay đầu ngõ 43 là hiệu Bellizeno (tiếng Ý: vẽ đẹp hoàn hảo) bán chăn, drap, gối đệm, khăn trải bàn của Ý, cửa kính trong suốt, đẹp và sang, với slogan kiêu hãnh: “Đẳng cấp của những giấc mơ”.

Bao uyên ương đã đến đây mua chăn gối, dập diu mùa cưới. Còn Hoàng Cầm trên gác cao, mơ mùa lúa đôi giữa chăn đơn gối chiếc rờn rã mùa mưa. Lúc nào, mọi sinh linh bé nhỏ trong thơ ông cũng khát thèm ân ái, cá cũng phải có đôi, như Về với ta trong tập Về Kinh Bắc : “ Uống nước mắt con vành khuyên / nhớ tổ / Vừa rụng chiều nay / Dành mặt nước hương sen / Ta soi / Chỉ còn ta đập lụi tinh tú / Ngủ say rồi / Đôi cá đòng đòng ”. Vòng hoa Diễn Đàn tiếc thương "con bê vàng lạc dáng chiều xanh" xem attach 2 5.

Chủ nhật ngày 9/5, hai người thân về tiễn biệt Hoàng Cầm. Bạn tri kỷ Phạm Duy bay từ Sài Gòn ra, ông vừa soạn xong bản nhạc phổ bài Bên kia sông Đuống và đưa con trai Duy Cường soạn hoà âm để thu thanh, với ý định tặng riêng Hoàng Cầm, mà chưa kịp ! Kiều Loan, con gái duy nhất còn lại của Hoàng Cầm, cũng từ California về Hà Nội.

Chiều thứ ba 11/5 tang lễ nhà thơ Hoàng Cầm sẽ diễn ra tại nhà tang lễ Bộ Quốc phòng, số 5 Trần Thánh Tông, do Hội nhà văn VN tổ chức. Theo anh Đỗ Hàn, chánh văn phòng Hội nhà văn VN, thành viên Ban lễ tang (nhà thơ Hữu Thỉnh trưởng ban) : “ Sau khi Hoàng Cầm mất tại BV Việt Xô, nhà lạnh hồng, chúng tôi phải làm thủ tục chuyển cụ sang Viện 108 ”. Gặp lại Đỗ Hàn trưa 8/5, sau tang lễ kịch sĩ Hoàng Công Khanh, trông anh mệt phờ : “ Giờ lại lo đến đám tang cụ Hoàng Cầm. Theo bậc lương, cụ không đủ tiêu chuẩn nằm khu A nghĩa trang Văn Điển. Hội nhà văn lại sẽ lo liệu bằng được, để cụ an nghỉ nơi xứng đáng ”.

Chao, thòi mà cỡ hậu sự và chỗ nằm viện, chôn cất theo bậc lương, mới lạnh lùng kéo dài làm sao ! Hoàng Cầm bị buộc phải về hưu non khi 48 tuổi, thì làm sao đủ “tiêu chuẩn” ?! Ba thập niên trong bóng tối, phải bán rượu để qua ngày đoạn tháng, nhập men mà say mà quên. Ông ngồi xe lăn đến Nhà hát Lớn nhận Giải thưởng Nhà nước 2007, điềm tĩnh nhận một bù đắp. Chọn tên vị thuốc đáng làm bút danh cả đời, ông đã tự chuốc tự uống đắng cay. Ngâm thơ rất hay, làm thơ tài tình, và yêu quên mình Hoàng Cầm sinh đêm 12 tháng Giêng, trước hội Lim một ngày, tức 22 tháng 2 năm 1922, nhiều số 2 mà lại một mình.

Ông không đơn độc, sinh trước hội và đã đi, bao lần hội, những hội yếm, hội hoa, hội tình vẫn đang đón đợi kẻ đa tình không tuổi ấy. “ Mọi giấc mơ của ta đều có thể biến thành hiện thực, nếu ta có đủ can đảm để theo đuổi chúng ”. (Walt Disney). Hoàng Cầm đã rời trần gian về cõi khác. Linh hồn ông vẫn tiếp tục mơ, đang mơ, giữa giấc mơ tình yêu miên hoan. Về Kinh Bắc bắt tử, nơi có sông Cầu, sông Thương, sông Thương, tên sông là định mệnh. Thôi, đừng lã chã nhớ thương quá đỗi ! Bằng lăng đã khởi động Hè nhuộm tím con đường tình ta đi ... Tôi hình dung những ám tượng thơ Hoàng Cầm hiện hữu ở Thế - giới – Mới, để ông Hoàng an lạc trong Đế chế yêu vĩnh cửu.

## Yếm thắm hương xưa Phí Ngọc Hùng

Vào truyện:

Bố tôi có cụ bạn già rất thân, phải nói tâm giao chí cốt vì hai cụ hợp nhau ở cái khoản nói tiếng Tây, nhẩy đầm qua cái thú một thưở một thời ăn chơi của người Hà Thành trước 54. Sau 75, đất khách quê người bây giờ nằm khoèo ở cái tuổi vắng gió điều hiu, hai cụ lại càng tương đắc tương bản với nhau nữa cái khoản nghe hát ả đào, quan họ, chèo văn qua mấy cái “tép” nhựa cũ sì cũ mốc. Bố con tôi vẫn thường gọi là cụ huyện Trì vì cụ làm việc ở một nơi chốn nổi tiếng về nghề làm bánh cuốn. Vì sinh sau đẻ muộn, qua cụ tôi mới học mót được là bánh cuốn Thanh Trì ăn với đậu rán sốt và chấm nước mắm pha giấm với ớt khô. Theo cụ thì nó ngon ở bánh cuốn thơm thoang thoang, nước mắm không mặn, không chua và không cay.

Trước đó tôi được đọc nhiều bài viết sưu khảo của cụ đăng rải rác trên báo nơi thành phố tôi trú ngụ, thường là những bài tản mạn về làng quê đất Bắc hay những bài biên khảo rất súc tích về thơ mới, thơ cũ. Khoảng thời gian này, tôi đang tập tành làm quen với chữ nghĩa như cụ Tản Đà “Viết văn lên bán chợ trời”. Nên sau khi đọc được bài viết của cụ, tôi cất cổ con vịt mời cụ tới nhà để cùng thưởng ngoạn, cũng là lễ thường tình của đất trời của một già, một trẻ.

Vốn dĩ cụ là con sâu rọu, tôi đang đơn chiếc trong cái cảnh gà trống nuôi con, rọu lúc nào cũng có sẵn, nhà neo người, nhưng gần chợ búa nên khoảng một nhát là xong tất. Thế nên cụ thường ghé qua để bù khú, gặp thời thế, thế thời phải thế, cụ nháp tôi ực. Nhập thế tục bất khả vô văn tự, thế nên tôi cũng muốn bon chen, chẳng hay ho cũng húng háng một vài câu thơ Đường. Và mỗi lần hỏi cụ chuyện bài vở của cụ, thì câu nói đầu môi chót lưỡi của cụ vẫn là: “Tận tín thư, bất như vô thư”. Ngoài ra giữa cụ với tôi, có chút nặng tình qua dăm món đồ cổ, vài chậu cây kiểng, và nhất là khoản một trà, một rọu. một đàn bà...

Cụ là tay chơi Hà Nội bương trôi đến...lỡ đời, vô phép vô tắc cụ nói sau lưng cụ đôi khi từu nhập ngôn xuất, cụ có hơi “hoang đàng” một tí ti. Vì vậy một bữa cụ thả hồn đi hoang, cụ luận với tôi rằng cái trần tục của các cụ ông, cụ bà ta xưa qua ca dao hay thơ phú từ một nghìn năm trước, một trăm năm sau muôn sự là ở...cái váy. Cụ luận giải rằng vì tự thưở chân quê ấy, trong váy sồi, váy đụp đàn bà con gái không mặc gì sắt cả. Từ cầu ao, bãi sông, dưới gốc cây gạo và nhất là vào những đêm trăng thanh gió mát, dựa đụn rơm thơm mùi lúa mới, chỉ cần tốc váy lên...là xong tất.

Ấy đấy, chuyện cụ là như thế đó...

Nhưng vẫn chưa hết, như chuyện cụ kể hồi còn trẻ chẳng hạn, chuyện là một ngày từ trong làng đi ra, đang phát phơ bên triền đê, nhìn xuống thửa ruộng, cụ bắt gặp một chị thợ cấy hơ hớ xuân tình đang chống mông gặt với hái. Thấy chị một mình giữa đồng không mông quạnh, chả hiểu nghĩ thế nào hay là vì ma đưa lối quỷ dẫn đường súi bẫy hay sao ấy. Bỗng dưng cụ nhẩy bổ xuống, từ đằng sau tốc váy lên... Chuyện cụ kể cứ như thật, nhưng nhìn khuôn mặt thanh cảnh và nghiêm túc của cụ, tôi không tin cũng đành phải tin. Ngay sau đấy, cụ kể tiếp là cụ về quê nhà gặp người con gái đầu đời năm xưa. Cụ gặp cụ bà đang bán hàng nước bên phố chợ, hai mắt che bằng miếng vải tây điều con con bằng bàn tay vì cụ bà đau mắt hột. Dờ cái khăn khăn ra, với con mắt toét nhèm đầy rỉ ghèn, cụ bà ngơ ngác nhìn cụ như một người khách lạ. Cụ thờ ra với tôi, nếu biết thế thà đừng về gặp người xưa năm cũ nữa thì hay hơn.

Nhấp ly rọu, vẫn khuôn mặt nửa hồn thương đau trong một cõi đi về ấy, như có gì suy nghĩ xa vắng lắm, cụ lắc đầu và thờ ra rằng những chuyện sống để bụng chết mang theo trên, chẳng hẳn là ở cái váy mà theo cụ thì tội vạ là ở...cái yếm.

Vì vậy mới có bài viết “[Yếm Thắm Hương Xưa](#)” này.

Tuy nhiên những gì cụ dông dài trong lúc từu lạc vong bản cũng đến hai mươi năm rồi chứ ít ỏi gì, lại nữa những bài viết của cụ tôi lại không lưu giữ, nhớ bao nhiêu viết lại bấy nhiêu. Và cụ kể chuyện nhân kiếp phù sinh hề một thoáng bạch câu của cụ như thế này đây, bao giờ cũng bắt đầu câu mào đầu: “Anh còn trẻ, anh không biết đấy thôi chứ...”

\*\*\*

“...Chứ thời tôi thì những ngày ở quê nhà, nhìn thấy bà ngoại đeo cái yếm sồi màu dưa vàng khú, tôi chỉ đứng ngắm. Một lần nghe bà ngoại riết giống bà chị họ tôi với ông ngoại là “Cái gữ ấy treo quần áo ở cạnh chuồng bò...Chửa ngay”. Rồi tiếng ông ngoại rít qua khói thuốc lào: “Có mà chửa với...bò”. Sau đó tôi thấy quần áo của chị treo ở hàng giầy phơi cuối vườn. Phát phơ một, hai cái yếm cua, yếm rùa hình thang với bốn sợi giây lủng lẳng. Tưởng tượng cho lắm thì cũng chẳng khác mấy với cánh diều trong một ngày đứng gió. Mảnh vải thô rồi cũng bạc màu, chị nhuộm bằng vỏ trái bứa, tôi cũng chỉ thấy một màu đậm đặc buồn chán. Bỗng ít lâu sau, cái bụng chị ểnh ra thật, suốt ngày ăn khế xanh, muỗm non và thăng cu ra đời. Một lần bắt gặp chị vén yếm cho con bú, ngực chị căng cứng và trắng nhẽ nhại, chan hòa và nổi bật cùng màu nâu sậm của cái yếm. Cái yếm thiếu thước tắc, nửa hững hờ, nửa ôm chặt thân hình cá trắm ngôn ngốt của chị, sau này cứ ám ảnh tôi mãi.

Nếu anh có hỏi tôi ám ảnh như thế nào, thực tình tôi không biết trả lời ra sao vì lúc ấy tôi mới tí tuổi đầu. Sau này lớn lên tôi chỉ hiểu lơ mơ là ai cũng vậy, lúc nhỏ có những chuyện con con không đâu của người lớn. Ngẫu nhiên nó vện vào người như cái lưới tình, làm thân con

nhện mấy lần vương tơ và không thoát ra được như tôi vậy. Cũng như Hoàng Cầm, chỉ vì mảng thịt, miếng da... Để gắn bó suốt đời với một bài thơ. Quên không kể cho anh nghe tôi là bạn của Hoàng Cầm, thấy hắn làm thơ tôi cũng làm thơ. Làm xong đưa hắn xem, hắn mắng tôi xối xả: “Mày làm thơ thế này thì...chó nó đọc”. Vì vậy tôi đành gác cái mộng văn chương chữ nghĩa. Nhiều khi tôi nghĩ đại, nếu không quen với Hoàng Cầm thì bây giờ biết đâu tôi chẳng khật khưỡng đi vào văn học...như hắn cũng nên”.

*Như phần vào truyện đã giải bày, vì thời gian quá lâu với một nhớ hai quên nên nhiều đoạn văn dưới đây của bài tản mạn này tôi mạo muội vay mượn của những tác giả trên mạng lưới như Đặng Tiến, Nguyễn thị Thu Huệ, Đào Hùng và một tác gia/ khuyết danh khác...*

“...Trở lại chuyện tình yêu ở cái tuổi học trò, hắn kể tôi nghe là cũng bằng tuổi ấy...Hắn yêu thầm nhớ trộm một cô gái tên Vinh, hơn hắn tám tuổi. Cô cũng là người dậy nó hát quan họ, trống quân vào những ngày cuối tuần. Một lần hắn rình cô ra ngoài đồng, trên một cái gò nhỏ có nhiều bụi dại, người hắn đang háo hức vì cái màu trắng như cùi bưởi. Cô ta ngẩng lên bắt gặp và mắng: “Sao mày cứ lảng nhãng theo tao thế này nhỉ”. Xong, cô giả bộ như lúi cuí tìm cái gì ấy, rồi đứng thẳng người lên, nhìn vào mắt hắn và nói: “Chị tìm cái lá...”. Rồi cô tiếp: “Đưa nào tìm được ta gọi làm chồng...” và hắn cũng chẳng nhớ lá gì nữa.

Vào một đêm năm 1959, khoảng ba giờ sáng, hắn chợt tỉnh giấc rồi thao thức không ngủ được. Căn nhà phố Lý Quốc Sư nằm sâu phía trong im ắng, hắn chợt nghe bà hàng xóm vắng vắng ngâm thơ “Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng...”. Thế là hắn bật dậy, lấy bút chì và tập giấy ra ghi chép...Ký ức người con gái ngoài đồng năm xưa lại hiện ra:

*Chị thân thơ đi tìm*

*Đồng chiều*

*Cuồng rạ*

*Chị bảo:*

*Đưa nào tìm được lá diêu bông*

*Từ nay ta gọi làm chồng*

Hai mươi năm sau, từ trong bụi dại...cái tên của bài thơ gắn bó với Hoàng Cầm, như một dòng sinh mệnh, để hắn nhẹ tên như cuồng rạ và thanh thoi như cánh đồng chiều. Trong khi tôi còn lang thang, thơ thân với bà Hồ Xuân Hương “Yếm đào trễ xuống dưới nương long – Đồi gò bông đảo hương còn ngậm...”. Để gần hết quãng đời, tôi cứ bị dẫn vật và lặn lội đi tìm một...lá diêu bông. Nhưng ấy là chuyện sau...

Tôi quen với Hoàng Cầm từ Hà Nội khi hai đứa học tú tài, nhưng lại gặp hắn ở tiệm nhẩy Asia ở phố Hàng Bông. Thột đầu, thân thì không hắn là thân, gần nhau qua men rượu thì đúng hơn, sau hợp nhau ở điểm, xin lỗi anh, đang ở cái tuổi mới lớn nên cả hai chúng tôi đều đang sẫm soi tìm hiểu về...đàn bà, con gái nên đi đâu cũng có nhau, như bóng với hình. Tết năm ấy, không hiểu sao tiệm nhẩy đóng cửa cả tháng, buồn tình hắn rủ tôi về nhà ông cậu hắn ở làng Nội Duệ để xem hát quan họ. Nghe hắn kể về quê hắn, sau mùa gặt hái tương đối nhàn hạ, nên dân làng mở hội với những cuộc vui như đánh đu, leo cột mỡ, chém lợn, đấu vật và hát gheo, hát ví, hát đối. Nghe đông vui quá thể, lại có cả chọi gà, chọi trâu nữa, nên tôi đeo theo hắn cho biết.

Trên xe, hắn còn cho nhúc nhắc thêm, nào là hội xuân gắn liền với hàng trăm ngôi chùa quanh vùng, suốt mấy tháng đầu năm với cả chục làng thuộc các huyện Yên Phong, Tiên Sơn, Việt Yên...Nhưng theo tập tục thường lấy chùa Lim làm nơi họp mặt, họ đối đáp hát hò với nhau cả ngày, nhiều khi suốt đêm và cô nào cô ấy đẹp như...mơ, môi mọng như...nhót chín. Để rồi gần như suốt đêm hôm ấy, tôi cứ thao thức, chỉ mong trời sáng để gặp những...“mơ”, những...“nhót” mà hắn gọi là quan họ bạn, vui lắm...Nói cho ngay cũng chẳng dấu gì anh đã từ lâu tôi hằng ao ước được một lần mặc áo dài khăn đóng, đứng cạnh một cô gái mặc áo tứ

thân, đội nón quai thao để cất cao tiếng hát quan họ. Không ngờ cái ước mơ nhỏ bé lại gần thành sự thực do hấn đẩy đưa.

\*\*\*

Anh còn trẻ, anh không biết đấy thôi chứ...chứ hấn đúng thật anh ạ, mới bảnh mắt ra là đã thấy đoàn quan họ nhao nháo kéo đến ngoài cổng, nam che ô, nữ đội nón quai thao. Hấn đưa tôi đi tìm cô em họ hấn nhưng không gặp, nhưng theo hấn cô ta lại là một đàn chị quan họ, mới ngoài hai mươi và đang ở cái tuổi xuân thì. Hấn và tôi đứng ở ngay cổng nhìn vào trong, nơi các đoàn quan họ đang điểm trang quanh những cái cột nhà có treo những cái gương bé con con. Các cô đa số vẫn còn mặc yếm. Yếm thắm đủ màu, áo tứ thân hình như chỉ được mặc vào trước lúc diễn hát. Tôi thầm phục các cụ ta xưa đã tạo mẫu ra cái yếm này. Cái yếm mà tôi đã nhìn thấy qua bà chị họ tôi bận từ ngày tôi còn trẻ vậy mà ngày nay, ở các xứ Âu tây người ta mới vẽ ra cái mẫu yếm ấy.

Nói anh đừng cười là tôi có cặp mắt ít khi nào bỏ lỡ cơ hội trước những tác phẩm tuyệt tác của thượng đế. Đối với tôi cảnh vật thiên nhiên đẹp đẽ cách mấy, cũng chỉ là thứ yếu. Tác phẩm tuyệt trần phải là thân xác đàn bà. Nhất là những cô gái che khếp thân hình nửa hở nửa kín bằng những vuông yếm thắm ở làng Lim này. Đang nghĩ lung tung thì đập vào mắt tôi là cô đi đầu mắt có đuôi, hai tay bưng khay trầu cau với trà, cứ như đi đón dâu không bằng. Cô ta cựa cựa trong chiếc yếm mỏng tang mới thấy được rằng cái đầu của các cụ ta xưa thật là phóng khoáng. Chỉ cần một vuông vải mỏng, với hai sợi dây cột buộc sau lưng, đã bó tròn được cặp ngực nhung nhúc, bành bồng nổi gợn màu hồng da thịt mờ ảo, ẩn hiện trong lớp vải mỏng là đôi bồng đảo nở tròn căng nhung nhúc, để lộ hai đầu ngực nhọn tròn như hai đầu con quay, con vù .

Hấn bấm vào tay tôi khi cô ta đi qua mặt tôi, ngầm cho tôi biết ấy là cô em họ hấn. Nhưng tôi còn mãi nhìn cái yếm để hở cái lưng trần trắng nõn, toát tỏa mùi thơm da thịt, hòa quyện thơm ngát mùi hương đồng cỏ nội. Có thể nói cái yếm là thứ áo hở hang nhất mà các cụ ta đã “sáng tạo”. Không thể nào tôi lại có thể bỏ qua cái nhìn dán chặt vào thân hình cô ta. Hai sợi dây cột buộc quanh cổ đu đưa, lúc lắc qua lại theo dáng đi, để lộ hai thăn ngực ngoài góc yếm, trắng nõn, tròn trĩnh và căng đầy. Và tôi cứ ngẩn ngơ, ngơ ngẩn mãi...

Vào đến sân, không ai bảo ai, họ cất tiếng hát mừng làng nước đầu năm với tình nghĩa xóm làng. Quan họ chủ đứng trước cửa chào đón, đỡ nón, cầm ô cho quan họ bạn và sau đó là mời vào nhà và hai bên cùng hát. Tôi nghe lạ tai nhưng cũng thấy hay hay, và để ý thấy bên này đẩy đưa một câu, bên kia đối đúng thì khen: *“Đạ, thế là tương bằng rồi đấy ạ”*. Gặp khi bên bạn hát trật, bên này thưa: *“Thưa liền anh (hay liền chị), bắt họp rồi đấy ạ”*. Nếu được khen, họ tình tự đáp lại *“Người thử hay là người thương – Hay là người thử trăm đường người chê”*. Rồi quan họ chủ mời trầu mời nước, nói chuyện ríu rít, như họ hàng gia tộc gặp nhau ngày Tết, chỉ thiếu nêu cao pháo nổ, bánh chưng xanh, đầm ấm và thân tình. Nhất là ngoài kia lại có gió heo may lành lạnh...đột nhiên cô ấy biến mất lúc nào tôi cũng chẳng hay nhưng tôi vẫn đứng chết trân cho tới khi hấn vỗ vào vai tôi “Giì mà như rấn ngày vậy! Tương tư rồi hả?”.

\*\*\*

Anh còn trẻ anh không biết đấy thôi chứ...chứ thằng đàn ông nào chúng tôi chẳng thế, nhất là khi gặp một cô gái mặc áo rộng hở ngực không lộ con mắt ra thì nhìn cái gì? Nếu không ắt hẳn chẳng là đàn ông. Rồi đứng đoảng thế nào tôi thấy cô ta lại xuất hiện và đang xuống cầu ao rửa chân rồi lại từ cầu ao đi lên, vẫn cái eo thon nõn nà, vẫn với cái vạt yếm cũn cựa, không đủ che kín thân hình. Cô liếc xéo về phía tôi một cái sắc như dao cau khiến tôi cảm thấy háo hức, rạo rục khôn tả...

Đến gần trưa tôi ra ngoài đồi, trên con đường mòn hai bên là hàng quán, ai nấy đều áo quần tươm tất. Cụ ông áo kếp, khăn lượt, cụ bà áo bông, váy sồi, trẻ con thì áo ba gang, quần chúc bầu ngòi la liệt, ăn uống cười nói râm ran. Anh có thể tưởng tượng được không, có cả nghìn người chứ không phải là ít. Riêng đám hát quan họ, cứ bốn người, hai đôi nam, hai đôi nữ đứng rải rác khắp đồi Lim, ở xa tưởng như họ đang thì thầm với nhau. Từ chân đồi thoai thoải nhìn lên thấy thật là bao la, khoáng khoáng, cỏ non xanh mướt rì rào trước gió, mưa phùn lất

phát, cây cối mơn mớn, trông cổ kính và cũng thật nên thơ. Sau này tôi đi nhiều, ít đâu thấy như vậy. Ấy vậy chưa kể, xa xa là dãy Thiên Thai, cụm mây trắng bay bay vắt ngang triền núi, như giải lụa đào bồng bênh trong sương khói.

Thả bộ lên giữa lưng chừng đồi, đến gần nhìn vào đám hội quần áo đủ màu sắc, nam đội khăn xếp, mặc áo the dài, quần trắng ống rộng. Nữ thì cô này áo tứ thân nhiều điều, dây thắt lưng hoa lý buông chùng, yếm thắm hồ thủy hay vàng ươm lúa chín. Cô kia váy đũng, áo dài màu ngô non, hai vạt áo trước buộc chéo vào nhau, yếm thắm hoa đào hoặc xanh lục lá mạ, các cô đều đội nón quai thao, tua quai tung bay như vờn nghịch với gió xuân. Từng đôi bạn đứng sát vào nhau, anh xướng, vừa hát vừa kín đáo liếc chị bạn đối diện *“Bắc Ninh cho đến Phủ Từ - Qua cầu sông Nhị, ngẩn ngơ tìm người”*. Nghiêng nghiêng chiếc nón, chị đáp lại *“Nỡ lòng trêu ghẹo chi tôi - Lênh đênh bèo nổi mây trôi một thì”*. Anh đỡ lời *“Ngày ngày ra đứng mà trông - Bạn thì thấy bạn, tình không thấy tình”*. Chị quay một vòng giải thắt lưng, tình tứ tránh cái nhìn của anh, nhẹ nhàng đong đưa *“Biết người biết mặt nhau chi - Đêm đêm em tưởng, ngày thì em mơ”*.

Không hẹn mà gặp để chuyện của tôi chớm dậy vào sáng hôm sau...Anh còn nhớ cái cô cầm khay tràu mắt có đuôi không, em họ của hắn đấy. Cô ta vừa bước vào cửa, mắt sắc như dao cau đảo một vòng, rồi hỏi ngay tôi *“Vi anh, em mới tới đây - Nếu anh không chiếu trả, màn quây ở nhà”*. Tôi đang lóng ngóng, cô tiếp *“Em bước chân ra, nhái thầy cùng mẹ - Em đưa chân về, nhái mẹ cùng cha”*. Giời ạ, anh biết sao không, cô ấy e ấp, chúm chím cười *“Em với anh như bướm với hoa”*. Bướm với hoa, thế có chết tôi không cơ chứ, tôi cứ như người say thuốc lào, đành lúi húi trái chiếu và họ quây quần ngồi xuống, như đánh chẵn, đánh tổ tôm ấy.

Lại cô ta nữa, mới ngồi xuống chưa nóng chỗ, cô háy mắt ví von ngay *“Nhất chờ, nhị đợi, tam mong - Tứ thương, ngũ nhớ, lục mong, thất bát cửu...chờ”*. Và cô vênh mặt, ngóng cổ lên để “chờ”...Tôi ngây người ra bí ngô bí khoai, như anh biết đấy, tôi nào có biết hát hồng gì đâu. “Mong” một lát, thấy tôi không động đậy gì, cô hóm hình ghẹo tôi *“Tới đây chẳng hát thì hò - Chẳng phải như cò ngông cổ mà nghe”*. Rồi cô ấy tình trong như đã nhưng ngoài còn e:

*Bên mời cố cựa, bên mời tình nhân  
Cùng nhau xích lại cho gần  
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ  
Đi ngẩn về ngơ*

Đụt như tôi, cũng cố phải hiểu là “xích lại cho gần”...Mà anh thấy câu chót “đi ngẩn về ngơ” tuyệt cú không, xuống vần như vậy mới là...thơ. Anh cũng nhớ dùm, ấy là chữ nghĩa của các cụ ta xưa đấy nhé, ngày là gió tháng là mây, từ mấy câu đồng dao, phong dao mộc mạc. Các cụ vắn vẹo cùng trời trắng mây nước, thành bài hát tỏ tình lúc nào không hay. Như là cô ấy vừa nhảm nhăng dò la tôi *“Gần đây mà chẳng sang chơi - Để em trái yếm bắc cầu anh sang”*.

*Thấy tôi nông toẹt, không đợi hỏi han cụ tiếp:*

“...Đó là cô ấy còn hiền. Nếu anh nghe được mấy cô khác ỡm ờ với bóng gió *“Đêm nằm đắp chiếu bịt bùng - Tai nghe tiếng hát dậy vùng ra đĩ”* thì cũng hãi quá chứ nhỉ. Và cụ thùng thẳng, hồi xưa các cô bạo dạn như thế đấy, chẳng qua là nam thập lục nữ thập tam, lúc nhỏ thì cùng nhau tồng ngồng tắm ao tắm sông, tình yêu trai gái cứ phồng phao lớn dần theo năm tháng, theo trăng thanh gió mát cùng điệu hát câu hò. Thời của tụi tôi quen nhau, ít ai biết làm thơ lãng nhãng như tình xa đầu núi, tình cuối chân mây. Chữ nghĩa bẻ làm đôi, quá lắm cũng chỉ cắn bút năm, ba hàng thắm thiết khôn cùng, với ái nường ơi, giáy ngẩn tình dài kể sao cho xiết. Thế nên họ mượn mấy câu ca dao phong tình để...gió đánh đờ đưa, gửi gió cho mây ngàn bay thì cũng chẳng có gì làm lạ”.

*Cụ khựng lại, chân chừ và thờ ra:*

“...Ai lại mang chuyện nhà ra kể khí có hơi chướng, để trong bụng thì ruột gan lại ám ức. Ấy vậy người chị họ tôi chứ ai, lúc nhỏ nghe chuyện người lớn đỏ mặt tía tai, thấy hai con chó lện nhau quay mặt bỏ đi. Cho đến khi chị biết soi gương làm đốm, ông bố chị cứ chiều chiều là khơi khơi kỳ cọ dội nước tắm chuồng bên cạnh cái chum ở chái bếp, trong khi chị đang vo gạo cất nồi cơm. Lớn lên tôi mới vỡ lẽ ra, cũng có thể vì bị ám ảnh nên mới mười bảy bẻ gãy sừng trâu, một tối chị đã “Tai nghe tiếng hát dậy vùng ra đi”. Để ít lâu phình bụng ra, chỉ vì cái tội vô tâm, vô tính của người lớn, tôi nghĩ thế không biết có hợp nhẽ không. Nhưng tôi hiểu các anh cho chuyện tông tông ở ao hồ, chuyện tắm chuồng là ám ức, dồn nén này kia. Tôi thì khác, tất cả chỉ là tất nhiên của trời đất, như nhân với quả. Như cái ngày, tôi vô tình nhìn thấy bộ ngực căng sữa của bà chị họ. Để cái yếm thành chuyện”.

*Tôi cũng có hơi ngán ngẫm, vì cụ khí dài dòng văn tự. Nhưng may quá là may, cụ nhấp một nhấp rượu như để chiêu hồi quá khứ với những ngày tháng cũ, cụ trở về cái buổi ban đầu lưu luyến ấy và cụ luyến lưu:*

“...Hết ngày “mời trâu”, cũng đến ngày “giã bạn”, cô ủ ê:

*Người ơi ! Người ở đừng về  
Người về em vẫn trông theo  
Trông nước, nước chảy, trông bèo bèo trôi  
Người ơi ! Người ở đừng về*

Bị rịn đến gần giờ Ngọ, cô vờ vỉnh “*Chàng buông vạt áo em ra - Để em đi chợ kẻo ã chợ trưa*”. Anh thấy tình không, tình chết người đi ấy chứ. Vốn liếng ca dao của tôi cũng nhập nhằng, không ngoài thương nhau cởi áo cho nhau, về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay. Vậy mà cô ấy hiểu ngay mới tài “*Bông cúc vàng nở ra bông cúc xanh – Yếm em em mặc, yếm gì anh anh đòi*”. Yếm em, em mặc thì cũng tốt thôi. Đến yếm gì anh, anh đòi thì tôi chịu quá, vừa ngấm lảng lơ, vừa lộ tình tứ, làm tôi cứ mê mẩn cả người. Thế mà dùng dằng đến quá trưa, tôi tay không về lại Hà Nội mới chán mới đời. Ngày ngày ra ngõ vào ngõ, mò tới phố Sinh Từ tìm Hoàng Cầm để thăm dò. Nhưng hấn đã theo cô Tuyết, người Hải Phòng, gái nhảy ở tiệm Asia và về phố Đường Thành sống chung với nhau. Cô Tuyết này cũng khác người, khi không mang hấn về nuôi báo cô đến mấy tháng, cái thằng bố lếu bố láo ấy vậy mà hèn. Gặp tôi hấn tỉ tê ngay: “Tối đầu tiên tớ nằm cạnh Tuyết, khi đó tớ không gọi là chị nữa, vì Tuyết hơn tớ ba tuổi, mà gọi là “đằng ấy”. Tớ ôm Tuyết, hai tay sờ soạn ngoài bộ quần áo ngủ, Tuyết tự cởi áo ra. Rồi lại cởi áo cho tớ, sau đó bảo tớ cởi hết ra, tớ làm theo...”.

Trở về chuyện tôi đi kiếm hấn, trong khi cuối tháng cạn túi, đợi nhà gửi lên để đóng tiền trọ học. Tôi cũng lại nóng lòng muốn mò về lại làng Nội Duệ, nhưng không biết ngủ nghề ăn uống ở đâu, nên phải cầu vẻo cô Tuyết và nhờ vả đến Hoàng Cầm. Cuối cùng thì hấn giới thiệu tôi đến nhà thầy ký ga Núi Tiét, cách Bắc Ninh hai cây số. Đó là một dãy phố trước khi vào thị xã, lèo tèo khoảng hơn hai chục căn, có tiệm may, hớt tóc, hàng thuốc Bắc. Đến đầu tháng là có họp chợ vì nhờ tàu hỏa từ ga Hàng Cỏ mang hàng lên, nên dân chúng quanh vùng làng Thổ Khối, làng Đông Hồ rủ nhau lũ lượt về đây.

Và tôi hẹn cô ta ở đấy, không nói anh cũng biết gái làng Nội Duệ gọi cảm và nhí nhảnh như thế nào. Gọi cảm ở cái miệng chanh chách, lách chích như chim chích chòe. Dây mơ rễ má thì ở đạo đó, tụi tôi quen thuộc với cái duyên ngầm của hàm răng đen hạt huyền, gần gũi với nét đa tình, đa mang của cái yếm, mảnh vải gắn bó mật thiết với phần thân thể lộ liễu nhất của người con gái dậy thì. Mặc dù chỉ là mảnh áo lót, che phần ngực và bụng, vừa gìn giữ vừa khoe gợi, che đậy nhưng phô bày. Che nhưng như muốn khoe, kín đáo nhưng cũng hở dấy.

Có bạn cô tất bật đi chợ về, mồ hôi lấm tấm thấm qua lớp lụa mỏng, theo nhịp thở “*Ngực yếm phập phồng hoa cau buổi暮*”. Nhất là những ngày hâm hấp oi nùng, không mặc áo cánh, cô ngồi ngắt rau vặt lá, cứ hơ hớ cái lưng và mảng sườn non trắng nhầy. Từ trên nhìn xuống,



đôi gò bồng đảo hương còn ngậm khi ẩn khi hiện, một mạch đào nguyên suối chửa thông sâu hun hút. Để rồi thì lửa gần rơm lâu ngày cũng phải bén, cái gì đến nó phải đến, vào một ngày sang hè, hoa phượng bắt đầu rộ, ve sầu âm ỉ. Và tôi đã ỉ ôi để được “*Luôn tay ôm say – Giấc bay lay đỉnh núi - Tuột hàng khuy loi yếm buồng màn*” của cô ấy, và “*Đã phanh yếm mỏng thì quãng hết – Những nếp xiêm hờ giả bộ ngây*”. Như trên tôi đã lòng vòng với anh, như chuyện tự nhiên của ông giời với nắng và mưa.

Cái hôm tôi trở về để sửa soạn thi, cô trao cho tôi cái yếm “trao thân gửi phận”, ấy là cái yếm nâu mà buổi trưa hôm mà hai đứa đầu ấp tay kề với nhau. Lúc đó tôi chỉ thần thờ với năm thương cổ yếm đeo bùa, sáu thương nón thương quai tua dịu dàng. Này anh ạ, chịu các cụ thật, các dây bao giờ cũng đúng, sau này cái yếm như có bùa mê thuốc lú, đeo đẳng bám cứng theo tôi không rời, như một dấu ấn. Mà nghĩ cho cùng thì ai chẳng một lần, dấu diêm trong ký ức, vẫn vương với hai thương ăn nói mặn mà, ba thương má lúm đồng tiền. Để gìn vàng giữ ngọc với cái gương, cái lược thương em, không biết để đâu, để trong túi áo, lâu lâu lại dòm.

Tin hay không tùy anh, như một cái điềm, đưa khăn gửi áo...qua cầu gió bay. Và y như rằng, về đến Hà Nội, tôi với Hoàng Cầm như cùng lụy một con đò. Số là, cũng vừa lúc cô Tuyết của hấn, không nói không rằng, lẳng lẳng bỏ vào Nam bằng chuyến tàu đêm, hấn chạy đôn chạy đáo tìm cô Tuyết như thể tìm chim. Như cái rớt, tháng sau trở lại phiên chợ, tôi không gặp cô ấy nữa, cũng như hấn, tôi tìm cô tứ phương tám hướng, chim bay biểm bắc tôi tìm biểm đông. Rồi tôi đâm lo lo...”

#### *Ngừng một chút, cụ ngập ngừng:*

“...Anh còn trẻ, anh không biết đấy thôi chứ...chứ thì đâu đó cũng không ngoài chuyện không chồng mà chửa, lệ làng thì ề cổ đóng gông, đóng cheo, chỉ có nước bỏ nhà, bỏ cửa mà đi. Tôi đoán mò vậy chả hiểu có đúng không. Vì có lúc tôi nghĩ đại với câu nói năm xưa của bà ngoại tôi, quần áo phơi ở chuồng bò như phơi rốn là chửa ngay đấy. Vì vậy tôi cứ lạy trời khấn Phật chuyện đừng sẩy ra với cô ấy, rồi lại chộn rộn đến toát mồ hôi hột, hay là “*Bông cúc vàng nở ra bông cúc tím – Em lấy chồng rồi yếm trả lại anh*”.

\*\*\*

Những ngày tháng sau đấy, lu bu với chuyện học hành thi cử, ra trường về Hà Đông làm việc. Năm 54 vào Nam, tôi hoàn toàn mất tin tức của cô. Tiếp đến là tôi lập gia đình, qua sông ai lỡ quên đò, tôi đành phải dấu cái yếm đằng sau bức tranh của Nguyễn Gia Trí, bạn tôi. Nói vậy nghĩa là từ đó tôi không nhìn thấy nó nữa, có cũng như không. “Maitre” Trí chuyên về sơn mài, nhưng bức tặng tôi lại là sơn dầu. “Lúy” vẽ một cô mặc yếm, tằm ngàn bên cái chum có cái gáo, đằng sau có dăm cây chuối. Mấy năm sau, tình cờ đọc được bài thơ của Nguyễn Bính, tôi lại thần thờ về bà chị họ, hôm qua em đi tỉnh về, khăn nhung quần lĩnh rộn ràng. Để luyện tiếc, nào đâu cái yếm lụa sồi, lại hồi tưởng đến ngày hát quan họ ở đồi Lim, mới chợt nhớ ra cái yếm nằm sau bức tranh và quên rằng nó nắm ngay đấy, ngay trước mặt tôi...Tôi nói có cũng như không là thế đấy. Cứ lênh bênh như bèo dạt mây bay, cái yếm cứ nổi trôi với tôi theo năm tháng, mãi cho đến ngày tôi được nghe lại bài thơ “*Bên kia sông Đuống*”:

#### *Bao giờ về bên kia sông Đuống*

*Anh lại tìm em*

*Em mặc yếm thắm*

*Em thắt lụa hồng*

*Em đi trải hội non sông*

*Cuồng mê ánh sáng muôn lòng xuân xanh*

Chính cái khoảng thời gian này tôi mới u hoài nhiều về cô, hay là cô đang “cuồng mê” như Hoàng Cầm. Để thấy cái óai oăm của hai thằng, tôi và cô Tuyết của hấn lưu lạc vào Nam, còn cô ấy và hấn đang “trải hội non sông” ở một góc ruộng bờ đê nào đó. Càng ngày Hoàng Cầm

càng trải rộng yếm thắm trên con đường làng quê hương Bắc Ninh của hấn, ngay cả khóm tre đầu thôn cuối xóm “*Dãy tre xa giấu biệt giải khăn điều*”. Thì cái yếm của cô, vô hình chung tôi “giấu biệt” sau bức tranh. Và có một đôi lúc, tôi muốn đập bể kính ra tìm lấy bóng...

Cho đến khi qua bên này và gặp bố anh. Tôi chưa thấy ai mê hát quan họ như ông ấy. Như của đi tìm người, một hôm tôi nghe được qua cái “tép cát sét” có một giọng ngâm mà âm hưởng rất Tao Đàn, rất Hà Nội. Bố anh cho biết đó là cô Đ., người thị xã Bắc Ninh, vẫn thường ngâm thơ của khách quen qua “tép”. Không nói anh cũng hiểu, viết thì cần có người đọc, làm thơ thì cần có người ngâm. Mấy chục có là bao, nên tôi rút ruột nhả tờ được mấy bài, gửi về cho cô Đ., vậy thôi. Rồi lại qua bố anh, một hôm được xem cái “tép vi đề ô”, thấy cô Đ. mặc áo tứ thân, tay cầm nón quai thao và hát quan họ. Anh biết không, tôi lặng người đi như người mất hồn, vì bóng dáng cô hao hao giống bà chị họ tôi. Riêng nụ cười chúm chím, thì không khác một mảy may với người xưa ngày nào năm ấy. Tôi nói với bố anh là tôi sẽ đi theo con đường của Hoàng Cầm, bây giờ về bên kia sông Đuống, anh lại tìm em, em mặc yếm thắm...” À mà này, anh cũng chả lạ gì với hai câu thơ của Bằng Bá Lân “Hỡi cô tát nước bên đàng – Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi”. Ông thi sĩ một lần điển giải là trăng vàng đổ đi, tưởng rằng đã mất... Nhưng những giọt nước vẫn còn vương vãi trên mặt đất, vẫn mờ tỏ rời rạc. Tôi về gặp cô Đ. cũng vì những hạt nước rơi vãi ấy... Lên Bắc Ninh, hôm trước hôm sau, vào một buổi tối, tôi tìm đến nhà cô và đứng nép xa xa trong một khoảng khuất, với những vắn vơ về...

*Tôi ngồi đồng nghe cụ từ...lá vàng trước gió sẽ đưa vèo, đến...vàng bay mấy lá năm già nửa... Nhưng tôi biết một chuyện qua bố tôi, vì cái tiền già eo hẹp, cụ phải bán bức tranh của Nguyễn Gia Trí để có tiền đi đường, từ đó tôi càng gần gũi và mến mộ cụ nhiều hơn. Đang miến man này nọ, như có linh cảm, bỗng nghe cụ bật cười khan và tiếp:*

“...Anh còn trẻ, anh không biết đấy thôi chứ...chứ bức tranh sơn dầu với cô gái đứng bên cạnh cái chum không, có dính dáng đến Hoàng Cầm cả đấy. Để tôi kể anh nghe: Vẫn cũng hấn, gì đâu mà hấn chỉ thích yêu người bằng tuổi chị và không hiểu sao, ngoài tình yêu, điều gọi cảm nhất đối với hấn là bộ ngực ngọt ngào. Vì vậy mới yêu cô Vinh hát quan họ, rồi cô làm lễ cho ông Quân đóng lính cho Tây. Đến năm mười lăm tuổi, hấn gặp chị Nghĩa, còn có cái tên khác là chị Bồng. Hấn thổ lộ với tôi: “Nhà không có ai, chị thường ôm ghì lấy tớ, dần dần quen tớ cũng sờ soạn bên ngoài áo. Từ đấy, mỗi khi được chị ôm, tớ đưa thẳng tay vào trong yếm...”. Một hôm cả nhà đi vắng, qua mấy kẽ hở của cái phen liếp, hấn lò dò nhìn trộm chị Nghĩa đang kỳ cọ. Ở quê mình tắm tấp thì vẫn mặc quần và đeo yếm, nước ngấm qua vải, nghe hấn diễn tả thì cũng gọi tình và rạo rức lắm. Đang chổng mông ngông cổ cò, bỗng hấn nghe giọng chị Nghĩa rất thản nhiên nói vọng ra: “Cứ đẩy cửa rộng ra mà vào...”. Từ mảnh thừa phen liếp ở cái tuổi mười mấy, mãi đến năm 1960 hấn làm thêm bài thơ về chị Bồng...Tựa đề bài ấy, tôi lại quên khuấy đi mất...Hình như “Sáo Tắm” thì phải, tôi chỉ nhớ bốn câu cuối:

*Lý lý ơi khát khô cả giọng  
Tình tình ơi chớ động mảnh thưa  
Chia với quệt gió hững hờ  
Bờ ao sáo tắm bao giờ...hả em*

Và tôi đứng dưới gốc cây gạo sế cửa nhà cô Đ., với những thẩn thờ, già rồi anh ạ, chuyện gần thì quên, chuyện xa thì nhớ. Ấy là đã từ lâu tôi như bị thôi thúc tìm về con đường mòn cũ, cùng những khắc khoai trong buổi trưa hè, bà chị họ vén yếm cho con bú, màu vỏ chay, vỏ bứa, màu nâu đất của ruộng vườn, chôn sâu bám chặt cùng một màu trắng phơi pha. Cùng tiếng võng hiu hắt, đong đưa về với tiếng hát quan họ của những cô gái đôi Lim “*Rằng tôi lý ới a tháng Giêng, ới a tính tang tình rằng – Cho đôi mình gặp, xem hội cái đêm trăng rằm*”. Như khúc đồng dao mà những tiếng láy, tiếng đệm là những nốt nhạc đơn điệu, là cái gạch nối của

của chiếc nón quai thao, cái thắt lưng ruột tượng và cũng không thể quên khoe mắt sắc như dao cau, lông mày lá liễu. Tôi không nhìn qua kẽ hở, để đợi bờ ao sáo tắm bao giờ hả em...Mà chỉ hình dung lúc này bên kia con ngõ nhỏ, đằng sát cửa sổ, dưới ánh đèn:

Ngồi trước gương, con sáo đang rũ phần chùi son, thấy cặp lông mày cạo trắng, kẻ đậm bằng bút chì đen. Lại mừng tượng đến ai đấy đang trút tháo xiêm y: Thấy hương đồng cỏ nội bay đi ít nhiều, nào đâu cái áo tứ thân, cái khăn mỏ quạ cái quần nái đen, để chẳng tìm thấy hơi hướng của hoa khế, hoa cau. Nào đâu yếm thắm hương xưa, cây chanh lại nở hoa chanh, để con bướm trắng bay quanh cả ngày. Cùng hoài vọng *“Thuyền thúng là thuyền thúng ơi – Có ai về trong quan họ cho đi nhờ”* với hững hờ đến ngần ngờ...

Bao giờ tìm được...lá diêu bông.

Thế nhưng ngay lúc ấy, qua đôi mắt với...cặp lông mày cạo trắng như trống vắng, cỏ xót xa đưa cỏ xót xa người, khi không tôi lại thần thờ hồi tưởng lại cái ngày tôi về quê nhà gặp người con gái đầu đời năm xưa. Tôi gặp người xưa ngày nào chổng mông mặc váy bên cánh đồng...Nay đang bán hàng nước, hai mắt che bằng miếng vải tây điều hấp háy nhìn tôi như người xa lạ...nếu biết thế thà đừng về gặp người xưa năm cũ nữa thì hay hơn.

\*\*\*

*Nghe tin cụ nằm trong viện dưỡng lão, qua lời dặn dò bố tôi. Tôi vào thăm với một túi đồ ăn, gần đất xa trời, cụ vẫn chỉ quanh quẩn với cọng ngò, nhánh hành rang cháy, và đó cũng là đĩa bánh cuốn Thanh Trì đầy vui cuối đời của cụ. Cẩn được một, hai miếng, cụ lắc đầu thều thào về một quán tre, nóc rơm mái rạ, ẩn khuất bên bờ sông Đuống, trong một ngày đầu năm cùng mưa phùn gió bắc. Và tôi không ngạc nhiên, vì cụ lúc nào cũng canh cánh bên lòng một nơi chốn nào đó với bến cũ, con đò xưa. Để tôi cũng chẳng lấy gì làm lạ khi thấy trên đầu giường, cụ không treo tranh ảnh, cũng chẳng tượng Phật, hình Chúa.*

*Lạc lỏng và chơ vơ là một mảnh yếm nâu.*

*Tuần sau cụ mất...Đám tang một ngày trong tuần nên tôi không tiện đưa cụ lần cuối. Và trong thâm tâm, tôi hiểu rằng cái yếm nâu ấy, giờ này đang rong ruổi với cụ, không phải phiêu lãng về một miền viên mãn xa xăm. Mà đang thông dong ở đầu thôn cuối xóm, trên con đường mòn gần đồi Lim, cỏ non xanh mượt tận cuối chân trời “Sớm đi chơi hội – Tối về quay tơ - Dải yếm phát phơ”. Gần đấy là dãy núi Thiên Thai, mây trắng giăng giăng đầu núi. Trong nắng hanh vàng của một ngày đầu xuân, vắng vắng đâu đây có tiếng hát quan họ của một cặp trai gái. Hình như họ biết nhau, xa vắng một thời gian nay mới gặp lại. Nghe loáng thoáng có một giọng “liền anh” bùi ngùi, với nhớ và mong cất lên, và một giọng “liền chị” e dè, đầy mặn nồng tình tự đáp lại:*

*Liền anh tay cầm ô, đầu đội khăn xếp, áo the đen:*

*Gần đây mà chẳng sang chơi  
Để anh ngắt ngọn mồng tơi bắc cầu*

*Liền chị tay giữ nón quai thao, áo tứ thân, yếm thắm hoa đào:*

*Mồng tơi chẳng bắc được cầu  
Để em trải yếm bắc cầu anh sang*

Trúc gia trang  
Tiết xuân, Canh Dần niên  
Phí Ngọc Hùng

Phụ đính: Địa danh Bắc Ninh phía dưới.

## Bắc Ninh

Tục ngữ có câu “ăn Bắc, mặc Kinh”: Kinh là kinh đô Thăng Long, còn Bắc đây chỉ xứ Kinh Bắc cổ xưa với thành Cổ Loa có từ thời An Dương Vương và thôn Cổ Pháp, quê hương của Lý Công Uẩn, người sáng lập ra triều Lý. Theo thuyết cũ, dựa theo nghiên cứu của ngành khảo cổ thì người Việt cổ đã cư trú cả nghìn năm trước đây, những dấu vết của thị trấn cổ Luy Lâu đã chứng minh rằng Bắc Ninh là một nơi thị tứ phồn thịnh từ thế kỷ thứ 2 đến thế kỷ thứ 10. Văn hóa nhà Phật từ Ấn Độ ghé trung tâm Luy Lâu trước khi thâm nhập vào Trung Quốc, như kinh kệ đã để lại trong tàng kinh các của chùa chiền nơi đây, cũng có ghi chú điều ấy. Đời vua Lý Anh Tông, nhà Tống thừa nhận nước ta qua cái tên An Nam Quốc. Vì vậy không thể phủ nhận Bắc Ninh là cái nôi của lịch sử nước nhà từ khi lập quốc cho đến ngày nay.

Thế nhưng lại có thuyết mới cho rằng: “Trấn Kinh Bắc được thành lập vào thời vua Lê Thánh Tông vào năm 1469 vì rằng sau chận chiến với quân Minh của vua Lê Lợi, để bảo vệ thành Thăng Long, vua Lê Thánh Tông cho lập bốn trấn chung quanh hoàng thành là Trấn Hải Dương, Trấn Sơn Nam (Nam Định), Trấn Sơn Nam Thượng (Hưng Yên) và Trấn Kinh Bắc. Năm 1822, vua Minh Mạng đổi trấn Kinh Bắc thành trấn Bắc Ninh và tới năm 1831 đổi thành tỉnh Bắc Ninh...

Trở về cổ sử, năm 210 trước tây lịch, Triệu Đà mang quân sang đánh nước ta và đóng quân ở núi Tiên Du (Bắc Ninh). Trận chiến với An Dương Vương ở làng Đông Mại (Đông Hồ) cạnh sông Tiểu Giang (sông Đuống) bất phân thắng bại. Sau hai bên phải giảng hòa và lấy con sông nhỏ này làm ranh giới, phía bắc thuộc Triệu Đà và người Trung Hoa đặt tên là **Bắc Giang**.

Phía nam thuộc An Dương Vương, con sông lịch sử trên cũng được gọi là sông Bắc Giang, nhưng vùng đất này vẫn chưa có tên. Đời vua Đinh Tiên Hoàng được gọi là châu Cổ Lâm, qua tới đời vua Lý Thái Tổ đổi thành Cổ Pháp, sông Bắc Giang thành sông Thiên Đức. Từ đây trong sử Bắc Ninh được ghi là “**Bắc Giang**” và Bắc Ninh chỉ được nhắc đến vào thời chúa Trịnh Sâm, nhà Lê.

Nhà Lý đưa đạo Phật vào nước ta, vì vậy có thể nói Bắc Ninh là đất của đình chùa. Nhưng đặc thù của chùa Bắc Ninh là chùa Cổ Pháp với Lục tổ Thiền sư Vạn Hạnh. Chùa Tiêu Sơn, nơi nhà văn Khái Hưng trú ngụ một thời gian để viết truyện “Tiêu Sơn Tráng Sĩ”. Chùa đất Bắc nổi tiếng như chùa Thầy, Sơn Tây, chùa Keo, Thái Bình với gỗ kèo dày đặc. Nhưng đình thì phải ghi nhận đình Bảng, thuộc làng Bảng, là đình lớn nhất với kiến trúc cổ truyền và cũng lâu đời nhất.

Có chùa có chợ, không thể không nói đến làng nghề Đông Hồ bên bờ sông Đuống. Xưa gọi là làng Đông Mại (hay Mái), thuộc tổng Hồ, huyện Siêu Loại. Làng được dựng lên từ đời nhà Mạc 1680, chuyên làm tranh dân gian, còn được gọi là tranh gà lợn hay tranh Tết trên giấy dó. Ngoài ra họ còn làm giấy cho chùa in kinh cho vua quan để viết chiếu chỉ.

Đất Bắc Ninh là quê hương của 49 làng quan họ, khởi thủy ở Phù Lưu, nhưng từ đâu mà ra thì họ dựa nhiều vào thuyết là từ các “quan” ở kinh đô mang nhạc cung đình về đình chùa để cúng tế, châu văn, sau lan tới dân gian. Vì tránh tiếng “xương ca vô loài” với ả đào, con hát, nên dân làng này sang làng khác để nhận “họ” nhận hàng, hát với nhau, để có cái tên “Quan họ”. Về nhận họ nhận hàng, làng này mang trâu cau qua làng kia để nhận là anh chị em, họ coi cha mẹ hai bên như cha mẹ mình, vui buồn qua lại thăm hỏi. Mặc dù thân tình như vậy, với tục “làng quan họ nghĩa”, như trong một gia đình nên họ không được lấy nhau.

Sau Tết, họ chọn ngày 13 tháng Giêng là ngày hội quan họ, và hẹn nhau tụ về làng Lim. Lim là tên tục của làng Nội Duệ, huyện Tiên Du. Có hai loại hát là hát ngoài trời, bốn người với nhau với đôi nam đôi nữ, thường là hỏi han và tình tự. Hát trong nhà ngồi thành nhóm đôi đáp, vì đối đáp như hát đố. Cũng từ hát trong nhà, hát quan họ lan qua vùng Phú Thọ để thành “hát ghẹo”.

## Nhớ Hoàng Cầm Nguyễn Quang Lập

Mình vừa từ Sài Gòn bay ra thì nhận được điện thoại của anh Toán (Nhiếp ảnh gia Nguyễn Đình Toán), nói cụ Cầm đi rồi, vừa đi lúc 9 giờ 12 phút. Mình ngồi thờ hồi lâu, buồn và ân hận. Trước đây mình đều thăm anh một năm đôi ba bận, hơn năm qua mình không đến thăm anh lần nào. Từ ngày anh bị ngã đập xương đùi, người già xương khó liền, hình như xương chèn dây thần kinh hai chân liệt hẳn. Trong căn phòng tầng 5 nhà anh ở 43 Lý Quốc Sư, ngày nào cũng giống ngày nào anh ngồi trông ra như đợi chờ một cái gì.

Anh ở cao quá, mình thì què, leo được 5 tầng để thăm anh thật toát mồ hôi hột, thở không ra hơi. Anh nhìn mình thương xót, nói thôi, thăm nom làm gì, Lập đừng cố leo trèo nữa, gọi điện thoại là được rồi. Mình lại thương anh, một người suốt đời *tim* và về cả thơ lẫn đời bây giờ phải ngồi bó gối trông ra, vắng tanh người qua lại, anh một bên và cái máy giặt một bên, buồn quá là buồn. Tính anh ham vui ham chơi, thời trẻ đem đoàn văn công lặn lội khắp các chiến trường, gian khổ cay đắng khổ nhục không thiếu nhưng đây là thời kì rục rờ nhất vui sướng nhất của anh, cứ mỗi lần nhắc đến thời này mắt anh sáng rục lên, lấp lánh hạnh phúc. Sau này gặp nạn *Nhân văn*, nhiều người cùng cảnh buồn nản chấm dứt cuộc chơi thì anh vẫn rong ruổi giữa đời chưa bao giờ biết chán.

Hè năm 1993 mình ở Thị xã Quảng Trị, anh và anh Toán bất ngờ đến thăm làm mình sướng muốn ngất. Trước đó không quen anh, có gặp anh đôi lần nhưng chỉ dám khế nép ngồi ké nghe anh nói. Đối với mình anh là một tượng đài thơ chỉ ngước lên ngưỡng mộ chứ không dám tới gần. Một hôm mình đang họp ở Đông Hà, vợ gọi điện ra, nói bác Hoàng Cầm đến chơi. Mình sướng rêm, y chang như khi biết tin các bác Hoàng Thi Thơ, Lê Bá Đảng đến chơi nhà vậy. Mình vọt về ngay, vừa gặp chưa kịp chào hỏi gì anh đã kéo tay mình, nói ở đây ai có điều cay không, mượn giúp tôi cái, thềm thuốc lào quá. Mình huy động tám ông bạn rải khắp Thị xã truy lùng điều cay, một giờ sau thì kiếm được, anh cầm điều rít một hơi dài, ngửa cổ phả khói, nói đã! Hỏi ra mới biết anh về nhà mình để đón hai ông đi bộ Hoà Vang và Nguyễn Lương Ngọc, nghe nói họ đã về Đồng Hới, đang trên đường về Quảng Trị. Anh và anh Toán đã bám theo Hoà Vang, Lương Ngọc vào đây. Cùng xuất phát từ Hà Nội, anh và anh Toán đi ô tô đón đầu từng chặng một. Mình nói anh đã bảy chục tuổi đầu còn rong ruổi đường trường với mấy ông trẻ, thật phục anh quá. Anh cười cái hì, nói đi cho tụi nó vui, để ngắm cái trẻ trung của tụi nó vào thân, ích lắm.. Hôm xuất quân tại báo Văn Nghệ, Hoàng Cầm nói đoàn ba con chó chuẩn bị lên đường. Ai cũng ngỡ ra không hiểu sao, anh cười cái hì, nói tôi tuổi Tuất, Hoà Vang, Lương Ngọc cũng tuổi Tuất, chả phải ba con chó sao. Tôi là chó già, Hoà Vang là chó anh, Lương Ngọc là chó em. Anh Toán nhăn răng cười, nói em cũng là chó, chó săn... ảnh. Buổi xuất quân hôm ấy thật xôm trò, anh Cầm dơ tay hô, nói đoàn bốn con chó lên đường! Hoà Vang Lương- Ngọc khoác ba lô hăm hờ đi, anh em nhà văn chạy theo tiễn họ cho đến ga Giáp Bát mới thôi. Hôm sau báo chí ầm ĩ. Bạn bè thân thiết mừng thì ít lo thì nhiều, một khi báo chí để ý rồi, nếu đi đứng không đàng hoàng thì dễ toi cộm với dư luận lắm. Chả biết hai ông Hoà Vang- Lương Ngọc đi bộ kiểu gì mà nhiều đoạn còn nhanh hơn ô tô. Hôm ở Thị xã Hà Tĩnh, Hoà Vang còn điện tin cho học trò anh là vợ thằng Thịnh (Nhà báo Nguyễn Thế

Thịnh), nói ngày nọ ngày kia thầy về Đồng Hới. Ai dè thầy về Đồng Hới hôm trước hôm sau điện tín mới tới tay tôi.

Tối hôm ấy đón Hoà Vang- Lương Ngọc, ngồi nhậu với nhau trước sân nhà mình, Hoàng Cầm hỏi đi hỏi lại chuyện đi bộ của hai người từ Hà Nội vào Quảng Trị, nói các ông có nhảy cóc đoạn nào không đấy. Mình cười khì khì, nói mấy ông này đi mà không đi, không đi mà đi, ấy là đi vậy. Anh nhìn Hoà Vang – Lương Ngọc nghiêm mặt, nói đi đứng cho đàng hoàng nhé, không ai ép các ông đâu nhé, biết viết văn thật thì phải đi thật nhé. Hoà Vang – Lương Ngọc thè lưỡi rụt cổ không dám nói gì.

Sáng sau Hoàng Cầm vào Huế, anh kéo mình ra một góc, nói Lập cho người kèm sát anh ông tướng kia nhé, đừng để mất uy tín. Khi nào thấy chúng nó mệt quá thì chờ chúng đi một đoạn, còn thì phải đi bộ cho bằng được. Mình vâng vâng dạ dạ cho qua chuyện, thực bụng không tin hai ông có sức nuốt trôi hai ngàn cây số đường bộ, thôi thì lờ đi cho các ông vui về đi tới nơi về tới chốn.

Nhưng mà sợ anh không dám nói, anh xưa nay sống thật chơi thật viết thật. Một lần uống rượu với anh, nhân có người nhắc câu **Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng**, anh cười cái hì, nói người ta khen tôi duy mỹ nhưng tôi lại thích được khen duy thật, duy đời.

Lại nói chuyện **Lá diêu bông**, nó nổi tiếng đến nỗi dù anh có cả trăm bài thơ hay nhưng nhắc đến anh không ai không nhắc đến **Lá diêu bông**. Một hôm anh Quốc (Bùi Minh Quốc) gọi điện từ Đà Lạt, nói tao tìm được Lá diêu bông rồi nhé. Và anh đọc oang oang : **Thôi ta chẳng thèm tìm lá diêu bông/ Cái lá vu vơ cái lá phiêu bông/ Một thời ngu ngơ một thời trả giá/ Cái lá phiêu bông cái lá không không/ Ta hái ven đường nụ hoa cút lợn/ Làm thuốc phong trần chữa bệnh nhân gian/Vĩnh biệt nhé lá diêu bông huyễn tượng/Em cầm che khuôn mặt bẽ bàng .**

Anh Thanh Thảo cười khì, nói éo phải, lão Quốc không tìm được, tao tìm được hẳn hoi nhé. Thanh Thảo khịt mũi hai ba lần rồi đọc: **Chết mẹ đây rồi cái lá diêu bông/Cái lá mu mớ cái lá mòng mòng/ Một thuở hào hùng anh đâm lút cán/Cái lá pháp phù lành rách như không/ Ở hờ diêu bông nhạt ở hội trường/Làm thuốc cường dương chữa bệnh ẩm ương/Welcome! Lá diêu bông mát quá/ Mỏng hơn lá lúa rần hơn đồng.**

Cả hai bài này mình đều in ở **Cửa Việt**, mình đưa cho anh xem, đọc xong anh cười cái hì, nói nhiều người hỏi mình lá diêu bông là lá gì, mình chẳng biết nói sao. Có lẽ đó là cái lá định mệnh, lá tình lá văn số kiếp của mình thôi. Anh ngồi rít thuốc Lào hai ba điếu liền, nói ở nơi đồng không mông quạnh thế này mà làm được tờ **Cửa Việt** là giỏi lắm, ông với ông Tường (Hoàng Phủ Ngọc Tường) cố mà giữ lấy nhé.

Nhưng mình và anh Tường không giữ được, anh Tường chạy vào Huế, mình chạy ra Hà Nội. Lần cuối cùng gặp anh, đang nói chuyện vui về anh đột nhiên im lặng, rít mấy điếu thuốc Lào liền, nói tờ **Cửa Việt** còn không. Mình nói vẫn còn anh ạ. Anh cười cái hì, nói báo chí bây giờ nhiều tờ còn mà không còn, không còn mà còn, ấy là còn vậy. Anh thở hắt ra, nói cũng như kiếp văn anh em mình thôi, còn mà không còn, khôn thế.

Anh nhìn ra ngoài trời, đôi mắt mở to buồn thăm thẳm.

**Hoàng Cầm, một đời “nhớ tiếc”,  
một đời “nín xuân xanh**

**Hoàng Hưng**

Là nhà thơ được yêu mến bậc nhất trong đời sống thơ đương đại, gần một năm sau khi lia trần, Hoàng Cầm vẫn là một hồ sơ chưa được bạch hóa. Cả về đời lẫn về thơ.

Về đời, tuy ông đã kể khá nhiều với người hâm mộ, với giới truyền thông, nhưng tiếc thay phần lớn chỉ là những câu chuyện tình đã được thi vị hóa và huyền thoại hóa trước tiên bởi chính người kể và khuyếch đại sau đó bởi người nghe, trong khi phần quan trọng nhất trong văn nghiệp cùng những hệ lụy của nó lại chưa có cơ hội trình ra ánh sáng. Về thơ, có thể nói ngoài những tác phẩm tình ý rõ ràng như *Đêm liên hoan*, *Bên kia sông Đuống...*, thành tựu lớn nhất của ông là *Về Kinh Bắc* chưa được hiểu và phân tích đến nơi, một phần do tính chất mơ hồ, đa diện, đa nghĩa của một số bài quan trọng, mà chính tác giả cũng nói rằng mình không mình định được, ông còn sẵn sàng khoác thêm một màn sương khói hư hư thực thực bằng những câu chuyện kiểu như bài thơ ra đời từ tiếng ai vắng vắng trong đêm...

Lại nữa, truyền thông nước ta góp phần lớn vào việc làm cho công chúng cảm nhận Hoàng Cầm một cách phiến diện. Trong suốt hai thập niên trở thành gương mặt văn học “ăn khách” bậc nhất, ông luôn xuất hiện như một khách thơ tài hoa đa tình quanh quẩn với hai loại tình: tình quê hương quan họ và tình “chị - em” độc đáo, ông như bị chế biến thành món giải trí dễ dãi cho một số đồng tò mò hơn là thực sự thưởng thức văn chương.

Có lẽ đây là dịp để, sau những tràng vỗ tay ồn ào cũng như những vòng hoa thương tiếc, cả sau khi những ân oán thời cuộc thường chi phối sự nhìn nhận tác giả và tác phẩm đã lùi xa vừa đủ, ta có điều kiện lắng xuống, tịnh tâm để nhận diện con người và thơ Hoàng Cầm một cách thuần túy hơn.

Tôi chưa dám nói về kịch thơ, truyện thơ Hoàng Cầm, ở đó ngay từ *Kiều Loan*, và sau đến *Người con gái nước Tần*, *Trương Chi*, tài năng của một nhà soạn kịch sống với tài năng của người nhuần nhuyễn ngôn ngữ thơ đảm bảo giá trị cho những tác phẩm thuộc một thể loại sân khấu tiếc rằng vì hoàn cảnh lịch sử đã không được nuôi dưỡng. Tôi tự hạn chế trong lĩnh vực THƠ viết hoa.

Điều đầu tiên tôi muốn nói, Hoàng Cầm đa dạng hơn những gì công chúng quen nhìn thấy.

Ở nửa cuối cuộc đời, người ta dễ thấy ông, mà ông cũng thường tự nhận, là con người dễ dãi, uỷ mị, thậm chí nhu nhược, có gì đó nữ tính, “*theo dòng mấu hệ*”. Có thể trong sâu xa con người ông phần “âm” có sẵn đã nổi lên do hoàn cảnh khốn cùng ông bị đẩy vào, trong hoàn cảnh ấy cái “âm”, cái “ẩn” có tác dụng bảo toàn, che chở. Cũng nên lưu ý đến tính nữ ở những vai nam trong quan họ hay chèo, một đặc trưng văn hóa dân gian đồng bằng Bắc Bộ mà Hoàng Cầm thấm đẫm. Vì thế người ta dễ quên đi gương mặt hùng của anh bộ đội Hoàng Cầm trong tám ảnh mũ nan áo trấn thủ chụp ngày mới giải phóng thủ đô, quên đi giọng ngâm thơ sang sảng trên đài phát thanh của một Hoàng Cầm trong *Đêm liên hoan* “*Đầu nhấp nhô như sóng bể ngang tâng/ Ta muốn hét cho vỡ toang lồng ngực/ Vì say sưa tình thân thiết vệ quốc đoàn*”. Mê mãi những “*em mặc yếm thắm em thắt lụa hồng*” bên *kia sông Đuống*, ta bỏ qua những anh “*bộ đội bên sông đã trở về/ Con bắt đầu xuất kích/ Đồn giặc bắt đầu run trong sương/ Dao lóe giữa chợ/ Gậy lùa cuối thôn*.” Cũng như khi cùng tác giả trở về *Kinh Bắc*, bị ám ảnh quá nhiều vì cái *lá Diêu Bông*, *cổ bài tam cúc* chị em em, người ta không mấy quan tâm đến tâm trạng bi phẫn *Trăng lên chém đầu ngọn gió, Cành si bung chậu máu chất chao...* Người ta cũng tránh nhắc đến dũng khí của một nhân vật chủ chốt Nhân Văn – Giai Phẩm, người quyết định công bố *Nhất định thắng* và sau đó khẳng khái bênh vực tác giả của nó (*Con người Trần Dần*).

Tất nhiên thơ Hoàng Cầm cũng đa dạng như con người ông. Và thay đổi khá nhiều theo theo thời gian, hoàn cảnh. Không thể nhận ra tác giả những lời thơ lãng mạn tuổi 20 “*Những khoảng chiều buồn phơ phất lại/ Anh đàn em hát níu xuân xanh*” trong những giai đoạn kháng chiến, đầu hòa bình. Nhưng đến những năm tháng của tuổi 70, 80 thì ta nhiều lúc bắt gặp ông trở lại nhạc điệu, thi ảnh, và cả ngôn từ của thời “*vót mắt em về bến hoá sinh*”. Vâng, ở cái tuổi xưa nay hiếm, Hoàng Cầm vẫn chạy theo những mối tình đơn phương, ảo vọng, vẫn “*níu xuân xanh*” với hết sinh lực (không còn bao nhiêu) và thi lực (vẫn tràn đầy).

Giữa hai đầu lãng mạn đầu đời và “*níu lãng mạn*” cuối đời, ta có Hoàng Cầm thơ kháng chiến lượng không nhiều mà nổi đình đám chỉ cần với một *Bên kia sông Đuống*. Một Hoàng Cầm thơ

trữ tình phê phán sắc sảo và cay độc thói quan liêu đạo đức giả: “Rúc đầu vào vách vơi/ Hút hít như chó con... Mắt thầy nhắm nghiền lại/ Thầy đọc kinh giáo điều... Dao ngọc với gương vàng/ Chém nát như trận gió...”, “Diễn văn cót két chân giường mới/ Gặm hết tình yêu hết ước mơ. Ta có cả một Hoàng Cầm biết tụng ca anh hùng với những hình tượng sáng tạo “Anh đứng là lưỡi cày/ Anh nằm là dòng mương/ Anh ngồi là cót thóc/ Anh đi là con đường”. Rất ít người để ý đến một Hoàng Cầm mới lạ của tổ khúc thơ rock siêu thực – xuất biểu có một không hai trong thơ Việt Nam (U gì, tặng khối u của Đặng Đình Hưng) đầy bi phần kinh hoàng ác mộng: “Lỗ chỗ chín châu nắng tóa mắt võng rách tụt cân đai yên ngựa què kéo đen ngòm cỗ xe bánh vuông (không thấy mũi) sa lầy bãi sông thu bùn lũ ngược vẩy sen tàn (đi hoang ư) ngậm miệng ngậm gió thốc lốc cung rê-ma-giơ quắt nhưc ba cạnh nhưng gai lì ái ân gì dài thon mười búp lóa kim cương trắng sữa đầu vú núi cao ngất lùm cỏ ngọt ước ao”... “Lố nhố nhiều u gì sau xe hình mắt lé mã tấu trùng trùng răng chuột mặt nạ người đẹp ngọt xót thanh xà nép lá bồ đề”.

## Về Kinh Bắc

Nhưng có thể nói, tác phẩm gắn chặt nhất với tên Hoàng Cầm truyền lại cho hậu thế phải là *Về Kinh Bắc*. Hoàn cảnh ra đời tối ưu cho một kiệt tác: tác giả bị dồn đẩy vào tâm thế chìm đắm hoàn toàn trong thế giới hoài niệm với thơ là nơi bầu vú, là nguồn sống, là năng lượng giải thoát độc nhất (“cô đơn là cứ phải toàn phần mới sinh năng lượng” – Đặng Đình Hưng); tác giả đang ở độ chín tới của tuổi tác và tài năng.

*Về Kinh Bắc* là tổ khúc tám nhịp hồi quang một vùng văn hóa lịch sử, trên nền ấy nổi lên nhịp Năm gửi gắm tâm sự của một đứa “Em” (không) gửi tới “Chị”, người mà “Em” thâm yêu, cả tin, rồi vỡ mộng, nhưng chẳng dám thốt ra lời gì hơn là nỗi lòng bơ vơ, ngậm ngùi, có chút hờn trách. Hồi quang Kinh Bắc đầy màu sắc. Với những chớp lóe ấn tượng thật gợi cảm trong nhịp Một, cũng là khúc dạo (prelude) của một đại tổ khúc, gồm năm đêm Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ - lướt nhanh một Kinh Bắc huyền tích (*Néo Đông Triều khép mở gió kỳ lân/ Chớp rạch dáng tiên vén xiêm xõa ngủ...*), Kinh Bắc huê tình non tơ (*Chùm cau căng nút mạch tằm/ Yếm may ba ngày mẹ vá lại... Gió ra hồng da trinh nữ... ong bay vai áo tiểu thon mình*), Kinh Bắc bi tráng (*Chợt mê thét giữa sân/ Nét mác chữ thiên toạc lưng trâu mộng*), Kinh Bắc ma mị (*Châu cháu ma vờn cổ yếm xây... Trò chuyện gì ai đâu/ Mỏ tháng giêng mưa ướt sũng...*), Kinh Bắc của những sinh hoạt văn hóa dân gian giàu bản sắc (*Hình nhân má điệp tóc mực tàu/ Mắt nghiêng dựa liếp/ Mai nháy vào đám lửa giỗ đầu... Kèn già lam ai tập thổi/ Gió mát chồi xuân đay nghiêng lữ tre dầy... Đầm ca dao sáo diều chiều lịm tím lưng trâu...*). Với lịch sử bi hùng được kể trong ba nhịp Hai, Ba, Bốn. Với chân dung những người con gái đa tình, đa truân trong nhịp Năm. Với phác họa những hội hè trong nhịp Sáu. Có thể nói *Về Kinh Bắc* cùng với truyện thơ *Tiếng hát quan họ* và nhiều bài thơ lẻ cuối đời cho thấy Hoàng Cầm là kết tinh vùng văn hóa nghìn năm Kinh Bắc, là thi sĩ của đất quan họ, chẳng khác thi sĩ Tây Ban Nha Federico Garcia Lorca với quê hương Andalusia qua những khúc *cante hondo* (trầm ca) và *romance*.

Nhưng cũng phải nhận rằng, *Về Kinh Bắc* in đậm vào dư luận và sống trong lòng công chúng phần nhiều ở chùm thơ đặc biệt trong nhịp Năm: bộ ba *Cây, Lá, Quả* (*Cây Tam cúc, lá Diêu bông, Quả vườn ổi*), mở rộng là bộ bốn (*Cây, Lá, Quả, Cỏ - Cỏ Bồng thi*). Không nói tới việc số phận đoạn trường của chùm thơ này kéo theo số phận đoạn trường của tác giả đã góp phần không nhỏ làm cho chúng nổi tiếng và được yêu mến, “đến hôm nay, thoát khỏi mọi vương vùi thời cuộc, bộ ba *cây-lá-quả* vẫn cứ ngậy ngậy men erotic của những ẩn ức ấu thơ sục mùi ỏ rơm tóc ẩm trộn với một liều lượng đắng cay của tuổi trẻ thất vọng đượm một nỗi u ẩn thế sự, vẫn nguyên sức cám dỗ của thứ rượu lâu năm nhấp môi thì ngọt, nuốt vào thì đắng, uống rồi thì chướng choáng ngậm ngùi.” (HH- Bài giới thiệu tập thơ *Mưa Thuận Thành*, báo *Lao Động* 1991). Ngoài chùm thơ trên, có *Về với ta*, một bài làm thanh cả nhịp cuối, nhịp kết của tập thơ. Không nổi tiếng với công chúng rộng, nhưng bài thơ được đánh giá cao trong giới bạn thơ của tác giả và



cũng là một trong những bài tâm đắc nhất của ông. Tôi nghĩ bài này chứa đựng những gì là Hoàng Cầm nhất.

Về mặt thi pháp, thực ra *Về Kinh Bắc* chưa tạo dựng một thi pháp nhất quán rõ rệt như ở Trần Dần, Lê Đạt, nhưng nó rất riêng một lối thơ Hoàng Cầm của thời kỳ này, cũng là lối thơ Hoàng Cầm nhất.

Trước tiên là một nhạc điệu Hoàng Cầm: dặt dìu, đón đưa, đan dứ, buông bắt. Có thể nhận ra tất cả hồn quan họ ngân nga trong ấy. Thứ nhạc này khiến cho thơ tự do không vắn của tác giả, trong khi theo sát diễn biến của từng tâm trạng cụ thể, thậm chí còn du dương hơn lối thơ vần điệu (cuối đời tác giả hay tự hát thơ của mình trong những cuộc gặp gỡ bỏ túi). Ta có thể gọi nó là “điệu tâm hồn Hoàng Cầm”.

Rất rõ một lối tạo hình Hoàng Cầm: xen tả với gợi, xen ẩn tượng, biểu tượng với khắc hẳn xuất biểu. Ở những bài thành công nhất, việc sử dụng biểu tượng gửi gắm những tâm ý không nói ra được (có thể là “tàn dư” của thủ pháp “biểu tượng hai mặt” thời Nhân Văn – Giai Phẩm nhưng đã từ tầng lý trí chìm xuống tầng sâu tiềm thức, bộc phát, nên sức ám ảnh rất cao), kết với sức gợi và ám của nhạc thơ, cho ta một Hoàng Cầm của thi pháp tượng trưng thời mới – tôi tạm gọi là “tân tượng trưng”.

Hoàng Cầm cũng có một kiểu dặt dẫn tuyến thơ: Một cách mở đầu hầu như bao giờ cũng tự phát từ sự mách bảo của tiềm thức, bản năng, không từ sự lập ý (cho nên ông hay nói về tiếng người trong đêm đọc câu thơ mở đầu cho bài thơ của mình), rồi phát triển bài thơ xen kẽ với tả, và cấu trúc bài thơ không bao giờ thiếu kịch tính.

Ngôn ngữ thơ Hoàng Cầm tài hoa óng chuốt bay bướm nhưng vẫn tự nhiên, tuy cũng có những lúc hơi lạm phát vàng son song ít khi rơi xuống sáo mòn.

Có một nét rất riêng Hoàng Cầm nữa: sự tạo dáng ký thác tâm trạng trong các bài thơ. Ngay từ *Bên kia sông Đuống*, cái dáng *ngiên nghiêng* của con sông đã ám ảnh bao nhiêu người yêu thơ ông (có nhà nghiên cứu còn ngậy thơ thử đi đo độ nghiêng của sông Đuống thực!). Trong một lần chở xe đạp nhà thơ trên phố dịp ông vào Sài Gòn lần đầu, tôi bỗng “phát hiện” cái thể *ngiên nghiêng* của con sông có lẽ là từ cái dáng nằm *ngiên nghiêng* của chính tác giả trong cái đêm trần trọc nhớ về con sông quê sa vào tay giấc. Cái dáng này cũng như tiên cảm sự chông chênh của đời ông! (*Đứng không yên ổn, ngồi không vững vàng – Kiều*). Trong *Về Kinh Bắc*, ta gặp cái dáng bơ vơ *Em đứng nhìn theo em gọi đôi*, lạc lõng *Từ đây em đi khắp sông khắp núi/ Gió quê vi vút gọi/ Diêu bông hời... ới diêu bông*, lủi thủi *Lẽo đẽo em đi vườn mai sau/ Cúi mặt chiều mưa dầm quả rụng*, bị du đưa như trong cơn mộng du *Chị đưa em đến chốn này/ Cheo leo mỏm đá, chết đứng không trôi mà không đi... em vọng ai đâu mà hóa đá... kia rau muống dại kín em rồi...*

Bao trùm tất cả, *Về Kinh Bắc* dựng lên một không khí, một thế giới Hoàng Cầm. “Thế giới thơ Hoàng Cầm như một cõi mơ giữ nguyên những cái không hề có thật, cái “lá diêu bông” là cái lá gì, “cầu bà Sấm bén cô Mưa” là ở đâu, nhưng cứ ngỡ như là thật; có những chất liệu bình dị của vùng quê Kinh Bắc một thời vừa đủ xa để nhớ tiếc, cổ bài tam cú đôi cá đồng đong... nhưng lại kết thành hư ảo hàm chứa một cái gì bí ẩn. Hoàng Cầm thuộc nòi thi sĩ giao tiếp được với người âm, biết cách gọi về những gì đã mất, đẩy cái trước mắt ra xa vời, nên thơ anh ám ảnh như mộng triệu đời được giải mã.” (HH- Bài giới thiệu tập thơ *Mưa Thuận Thành*, báo *Lao Động* 1991). (Tác giả rất tâm đắc ý cuối này, ông lấy nó khi viết *Chân dung tự thú* năm 1994: “*Gọi chiều xưa trở lại/ Đây chiều nay về xa/ Thường trò chuyện với ma/ Như với người đang sống*”).

*Về Kinh Bắc* là tập thơ được Hoàng Cầm sáng tác trong mùa Đông-Xuân 1959-1960 tại nhà riêng (43 Lý Quốc Sư Hà Nội), sau khi ông bị kỷ luật vì vụ Nhân Văn – Giai Phẩm. Bản thảo sau đó được ông chép tặng một số rất ít người quý mến mà số lượng ngày càng tăng dần, nhất là sau khi đất nước thống nhất năm 1975. Tuy có tiếng xì xầm về những “ẩn ý” oán trách xã hội của một số bài trong đó, nhất là bài *Lá Diêu bông*, nhưng chưa hề có nhận định hay kết luận chính thức nào của các cơ quan hữu trách về tập thơ, cũng chưa hề có một quyết định nào không cho phép lưu truyền nó. Nhưng đến khoảng cuối thập niên 1970 đầu thập niên 1980, khi một số bài thơ do

Hoàng Cầm chép tặng được truyền ra hải ngoại, thì *Về Kinh Bắc* đã “thành vấn đề” đối với “các cơ quan chức năng”.

Năm 1982, một nhà văn người Việt từ Canada về xin nhà thơ chép tặng toàn bộ tập thơ để mang đi. Cùng lúc đó, tình cờ tôi từ Sài Gòn ra, cũng xin ông chép tặng để mang vào. Trong bối cảnh ấy vụ án *Về Kinh Bắc* ra đời với mục tiêu phá vỡ từ trong trứng một âm mưu “lưu truyền văn hóa phẩm phản động”.

Tháng 8 năm 1982, tôi – người mang tập bản thảo do Hoàng Cầm chép tặng với phụ bản tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái và bìa của nhạc sĩ Văn Cao – bị bắt, ngay sau đó là tác giả của nó. Trong quá trình điều tra, vì quá yếu mệt, để mong sớm được ra, nhà thơ đã nhanh chóng nhận tội nói xấu chế độ qua một số bài thơ trong tập và ông tỏ lòng ăn năn hối lỗi. Điều trớ trêu là, sau khi có lá thư thỉnh nguyện của một số trí thức Pháp gửi về xin trả tự do cho nhà thơ, ông lại bị kéo dài thời gian giam giữ. Ông được “tạm tha” sau 16 tháng “giam cứu” (giam giữ để điều tra) tại Hỏa Lò (nhà tạm giam Hà Nội) và Trại tạm giam của Bộ Nội vụ - từ cuối tháng 8 năm 1982 đến cuối tháng 12 năm 1983.

Thời gian bị giam giữ đã ảnh hưởng nặng nề đến sức khỏe tinh thần của Hoàng Cầm. Phải đến hàng năm sau, nhờ sự động viên của bạn bè, ông mới dần hồi phục.

Sau Đổi Mới, một số bài trong *Về Kinh Bắc* được công bố trong vài tập thơ của Hoàng Cầm (*Mưa Thuận Thành, Lá Diêu bông, Bên kia sông Đuống*), trong đó có những bài quan trọng nhất mà dăm năm trước đây còn bị coi là “phản động”. Đến năm 1994 thì *Về Kinh Bắc* được xuất bản. Trong giải thưởng Nhà nước về VHNT trao cho Hoàng Cầm năm 2007, tuy *Về Kinh Bắc* không được nêu danh, nhưng có những tập thơ kể trên.

Sau *Về Kinh Bắc*, thơ Hoàng Cầm không còn tập trung được sức mạnh vào một tác phẩm lớn, không còn giữ được nhạc điệu rất riêng, nhưng thế giới thơ Hoàng Cầm vẫn hiện diện một phần ở tâm trạng tải trên hàng trăm bài thơ lẻ. Một tâm trạng tha thiết đòi yêu, níu yêu, không cam chịu, nhưng không giấu được tiếng thở hắt phẫn chí, ngậm đắng, nuốt cay: *Gió cấp ba thổi méo thân hình... Vào tìm dao khía bìa ra cười...* Thử thuốc mà ông mang tên càng già càng đắng.

Cuộc đời và thi nghiệp của Hoàng Cầm là một trường hợp điển hình cho điều mà tôi coi là một trong những “bí quyết” thành công trong văn giới Việt Nam đương đại. Đó là sự “nằm giữa”. Nằm giữa con người thi nhân và con người chiến sĩ (dân tộc và dân chủ), con người Hoàng Cầm là một mẫu lý tưởng ngấm ngấm cho một bộ phận trí thức văn nghệ sĩ; thất bại trong cuộc đời tranh đấu phủ thêm hào quang cho thi nghiệp của ông. Nằm giữa lối sáng tác truyền thống coi cảm hứng từ chính cuộc đời mình là động lực tự nhiên với ý thức về sự làm mới bút pháp do ảnh hưởng của những người bạn mang tinh thần cách tân quyết liệt. Nằm giữa một cái nôi văn hóa dân gian đậm đà tâm thức tập thể và một chân trời tự do cá nhân hấp thụ từ văn minh phương Tây. Nằm giữa kể chuyện và giải lòng. Nằm giữa thực và mộng, lộ và ẩn, hình ảnh và biểu tượng, huyền thoại và chuyện thật, văn chương và thể sự. Thơ Hoàng Cầm dễ lan truyền mà không bình dân, đáp ứng tâm lý thưởng thức của công chúng trung lưu Việt Nam trong một hoàn cảnh xã hội khá đặc biệt, khi văn nghệ đang chuyển mình từ công cụ chính trị trở lại là chính nó; trong cảnh tranh tối tranh sáng, tiếng xì xào lắm khi còn mạnh hơn lời bình chính thức.

Ngẫm lại một đời thơ ông, tôi thấy ngay từ thưở 20 đến khi về cõi, ông như không thôi bị ám ảnh bởi cái nhu cầu nội tâm sâu xa đọng trong một chữ *NÍU*.

*Những khoảng chiều buồn phơ phất lại*

*Anh đàn em hát níu xuân xanh*

Bao nhiêu tha thiết hàm chứa cái gì bất lực, tội nghiệp trong câu thơ từ 70 năm cũ dự cảm một điều quý báu nhất sắp vượt khỏi tay.

Đời ông là cả một đời *nhớ tiếc* những cái đã mất ấy (“*Đứng bên này sông sao nhớ tiếc/ sao xót xa như rụng bàn tay*”), mà ông chỉ hòng mong *níu* lại bằng thơ. *Níu xuân xanh*. *Níu* một mối tình ảo, *níu* một thời *trầu cay mà đỏ*, *níu màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp...* Và có lẽ, thơ Hoàng Cầm *níu* lòng ta cũng vì thế.

*Bán đảo Tân Phong mùa trăng tháng 3/2011*

